

895.9223008

Đ305B



ĐIỆN BIÊN

HÔM NAY

TẬP TRUYỆN VÀ KÝ

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Điện Biên hôm nay

195.1223018

D 35.5 B

DIÊN BIÊN hôm nay

TẬP TRUYỆN VÀ KÝ
NHIỀU TÁC GIẢ

D. 6944

THƯ VIỆN
PHAN RANG THẬP CHAM

DVN.001607

THƯ VIỆN
D. 2187
NINH THUAN

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN - HÀ NỘI 1984

XUÂN THIỀU

NHỮNG NÈO ĐƯỜNG KHÁC NHAU

Truyện ngắn

Một đoàn làm phim nước ngoài sang Việt Nam muốn quay một đoạn phim về chiến thắng Điện Biên. Họ đề nghị Bộ Văn hóa xin được gặp một chiến sĩ Điện Biên thực sự, mời anh kể chuyện chiến đấu ngay trên nóc hầm tướng Đờ Cát năm xưa để họ quay phim. Bộ Văn hóa cử cán bộ sang gặp Tổng cục chính trị, và các trợ lý ở cục Tuyên huấn rất thành thạo về nghiệp vụ, đã đề nghị lên thủ trưởng Tổng cục và Bộ Văn hóa chọn đồng chí Tân, người đã từng tham gia bắt sống tướng Đờ Cát, hiện là trung tá trung đoàn trưởng bộ binh.

Đang mùa huấn luyện rồi bận, Tân cũng phải giao lại công việc cho phó trung đoàn trưởng để cùng một chuyên viên của Bộ Văn hóa lên Điện Biên tiếp đoàn làm phim.

Từ sau chiến thắng Điện Biên, thường vào dịp kỷ niệm năm chẵn, các nhà báo nhà văn cũng đã nhiều lần tới gặp Tân. Họ yêu cầu anh kể chuyện, rồi họ ghi chép. Thỉnh thoảng họ lại ngắt lời anh để hỏi. Có anh còn bắt Tân vẽ lại hình dáng thế nào là hàng rào

mái nhà, thế nào là hàng rào cũ lộn, hàng rào bùng nhùng... Hỏi tỉ mẩn nhất là các nhà văn, họ hỏi chuyện đời tu, chuyện bạn bè, họ hỏi về màu nắng, về mùi vị trong chiến hào, về cảm giác trước lúc mang bọc phá lao lên cửa mở v.v... Họ hỏi khiến anh trả lời phát mệt. Nghĩ là, tuy họ không tham gia đánh Điện Biên, nhưng qua anh, họ muốn trí tưởng tượng của mình bay lên từ sự thật. Rồi họ viết những gì, Tân cũng không biết hết. Có anh còn gửi tặng Tân bài báo đã viết, ngược lại có anh biết vô âm tín luôn. Tất cả các nhà báo nhà văn gặp anh đều tới ngay nơi doanh trại anh đóng quân hoặc ở trạm khách của Bộ Quốc phòng nên anh kể chuyện với họ cũng thoải mái như kể cho bạn bè nghe vậy. Chỉ riêng lần này, anh phải kể chuyện ngay nơi diễn ra trận đánh trước ống kính của các nhà làm phim nước ngoài.

Chuyên viên Bộ Văn hóa tên là Thìn, kém anh năm tuổi, một người ăn bận và nói năng đều lịch sự, bảo Tân:

— Đừng ngại anh ạ! Anh cứ kể tự nhiên như anh đã từng kể cho các nhà báo nhà văn trong nước nghe! Anh cứ coi như không có ống kính. Còn như họ là khách nước ngoài... càng tốt, chứ sao!

Tuy có ngại phải làm việc với khách nước ngoài, lại là khách các nước phương Tây — nhưng được trở lại Điện Biên cũng là điều Tân đang mong mỏi. Gần ba mươi năm rồi còn gì. Hồi đó, anh mới mười chín tuổi, má còn đầy lông tơ, bận chiếc quần quân nhu vải Tiệp rộng thùng thình. Bữa đánh đồn C1 bị thương lui về nằm viện, một buổi sáng sờ lên mép bỗng nhận ra mình bắt đầu mọc ria, anh đã bật cười một mình. Bây giờ, râu đã có sợi bạc. Mới đó mà anh đã xuất soát 50 tuổi — nhiều tuổi hơn đại tướng Tổng tư lệnh hồi đó. Chà, thời gian đi mau thật.

Trước lúc lên Hà Nội để đi Điện Biên, anh đạp xe ghé về nhà ở Mỹ Văn. Chị The, vợ anh — một người đàn bà nhuộm răng đen, đội khăn mỏ quạ, hơn anh hai tuổi, thấy anh về không phải ngày lễ, ngày chủ nhật, lại mang về trong cặp mấy thẻ hương, lấy làm lạ, nhưng không vội hỏi, chỉ xuống bếp đun nồi nước sôi cho chồng tắm rửa. Bà mẹ anh — nói cho đúng hơn là bà mẹ nuôi của anh, đang bế đứa cháu cũng nựng nó thay cho câu hỏi :

— Cu Chung này! Ông ngoại cu Chung về đây này! Ông ngoại cho cụ chuối, cụ dành cho cu Chung đây này. Chắc là ông ngoại đi công tác, dậy mà chào ông ngoại đi thẳng chớ con này.

Hình như chỉ khi về đến nhà, Tân mới nhớ ra rằng mình đã là ông ngoại từ lâu lâu rồi. Thăng cu Chung còn có chị nó lên sáu tuổi. Tân đón thẳng bé chưa đầy năm, nâng nó lên cao và thổi vào bụng nó phù phù làm thằng bé cười ré lên. Anh nói với thằng bé cũng là nói với cả nhà :

— Ngày mai ông đi công tác Điện Biên cu Chung ạ! Cu Chung ở nhà chống ngoan nhé! Đừng quấy mẹ, quấy bà, quấy cụ nhà!

Nghe Tân nói đi Điện Biên, bà cụ và cả vợ anh đều có một cái gì đó như là sững sờ. Không ai hỏi lại, nhưng bất giác họ đều nhìn lên chiếc ảnh treo trên bàn thờ. Đây là ảnh một anh bộ đội trẻ, đội mũ nan lợp vải, bận áo trấn thủ.

— Mẹ nó bắt con gà, ta làm cơm thắp hương cho bác Mùi.

Chị vợ chợt dạ liếc nhìn chồng rất nhanh, y như mình bị bắt quả tang làm việc gì không phải, vội nói

rằng, cái gì chứ gà qué thì nhà lúc nào cũng sẵn. Biết không phải ngày giỗ của con trai, bà cụ hỏi, về hốt hoảng :

— Có chuyện gì thế con ? Hay là con thấy nó về báo mộng ?

Tân cười, thông cảm tính lần thẩn của người già :

— Mộng mị gì đâu mẹ ! Chẳng là con có việc lên Điện Biên. Con sẽ tìm cho ra ngôi mộ anh Mùi. Con tin là trí nhớ con còn tốt, tự tay con chôn cất anh ấy, con biết. Chỉ sợ người ta bốc vào nghĩa trang rồi. Mà nghe nói nghĩa trang thì chẳng có bia búng gì cả.

Bà cụ đã ngót nghét tám mươi, tóc trắng xóa ngồi im một lúc vén thân áo chấm nước mắt. Đoạn cụ nhanh nhẹn lại sửa soạn bàn thờ con trai. Nhìn tấm ảnh anh Mùi, người con trai độc nhất của cụ hy sinh trong trận Điện Biên, cụ càng cảm động thực sự trước ý định tốt đẹp của Tân. Tìm mộ con trai cụ là điều cụ mong mỗi xưa nay. Cụ già rồi, một bước ra, năm bảy bước vào chẳng đi được đến đâu. Tân cũng từng dự định đi Điện Biên nhưng việc nước việc nhà lúc nào cũng rối bận, nên chưa bắt ra mà đi được. Nay có dịp công tác, Tân nói với cụ một lời như vậy là cụ sướng bụng lắm rồi. Tìm được mộ con trai cụ càng hay, nhọc bằng không thì chắc vong linh anh Mùi cũng thấu hiểu cho cái tình của anh Tân. Thật không mấy người quý hóa như anh Tân. Chẳng phải ruột rà máu mủ gì, chỉ là đồng chí đồng đội với nhau mà trước sau vẫn thủy chung trọn tình trọn nghĩa. Khi được tin anh Mùi hy sinh, cụ tưởng đời mình thế là hết, thế là không nơi nương tựa. Chị The vợ anh Mùi còn quá trẻ mới ngoài hai mươi tuổi. Tuy sinh cho anh Mùi được cái Thảo, nhưng nó lại là con gái nên chẳng có gì ràng buộc nàng dâu trẻ của cụ cả, chị nhất định phải đi bước

nữa. Cụ đã nhìn trước cuộc đời mình sẽ cô đơn trống vắng như ngôi miếu đầu làng, thì bỗng dung anh Tân tìm đến. Tân cũng mồ côi cả cha lẫn mẹ, đã qua một thời sống cầu bơ cầu bắt đi ở chẵn trâu cho nhà giàu. Họ hằng thân thích anh bên Khoái Châu cũng chẳng còn ai. Tân tìm đến, thoát đầu không chỉ để trao lại cho gia đình số di vật Mùi để lại mà cốt để an ủi cụ, chị The và cháu Thảo. Nhưng như sự thể trước sau rồi cũng phải đến, Tân đã coi cụ như mẹ đẻ mình, coi gia đình cụ như cái tổ ấm để anh lui tới đi về. Vào mùa xuân năm 1958, làng xóm không ai chào xáo chê bai gì chuyện anh xin cưới chị The. Trái lại, ai cũng coi việc Tân vào thay thế Mùi để gánh vác lấy gia đình cụ là một việc làm vì nghĩa cả, là hợp với đạo lý Việt Nam. Và chính cụ, người mẹ liệt sĩ cảm thấy dường như con mình sống lại, dường như trời còn có mắt mà đoái thương cụ, không nỡ để cụ bơ vơ... Hai mươi lăm năm đã trôi qua, chị The đã sinh thêm cho anh Tân bốn đứa con nữa, cháu Thảo đã lấy chồng có hai đứa chắt cho cụ, mà gia đình lúc nào cũng trên ấm dưới êm.

Cháy tàn nén nhang trên bàn thờ anh Mùi, cả nhà xúm quanh mâm cơm chị The vừa dọn xong. Chỉ trừ cậu con trai lớn của anh Tân đang đi bộ đội sang tận Cam-pu-chia, còn nữa là đủ mặt.

Mẹ con nhà Thảo như mọi hôm thì đã bằng bẻ nhau về bên đội 7 ở xóm dưới hôm nay cũng được vợ chồng Tấn giữ lại ăn cơm. Chị The đặt chai rượu nếp trước mặt chồng, xé từng miếng thịt gà bỏ lên bát cho mẹ, đặt riêng hai cái giò gà ra góc mâm cho hai cậu cháu: thằng Thái con út của chị lên mười hai và cái Tú con gái lớn cô Thảo lên sáu.

Có chén rượu vào, Tân càng trở nên sôi nổi vui vẻ. Anh nói cho cả nhà biết anh lên Điện Biên là để làm việc với đoàn làm phim nước ngoài. Con bé Tú mau mồm, hỏi lại ngay:

- Ông được quay phim hả ông? Thế cháu có được nhìn thấy ông khi chiếu phim không?

Tân xoa đầu bé Tú:

- Ông cũng không biết cháu ạ! Có lẽ người ta đưa chiếu ở nước ngoài, chứ không chiếu ở nước ta đâu.

Cô Hiền, cô gái thứ hai của Tân là giáo viên cấp 1 dạy ngay trong xã thì hỏi bố:

- Con có đọc vài cái truyện nói về việc bắt sống tướng Đờ Cát ở Điện Biên mà chẳng thấy tên bố. Sao chuyện là chuyện bố kể, chuyện của bố hẳn hoi mà họ viết những người nảo người nào. Hồi con học lớp 7, có lần con khoe với tụi bạn là bố tớ bắt sống tướng Đờ Cát ở Điện Biên đấy, tụi chúng nó mang sách in ra và bảo con bốc phét, con ngượng chín mặt.

- Thì tại mày hay khoe chứ sao nữa! - Chị The nói xen vào, Tân đặt chén rượu xuống nói với con gái:

- Bắt sống tướng Đờ Cát chỉ là một hành động, mà cũng của nhiều người đâu phải riêng bố, con? Việc bắt tướng Đờ Cát là kết quả của cả chiến dịch. Chiến thắng Điện Biên là kết quả của cả cuộc kháng chiến chống Pháp. Bắt sống tướng Đờ Cát là sự thể nhất định phải diễn ra, cũng như khi kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh, việc xông vào dinh Độc Lập bắt tụi nguy phải đầu hàng nhất định phải diễn ra. Không đơn vị này, người này thực hiện hành động đó thì đơn vị khác, người khác. Đừng coi hành động bình thường ấy như là công lao to lớn, như chỉ có mình mới làm nên.

sự nghiệp lịch sử ấy. Bố nói thêm cho các con hiểu, chính bố đề nghị với các nhà báo nhà văn là đừng viết tên bố. Bố thấy không cần thiết phải trưng tên mình lên, nói cho đúng hơn, bố không quan tâm tới việc gắn tên mình vào sự kiện lịch sử...

— Bởi thế cho nên bố mới thiệt! Đi bộ đội từ lúc 17 tuổi mà gần năm mươi tuổi đầu, cấp trên mới phong cho bố trung tá... Hiền vẫn bướng bỉnh kết tội bố.

Tân chột cười vang.

— A, bố hiểu rồi. Không phải thế đâu con gái của bố à! Bố nhận quân hàm trung tá là quá lắm rồi. Với trình độ văn hóa học ở trường bỏ túc công nông mà chỉ huy một trung đoàn là quá sức của bố rồi. Đáng lẽ bố phải nghỉ, để cho anh em trẻ lên thay... Phong trung tá cho bố là cấp trên cũng «chính sách» với bố đấy. Nhưng điều nghiêm trọng là ý nghĩ của con cũng là ý nghĩ phổ biến của khá nhiều người. Họ cố dính cái tên của mình thật chặt vào các sự kiện lịch sử để vỗ ngực với thiên hạ. Trận đánh này là của ta, chiến dịch này là của ta thậm chí cuộc cách mạng này là của ta... Họ làm cho người ta nhầm rằng, có họ mới có lịch sử. Để làm gì con, biết không? Để họ mặc cả với Đảng với Nhà nước rằng họ phải giữ cái ghế này, cái ghế nọ, phải được đãi ngộ thế này thế kia. Chính họ là những người lạm dụng của công đấy. Chứ không à! Lạm dụng của công không phải chỉ lạm dụng vật chất mà còn lạm dụng danh nghĩa, lạm dụng tinh thần nữa...

Tân càng nói càng hăng, men rượu và không khí vui vẻ của bữa cơm gia đình đã làm cho anh thoải mái. Anh vừa uống vừa tranh luận với các con, có lúc lại tự tranh luận với mình. Có lẽ gia đình là chỗ để anh được sống chân thật nhất. Văn cô giáo làng hỏi vặn bố:

— Bố không quan tâm tới việc gắn tên mình vào sự kiện lịch sử, thì bố quan tâm điều gì? Các nhà văn nhà báo nhà làm phim đến gặp bố, bố từ chối không tiếp có được không?

Tân không trả lời con gái mà quay sang cậu con trai thứ ba đang học lớp mười hai:

— Con thử trả lời chị Hiền xem sao, Thành?

Thành ấp úng bằng cái giọng mới vỡ:

— Con không biết. Cơ mà theo con thì tội gì mà không tiếp?

— Các con ạ! — Ông Tân tự nhiên nói giọng trầm hẳn xuống — Tiếp các nhà văn nhà báo nhà làm phim, bố coi đó là nhiệm vụ. Bố là một trong những người được may mắn chứng kiến giờ phút kết thúc chiến dịch Điện Biên lịch sử, bố phải kể lại cho những nhà nghệ thuật có khả năng tái hiện lại cảnh tượng hùng hồn ấy cho mọi người hiểu, cho mọi người có quyền tự hào về đất nước mình, dân tộc mình. Từ chối không tiếp họ là ích kỷ, là kiêu kỳ, là trốn tránh trách nhiệm. Nhưng điều nghiêm cấm đối với bố là không được lợi dụng cái giây phút lịch sử ấy làm vốn liếng riêng cho bố. Đây cũng là một trong những điều bố quan tâm. Như bố đã kể cho các con nghe: vết thương chỗ bả vai của bố là lúc đơn vị của bố và bác Mùi phối thuộc với một đơn vị khác giành đi giật lại cột cờ trên ngọn đồi C1. Vết thương xoàng chỉ vào phần mềm, nhưng nếu viên đạn chỉ chệch đi một tẹo nữa là bố cũng hy sinh như phần lớn bạn bè của bố. Trong trận cuối cùng, khi đánh lên đồi 507 gặp đoạn chiến hào bị chúng rải dây thép gai bùng bùng, bố đã chuẩn bị nhảy lên bờ thì chính bác Mùi đã túm áo bố giữ lại, bảo bố bắn yểm hộ cho bác Mùi xông

lên trước. Bác vừa nhảy lên bờ, thì khẩu trung liên của thằng Pháp ở lô cốt trước mặt đã căn sẵn, lập tức nhả đạn. Bác Mùi ngã xuống ngay cạnh bố. Có phải là bác Mùi đã hy sinh thay cho bố không? Giá bác Mùi không ngã xuống lúc đó thì chính bác ấy sẽ áp tới hàm Đờ Cát trước tiên...

Nghe nhắc chuyện bác Mùi, cả nhà bỗng im ắng hẳn đi. Chỉ nghe tiếng nhai khe khẽ. Bà cụ già ngừng tay đũa, đôi mắt đã nhập nhèm chăm chăm nhìn vào bóng tối. Chị The, đầu cúi xuống cố giấu một nỗi nhớ xa xăm. Cô Thảo vờ quay nghiêng người, vạch tí cho con bú.

— Các con có biết không? Chiến dịch Điện Biên có hàng vạn chiến sĩ hy sinh. Có những đơn vị gần như bị xóa sổ; sau chiến dịch cán bộ tổ chức phải đi nhặt nhanh các chiến sĩ bị thương nằm rải rác các bệnh viện rác trạm an dưỡng về, để làm nòng cốt xây dựng lại đơn vị mới. Hàng vạn chiến sĩ ngã xuống để có một Điện Biên chấn động địa cầu. Bất cứ ai còn sống không được quên điều đó. Để sống xứng đáng với người đã đổ máu cho mình, cho chính mình chứ không phải ai khác... Lịch sử sẽ ghi công thật công bằng cho từng người. Nhưng không ai có quyền bẻ queo lịch sử để phục vụ tham vọng cá nhân, không ai có quyền dùng lịch sử làm phương tiện để dựng lên trên đó chiếc thang danh vọng... Đây, đây là những điều bố quan tâm các con ạ! Nói thế này, thì cụ, mẹ cái Thảo và các con đừng hiểu lầm bố. Nhiều lúc bố nghĩ, bố sống đến ngày nay và được sum vầy với gia đình là thuộc những người có số phận may mắn... ôi, biết bao bạn bè của bố đã hy sinh trong ba cuộc chiến tranh, chống Pháp, chống Mỹ và chống

bọn bành trướng Trung Quốc... Mà vẫn chưa hết đầu... Dân tộc ta hãy cố gắng phải đồ máu...

- Tân càng nói càng say sưa, và giọng nói càng trở nên bụi ngùi vì một nỗi xúc cảm thân thành. Chị The giục mãi, anh mới cầm bát cơm. Bà cụ già không hiểu gì mấy những chuyện Tân say sưa nói với các cháu, nhưng dường như sự bụi ngùi trong giọng nói của Tân làm cụ cảm thấy đời mình thật sung sướng. Mắt đi một đũa con rứt ruột để ra, lại được một đũa con thay thế, một đại gia đình đông vui. Cụ rơm rớm nước mắt và một lúc sau, sự xúc động như một dòng nước chảy ngấm bỗng vọt ra từ một khe nước muội, cụ sụt sịt thành tiếng.

Thằng Thái đang định nhón cái giò gà, chợt thấy thế, bèn hỏi:

- Bà ơi! Làm sao bà lại khóc?

Cụ già lấy ống tay áo quạt nước mắt và cười móm mém:

- Có sao đâu cháu ơi! Tại bà vui quá mà rơi nước mắt đấy thôi.

...

Một chiếc xe «U-oát» của Bộ Văn hóa đưa Tân và Thìn đi công tác, xuất phát từ Hà Nội từ tinh mơ, theo tính toán của Thìn là đêm thứ nhất sẽ ngủ ở Sơn La, chiều hôm sau nữa là tới Điện Biên lúc còn giờ làm việc đề tiện liên hệ nhà khách. Dọc đường đi, nhìn quang cảnh hai bên đường, Tân có cảm giác như đi vào xứ lạ. Không phải những đồi thay của đất nước làm anh ngỡ ngàng. Đồi thay chưa có gì nhiều lắm đâu. Bởi vì lần đầu tiên anh lên Sơn La,

Điện Biên bằng ô-tô. Ngày xưa, hành quân từ Phú Thọ qua, hầu như chỉ theo đường mòn xuyên rừng. Giả lúc này bảo anh men theo vết chân cũ, thì anh đành chịu. Trái lại, người am hiểu vùng đất này lại chính là Thìn. Hồi Tân tham gia đánh Điện Biên, Thìn còn là chú học sinh trong Hà Nội tạm chiếm. Vậy mà bây giờ đi đến đâu Thìn cũng có thể thuyết minh cho Tân nghe về miền đất mình đang đến. Khi đi qua Mộc Châu được vài chục phút, Thìn bảo cậu lái xe đi chậm lại và chỉ cho Tân một hòn đá lớn nằm bên vệ đường.

— Đây là hòn đá thiêng anh ạ! Cách đây mấy năm có một chuyến xe khách đi qua chỗ này, bỗng dưng hòn đá kia từ trên cao rơi xuống. Hòn đá đập đúng vào ca bin xe giết chết tay tài. Còn hành khách không ai việc gì, chỉ được một phen hú vía. Người ta đồn đại về sự kiện này ghê lắm. Có người bảo, tại vì cậu tài là một tay khá bạt mạng ăn ở thất đức nên bị thần Núi phạt. Có người lại nói khác, rằng anh lái xe này sống liêm khiết quá, nên thần Tài cho một bài học... Tóm lại toàn chuyện về rắn thêm chân. Có điều sau đó, lái xe nào đi qua đây cũng xuống thấp hương...

Vừa đến Yên Châu, Thìn và cậu lái xe như đã ăn ý với nhau từ trước, chờ đỗ xe lại chạy vào chợ. Loáng một cái, họ đã bê lên xe mấy nải chuối chín. Thìn mời Tân ăn chuối và bảo:

— Anh biết nải chuối này bao nhiêu không? Cứ gọi là rẻ, gặp năm lần ở Hà Nội. Hôm nào về, ta khoản khá khá...

Đọc đường đi, Thìn cho xe đỗ khá nhiều chỗ, nói là thăm bạn quen một tẹo. Tân lấy làm ngạc nhiên

không hiểu sao Thìn có bạn quen trên miền ngược này nhiều đến thế, mà bạn quen thường là ở cửa hàng nông sản, lâm sản, mậu dịch quốc doanh, trạm nuôi ong, nhà máy rượu... Sau này, Tân mới vỡ lẽ. Còn bây giờ, Thìn chỉ nói gần nói xa rằng, vì nhiệm vụ công tác anh phải đi lên miền ngược này nhiều nên quan hệ rộng rãi thôi. Quả thật, Thìn thường dẫn các nhà văn nhà báo nhà nghiên cứu sử học, nghiên cứu dân tộc học của nước ngoài đi lên Tây Bắc. Có năm anh đi vài ba chuyến. Thông thuộc đường sá đến nỗi chỗ nào có quán phở ăn được, chỗ nào có thể mua « thuốc đau bụng » — tiếng lóng để chỉ thuốc phiện, anh đều biết. Có lúc xe đang chạy gặp biển báo cầu hỏng phải rẽ xuống gầm, Thìn vỗ vai lái xe bảo thôi khỏi phải vất vả, cứ thẳng cầu mà tiến. Chiếc cầu gọi là hỏng, chỉ vì yếu thôi. Xe tải thì đành chịu, chứ xe con cho người thả bộ là qua ngon lành. Tội gì mà lội gầm. Khi xe qua cầu trót lọt bắt đầu chạy vào đoạn đường bằng phẳng hai bên đường toàn trồng cây long não tỏa mùi thơm dịu dịu, anh lái xe đã kêu lên rằng, phục anh Thìn sát ván. Đề thưởng cho lời thán phục ấy, Thìn xòe bật lửa ga châm một điếu thuốc, mỗi điếu khác đưa cho cậu tài.

Thìn là người vui vẻ, hay chuyện. Chuyện gì anh cũng có thể tiếp được. Đặc biệt anh khá am hiểu về chiến dịch Điện Biên. Những trận bom dữ dội ở ngã ba Cò Nồi, đoạn đường nào trên đèo Pha Đin đầy bom bươm bươm trận ném bom hủy diệt vào trại tập trung Noong Nhai, diễn biến các trận đánh quan trọng trong chiến dịch, anh đều kể lại vanh vách.

Tân hỏi Thìn:

— Anh nghiên cứu khá sâu về chiến dịch Điện Biên lại thông thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Anh, lẽ ra anh

kể cho khách nước ngoài họ nghe cũng đủ. Căn gì phải
gọi thêm cả tôi nhỉ?

Thìn đáp lễ phép:

— Khách nước ngoài lần này là một đoàn làm phim ảnh! Như anh biết đấy, làm phim họ cần hình ảnh. Cố nhiên là họ sẽ quay nhiều dấu tích của chiến trường Điện Biên. Họ sẽ có cách thuyết minh của họ. Nhưng họ muốn được quay hình ảnh một chiến sĩ Điện Biên thực sự đang kể chuyện. Tôi làm việc đó không tiện.

— Sao các anh không nghĩ tới cách này: chiến sĩ của sư đoàn 316 đánh Điện Biên rồi chuyển sang xây dựng nông trường, ở trên này không phải ít. Các anh chọn một người có sao đâu.

Thìn đáp nhẹ nhàng:

— Thế này anh Tân ạ! Tôi chớ rằng nói là chiến sĩ Điện Biên cũng là ba, bảy thứ chiến sĩ, chọn người từng tham gia bắt sống tướng Đờ Cát vẫn diễn hình nổi. Chính là ý kiến tôi đạo diễn cho Bộ đấy—Thìn chợt mỉm cười, một nụ cười vừa mãn nguyện vừa chèo kéo người đối thoại. Làm chuyên viên cho cấp trên là biết đạo diễn cấp trên, bọn chúng tôi thường gọi là nghệ thuật chuyên gia. Ngay như chuyến đi của anh em mình đây cũng phải đạo diễn chứ anh! Thực ra, anh em mình có thể cùng đi với đoàn làm phim bằng máy bay lên thẳng của Bộ Quốc phòng cũng được. Nhưng tội gì, phải có cách thuyết phục Bộ rằng, cần lên trước chuẩn bị. Chậc, chúng mình thì còn phải chuẩn bị cái quái gì nữa, cứ là thuộc lòng vách vách. Vấn đề là ở chỗ Bộ phải cho mình chiếc xe «U-oát» có chiếc xe trong tay, chủ động hơn. Với lại, thời buổi khó khăn này, anh tính, có cái gì rẻ một tí muốn mua cũng có phương tiện mà chở. Chuyến này đi, có thẳng

bạn ở Sơn La hứa cho tôi mấy tấm lát, toàn lát chun loại hết ý, tôi đang tính không hiểu làm cách nào mà qua lọt trạm kiểm soát cây số 22 được đây.

Câu cuối cùng, Thìn tung ra như một ý bâng quơ vừa là thăm dò Tân, vừa hàm ý một sự yêu cầu giúp đỡ nào đó. Nói xong, Thìn sửa lại áo quần và tư thế ngồi ngay ngắn, miệng xuýt xoa như thời tiết quá rét, cốt chờ đợi Tân bắt chuyện. Nhưng Tân cảm nhận thấy ngay con người mặt mũi trắng trẻo, tay chân thon thả mềm mại, đang ngồi bên cạnh mình là người khó chơi. Anh ta đã tính toán khá kỹ càng về những điều mà anh quan tâm trong chuyến đi Điện Biên này. Tân lơ đãng nhìn ra ngoài, nơi những rẻo mây không hiểu sao cứ quấn lung chừng một trái núi.

Xe đến thị trấn Điện Biên lúc nắng đã nhạt. Thị trấn Điện Biên qua con mắt của Tân—cũng giống như bất kỳ một thị trấn nào dưới đồng bằng. Nằm giữa một lòng chảo lớn, lúa bốn bề bát ngát, thị trấn này không gọi một cái gì là miền núi cả. Giá có vài cái nhà sàn thì không khi thị trấn sẽ khác hẳn. Chiếc xe lướt qua thị trấn, chạy thẳng vào nhà khách. Mở cửa xe ra, Thìn đã gọi lên bác trạm trưởng ời ời, lát sau lại thấy anh giang hai tay ôm chầm lấy bác Đại, một bác già to cao, vui tính—một chiến sĩ Điện Biên cũ chuyển sang phục vụ trạm khách hơn hai chục năm nay.

Nhà khách ở trên đồi nhìn xuống hai cái ^đồ, nom khá khang trang so với thị trấn lẻ. Phía dưới chân đồi là một công trường đang xây, nghe nói quăng vào dịp kỷ niệm 30 năm chiến thắng Điện Biên, chỗ cái đám đất đang đào xới lên đỏ loét ấy sẽ là một ngôi nhà khách sang trọng. Bác trạm trưởng còn giới thiệu với Tân về cái sân vận động chưa được một vạn người cũng đang khởi công xây dựng. Theo tay bác trạm

trường chỉ - Tân đã nhìn thấy một cái gì như bờ đê mới đắp, đất màu gan gà. Thực ra, Tân không mấy quan tâm đến dáng vẻ hào hứng và những lời giới thiệu hùng hồn về những cố gắng của địa phương đang ra sức chuẩn bị cho lễ kỷ niệm sắp tới. Anh đứng với bác trạm trưởng ngoài sân, cố tìm bắt lại hình ảnh Điện Biên năm xưa. Và bỗng anh chợt nhận ra, chỗ đang đứng đây là đồi D và phía trước mặt anh, nơi ngọn đồi cỏ cắm một tấm bia hình trực thăng bay chính là đồi C1. Anh hỏi, bác trạm trưởng xác nhận là đúng như thế. Ký ức anh bỗng lung linh hẳn lên, chỉ lát sau, anh đã tìm thấy lại toàn bộ quang cảnh Điện Biên của cái thời mười chín tuổi. Thấp thoáng giữa những rặng cây, giữa những dãy nhà, vườn tược, cùng với những con đường mới mở, Tân nhận ra A1, Đồi Cháy, 507, 508, 509, khu vực sân bay Mường Thanh. Và kia là Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo. Phía dưới xa kia là Hồng Cúm.

- Sao các ông lại lên vào chiều thứ bảy, ông Thìn? Ngày mai là chủ nhật, ai mà làm việc? - Bác trạm trưởng chợt hỏi và Tân mới nhớ ra, ừ sao mình tính toán giờ giấc éo om thế.

Thìn buột miệng điện thoại, chạy ra sân cười vang:

- Tính toán đâu vào đấy rồi cả chứ bố già! Chủ nhật có việc ngày chủ nhật. Cũng phải lên ngày chủ nhật mới lai rai với bố già tý lâu Điện Biên chứ!

Bác trạm trưởng chùng như hiểu ý, gật gù với Thìn. Còn Tân thì đến ngày hôm sau, anh mới vỡ lẽ ra công việc ngày chủ nhật của Thìn là ra chợ. Chợ Điện Biên ngày nào cũng họp, nhưng phiên ngày chủ nhật mới là phiên chính. Thìn đã đánh xe ra tận chợ, khuôn về ba mươi ki-lô-gam gạo nếp, năm ki-lô-gam cà phê hạt. Một ôm măng khô to tướng cả măng lười lợn lẫn măng

áo, tôi — nghe nói mua bộ không cần kẹo gì mà hết một ngàn đồng. Lại còn dăm bảy cái áo phông, chue đôi dép tông loại một chỉ. Anh còn sục vào mậu dịch ôm một lúc năm chiếc chăn len Liên Xô, mười chiếc bè-rê Hung, vài ruột phích, bóng điện và những thứ khác mà Hà Nội khan hiếm.

Trong lúc Thìn đang ngồi xồm trước những bà già người Thái chề i chề eo là măng đã già lại chưa được khô, thì Tân cùng đi với Hùng, cán bộ ban văn hóa huyện, người mà Thìn giới thiệu là một tay thợ công Điện Biên. Hùng vốn là người Hà Nội, lên Điện Biên, từ lúc còn bé, nên tiếng Thái, tiếng Khơ Mú đều nói thông thạo. Về duyên dáng và lịch thiệp của người Hà Nội ở Hùng vẫn giữ nguyên vẹn, chắc là di sản của bố mẹ để lại. Nhưng về duyên dáng lịch thiệp của Hùng khác xa Thìn, dường như Hùng không có làm dáng mà tự thân vốn như vậy. Nó chân chất nên dễ gây thiện cảm. Hùng bận chiếc áo măng tô, đi đôi ủng cao, sẵn sàng cuộc bộ leo núi với Tân:

— Ở vùng này thì tôi thông thuộc lắm. Anh muốn đi đâu, tôi xin dẫn. Nhưng tìm ra ngôi mộ của bạn anh thì khó đấy. Chắc là thời 59, 60 người ta đã thu về nghĩa trang cả rồi. Ở đây có bốn nghĩa trang. Bạn anh hy sinh quanh đây chắc là đưa về nghĩa trang chính dưới chân đồi A1. Có điều là chẳng có tên khắc vào bia vào mộ chỉ gì cả.

Tân và Hùng rời nhà khách là leo thẳng lên đồi C1. Tuy đã luống tuổi, nhưng Tân leo núi còn khỏe, bước phăm phăm. Anh hỏi Hùng:

— Anh Hùng có nhớ vị trí cái cột cờ ngày xưa của thằng Pháp nữa không?

— Kia kia, mô đất thoải thoải trước mặt kia, bây giờ có còn ra hình thù nữa đâu. Có thể nay mai ta sẽ dựng tượng đài Điện Biên ở chỗ này đây

Tân ngắm nhìn cái mô đất thoải thoải ấy rồi nhìn xuống yên ngựa nối liền với C2, bỗng nhớ lại những trận đánh đẫm máu của đại đội anh khi sáng phối thuộc với 316. Chính ở nơi này, tiểu đội phó Mùi tình nguyện bí mật bỏ lên, dùng lựu đạn tiêu diệt một ụ đại liên cực kỳ lợi hại của thằng Pháp. Anh nhớ lúc đó, sau những chớp lửa lựu đạn của Mùi, cả tiểu đội anh xông lên dùng lưỡi lê đánh giáp lá cà với địch ngay trong chiến hào. Có một thằng lính châu Phi bị thương khi lòi nó ra khỏi ụ đại liên, cậu Văn đã toan hạ một nhát lê, may mà Mùi kịp giữ tay lại. Cậu Văn cũng hy sinh ngay ngày hôm sau cùng một lúc với vết thương nơi cánh tay của Tân. Tân vừa đi vừa nhìn lại những khuôn mặt bạn bè thuở ấy, nay hầu như chẳng còn mấy ai.

— Anh nào ở trên ấy đấy! Xuống ngay! Muốn chết à?

Sau tiếng quát là còi rúc lên toé toé. Một anh bộ đội đeo băng đỏ chạy từ dưới dốc lên, bảo phải xuống ngay. Đây là trường bắn đạn thật của huyện đội. Hùng mới sức nhớ, hôm nay là ngày hội thao của dân quân huyện, chọn xạ thủ giỏi đi hội thao tỉnh. Nhìn xuống sân vận động, đã thấy màu sắc rực rỡ áo váy của nhiều cô dân quân người Thái, người Mông. Những màu sắc rực rỡ ấy cứ thấp thoáng qua màu xanh chàm và màu xanh bộ đội.

Tân và Hùng bỏ lối xuống đồi C2, quanh sang phía sau đồi A1 để sang đồi 505. Tân ngờ ngác một lúc để định hướng rồi xông qua mấy ngôi nhà, làm chó sủa râm râm cả lên. Bây giờ thì không phải là Hùng dẫn

Tân mà chỉ đi theo anh và trả lời, những chị chủ nhà và cả đám trẻ con ngơ ngác không hiểu vì sao lại có người qua vườn nhà mình.

— A, đây rồi! — Tân kêu lên và chỉ cho Hùng một vạt đất trống sẵn — Đây là chỗ tập kết của đại đội tôi anh ạ! Tối hôm ấy, 6-5-1954 tôi mới ra viện, người còn yếu lắm, nhưng được về tham dự tấn công đợt ba thì sững mê người. Chỗ này là cứ điểm 505 ta vừa chiếm được. Bọn tôi ngồi trong chiến hào, hồi đó tôi nhớ là chạy dọc theo bờ vườn sẵn này. Đại bác của ta giã vào 507, 509 dữ dội mà đại bác của địch phía Hồng Cúm nện lên đầu chúng tôi cũng kinh khủng. Ngồi trong chiến hào, hai tay phải giang ra giữ hai bờ đất, cho người khỏi chao đảo. Có cảm giác có nhiều viên đạn của hai bên choàng vào nhau trên không. Ngồi mà sốt ruột, vì đại đội tôi là thế đội 2 cho anh 366 đang công kích 507. Gần sáng mới được xuất kích. « Cỗ bóm sát nhau nhé! » — đấy lời dặn của anh Mùi, tiểu đội phó phụ trách tổ ba người chúng tôi...

Tân vừa kể chuyện chiến đấu cho Hùng nghe vừa men theo con hào giao thông tưởng tượng qua trí nhớ — Con hào giao thông nay chỉ là vườn sắn, vườn chuối, vạt cây chớ để. Bây giờ theo sau Tân và Hùng là cả một đám trẻ con lau nhau cỡ 11, 12 tuổi. Chúng vừa đi vừa đánh cuộc nhau rằng ông trung tá này nhất định phải là cán bộ bảo tàng quân đội.

Tân dẫn Hùng băng qua vườn này đến vườn khác, đến một ngọn đồi mà anh nhận ngay ra cứ điểm 507. Anh nhìn trước ngó sau, đi sang trái lại đi sang phải, cuối cùng anh nhảy qua bờ rào vào một góc vườn trồng chè. Anh đi quanh quần một lúc rồi kêu lên:

— Chỗ này đây anh Hùng ạ! Tôi nhớ là khi chúng tôi đến 507 thì mấy lớp hàng rào đã được anh em 366 mở

toang ra rôi, chỉ còn vài đoạn dây thép gai lơ thơ. Chúng tôi lao vào đánh hết ụ súng này đến ổ đề kháng khác. Bấy giờ trời đã sáng một lúc lâu rồi, sáng 7-5-1954 đấy. Lúc chúng tôi phát triển theo giao thông hào đến chỗ ta đứng đây, thì cái ụ súng nơi cuối góc vườn kia vẫn bắn xối xả, mà giao thông hào đã bị chúng thả dây thép gai bùng bùng một đoạn khá dài. Chỉ còn cách là bắn yểm hộ cho nhau đề nhảy lên mặt đất mà vượt qua. Anh Mùi tiểu đội phó của tôi là người vọt lên đầu tiên. Nhưng anh vừa đứng chân trên mặt đất chưa vững đã bị ụ súng trước mặt hạ sát. Anh ngã lộn xuống chiến hào ngay trong tay tôi. Chúng tôi đặt anh vào nách chiến hào, rồi bằng lối đánh táo bạo, tập trung lựu đạn ném về phía ụ súng, và khi lựu đạn vừa rời khỏi tay là chúng tôi lao lên ngay. Bọn địch đang núp chưa kịp phản ứng thì thủ pháo của chúng tôi đã tung vào rồi... Cứ thế chúng tôi đánh thốc sáng 508, 509 qua cầu Mường Thanh và xông vào hầm Đờ Cát. Chập tối, chúng tôi quay lại đây, tổ chức mai táng anh Mùi cùng ba đồng chí khác trong đại đội ngay cạnh chiến hào này thôi. Mộ anh Mùi nằm ngoài cùng. Bấy giờ thì anh thấy đấy, chỉ là một vườn chè.

— Anh nhớ kỹ chứ? Hùng hỏi lại.

— Vâng, quang cảnh bây giờ khác xa, nhưng tôi vẫn nhớ theo hướng chiến hào cũ...

Đám trẻ con những nhặng đi theo từ nãy đến giờ cứ hếch mắt lên nghe chuyện. Một chú bé có cặp mắt xéch bảo thẳng bạn đánh cuộc bạn nãy :

— Ê, mày thấy chưa! Không phải cán bộ bảo tàng, chú bộ đội này đi tìm mộ. Có lẽ chúng không còn thú vị việc đi theo ông trung tá này nữa, nên chúng

lại rùng rùng kéo nhau đi trong tiếng chó sủa lảng nhãng. Hùng và Tân đi thẳng vào ngôi nhà gần đây. Chủ nhà là một ông già ngoài bảy mươi, nổi tiếng Thanh Hóa. Cụ pha trà mời khách và lắng nghe ý kiến của Tân. Cụ gật gù đáp:

— Trước kia, lão ở ngoài gần đường. Mỗi năm 1967 chúng nó đánh rất quá mức vô đây. Nhưng lão hiểu, dùng là hồi trước có bốn ngôi mộ chiến sĩ nơi mi vườn, người ta bốc vào nghĩa trang hồi 1959 cả rồi. Còn như các chú hỏi, ai đi bốc thì lão làm sao biết được.

Tân bèn xin phép cụ được cắm ba nén nhang vào nơi bạn mình ngã xuống xưa kia. Cụ già gật gù bằng lòng và cứ khen rằng quả là bộ đội sống chết có nhau, tình nghĩa quý hóa như anh em ruột thịt. Theo thói quen từ xưa, Tân chờ cho Tân nén nhang mới cùng Hùng đi về nghĩa trang dưới chân đồi AI.

Hùng là người biết rõ ràng, chỉ các anh hùng liệt sĩ Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Trần Can và Tô Vĩnh Diện là có bia mộ hẳn hoi, còn nữa là vô danh, nhưng vẫn dẫn Tân tới. Nghĩa trang quanh quẽ. Chỉ có gió rì rào trên hàng cây long não. Tân lần lượt đi hết hàng mộ này đến hàng mộ khác. Đầu cũng chỉ ngôi mộ và tấm bia màu trắng. Tuy thế, anh không bỏ qua một ngôi mộ nào. Anh đi, như thể viếng bạn bè và vẫn có cảm giác rằng, nếu mình bỏ qua một ngôi mộ nào, biết đâu chính là nơi an nghỉ cuối cùng của anh Mũi. Viếng xong khắp lượt, anh rút mấy thẻ hương còn lại trong cặp đem thắp lên, cắm vào cái lu hương đắp bằng xi măng. Khói hương tỏa ra thơm ngát. Phía sau lu hương là tấm biển «Tổ quốc ghi công», chữ màu vàng trên nền đỏ.

Trưa hôm thứ hai, đoàn khách nước ngoài đáp trực thăng xuống sân bay Điện Biên. Thìn, Tân và chủ tịch huyện ra đón khách. Đoàn làm phim gồm người Anh, người Mỹ và người Pháp. Khi giới thiệu Tân với khách Thìn giới thiệu rất trân trọng. Những nhà nghệ thuật nước ngoài bắt tay anh thật chặt, và trong cái nhìn có vẻ tò mò của họ dường như muốn nói rằng, a, thì ra con người nhỏ bé này là chiến sĩ Điện Biên từng bắt tướng Đờ Cát phải đầu hàng đây. Trong số hai người Pháp, có một nhà biên kịch kiêm đạo diễn tên là Pôn—một người trẻ trung, mắt xanh biếc, không đeo ria, bận áo ca-rô, quần bò. Khi bắt tay Tân, Pôn nói:

— Rất hân hạnh được làm việc với ông, người anh hùng Điện Biên Phủ. Xin ông nhớ cho tôi là một người Pháp. Dù sao người Pháp chúng tôi cũng đã thua trận ở đây. Ông cho phép tôi—nhận danh một người Pháp, xin bày tỏ lòng khâm phục tới quân đội Việt Nam—nói chung và cá nhân ông nói riêng.

Suốt dọc đường về, Pôn luôn chú ý đến Tân. Vừa tới nhà khách, Pôn đã nắm ngay người phiên dịch để nói chuyện với Tân. Anh ta hỏi:

— Xin lỗi ông! Dĩ nhiên là người Pháp từng là kẻ thù của ông. Vậy sự có mặt của người Pháp chúng tôi trong đoàn làm phim này có làm ông phiền lòng không?

Tân đáp:

— Ngay khi chúng tôi chiến đấu chống bọn thực dân Pháp, chúng tôi đều hiểu rằng, chúng tôi không có thù hằn gì với nhân dân Pháp cả. Bởi thế, nhân dân Pháp vẫn ủng hộ chúng tôi. Trước kia còn thế, huống chi bây giờ. Ông sang đây với tình hữu nghị, và máy quay phim cầm tay chú không phải với lòng căm thù

Và khẩu súng, thì làm sao chúng tôi lại phiền lòng được. Xin nói thêm điều này: Ngay cả tướng Đờ Cát, nay chắc đã già lắm rồi, nếu ông ấy muốn sang thăm lại cái sở chỉ huy xưa cũ của mình, chúng tôi cũng chẳng có gì phiền lòng cả.

Anh chàng Pôn nở nụ cười rất tươi, bắt tay Tân lần nữa và thăm hỏi thêm về đời tư của Tân, một cử chỉ vì muốn tỏ ra lịch sự hơn là quan tâm. Đoàn làm phim chỉ ở Điện Biên có hai hôm, nên chương trình làm việc bố trí rất chặt. Tất nhiên là Thìn và Hùng phải dẫn họ đi quay khắp Him Lam, Độc Lập, Bản Kéo, Hồng Cúm và các cứ điểm bao quanh sở chỉ huy nhất là đồi A1. Tân chỉ đi theo như một người tham quan. Trọng tâm công việc của anh là kể chuyện bắt sống tướng Đờ Cát. Ngay chiều hôm đó, cả đoàn làm phim kéo nhau ra cánh đồng Mường Thanh. Hùng lại giới thiệu cho họ từ những mỏm đồi kề cận, đến cầu Mường Thanh nơi đại tá pháo binh Pi-rốt tự sát, trận địa pháo giữa cánh đồng... Theo sự đạo diễn của các nhà biên kịch, Tân đứng trên nóc hầm tướng Đờ Cát kể chuyện mấy câu trước ba bốn ống kính chĩa vào. Công việc thực tế chỉ diễn ra trong vài phút. Làm xong cái động tác ấy, nhóm làm phim mới xúm quanh anh, yêu cầu anh kể tỉ mỉ hơn. Tân lại kể bắt đầu từ vị trí xuất kích của đại đội anh trên đồi 505. Anh không kể tỉ mỉ vì anh biết họ có quan tâm gì nhiều đến diễn biến trận đánh cùng cái sức mạnh tinh thần trong từng chiến sĩ quân đội ta lắm đâu. Ngay trong đám các nhà làm phim, mỗi người đều có sở thích riêng, say mê riêng và cả khuynh hướng tìm hiểu riêng. Anh chàng Pôn – người Pháp có lẽ là người tỏ ra muốn hiểu biết kỹ hơn cả, anh ghi chép lia lịa vào cuốn sổ tay bọc bìa cứng. Lúc Tân kể đến chỗ tụi Pháp

ra hàng nhiều quá cứ hai tay giơ lên, chạy ngược chiều bộ đội ta đang tiến công làm vướng víu ghé quá, đại đội trưởng ra lệnh cho tụi Pháp phải nằm úp mặt xuống chiến hào, thì anh chàng Pôn kêu lên :

—Ồ thế thì – xin lỗi, cho tôi hỏi ông. Liệu cái mệnh lệnh ấy có phải là một cách làm nhục lính Pháp không?

Tân phải kim sự bực mình lại :

— Ông nên nhớ là lúc đó phía trước mặt chúng tôi còn rất nhiều lô cốt, ụ súng. Bọn lính Pháp ngoan cố vẫn bắn ra như mưa. Chúng tôi cần nhanh chóng tiêu diệt chúng mà cứ vướng những tên lính ra hàng. Ấy thế, nhưng chưa ổn đâu ông Pôn ạ! Tiểu đoàn trưởng chúng tôi đã hạ lệnh bắt lũ chúng nó vọt lên khỏi chiến hào mà chạy bộ về phía sau.

— Xin hỏi ông – Pôn lại hấp tấp ngắt lời – Giữa lúc bom đạn như thế, họ đã đầu hàng rồi mà còn bắt họ chạy trên mặt đất, liệu có gì đảm bảo an toàn cho họ theo đúng tinh thần nhân đạo không?

Tân nhếch mép cười :

— Cổ nhiên là có tên bị dính đạn. Những viên đạn của chính đồng đội nó bắn ra. Nhưng biết làm sao được. Chiến tranh là thế đấy. Lúc đó điều quan tâm chủ yếu của chúng tôi là tiêu diệt toàn bộ cứ điểm Điện Biên, là tóm gọn toàn bộ sở chỉ huy của Đờ Cát. Vì nhiệm vụ khẩn cấp của mình, đáng lẽ chúng tôi có thể bắn họ, nhưng chúng tôi không bắn, tôi cho như thế là nhân đạo lắm rồi.

Pôn im lặng không hỏi thêm nữa, Nhưng đến lượt anh chàng người Anh hỏi :

— Ông cho biết, có phải đơn vị ông được lệnh đặc biệt của tướng Giáp là tấn công sở chỉ huy của tướng Đờ Cát không?

Tân đáp thành thư :

— Không, chúng tôi không nhận được lệnh đặc biệt ấy. Tinh thần chiến đấu của chúng tôi bây giờ là thế này : chỗ nào có hỏa lực của địch chống cự là mục tiêu tấn công, là mệnh lệnh phải tiêu diệt, đơn vị chúng tôi vốn là thế đội 2, nhưng trong quá trình tấn công dũng mãnh, chúng tôi đã vượt qua cầu Mương Thanh và tấn công vào trận địa pháo cùng sở chỉ huy của tướng Đờ Cát. Thoạt đầu, tôi không biết đây là sở chỉ huy, tướng là một lô cốt gì quan trọng vì thấy có hai chiếc xe tăng. Những chiếc xe tăng các ông vừa quay phim ban nãy đấy — cứ quần lui quần tới và nổ súng như điên. Túm được tên lính ngự người Thái, tôi hỏi nó, nó mới nói là hầm tướng Đờ Cát. Và thế là anh em chúng tôi phân công nhau diệt xe tăng, và bao vây kín hai miệng hầm.

— Và tướng Đờ Cát chui lên đầu hàng? Nhà làm phim người Mỹ hỏi xen vào, giọng hóm hỉnh và có vẻ khoái trá như thể muốn so sánh sự thất bại của người Mỹ và người Pháp có khác nhau. Người Mỹ thất bại, nhưng chưa đến nỗi có vị tướng phải chui lên đầu hàng.

Tân lắc đầu :

— Không hẳn như thế. Thoạt đầu, chúng tôi ném xuống hai đầu cửa hầm hai quả thủ pháo. Sau hai tiếng nổ rung chuyển mặt đất, tôi thấy trong đám khói chưa tan, hai cánh tay trắng treo lơ lửng lên run rẩy. Rồi một cái đầu lộ ra. Đây là một tên sĩ quan ngự mang lon đại úy. Mặt cắt không ra máu, tên sĩ quan ngự hốt hoảng nhìn những mũi súng của chúng tôi đang chĩa vào hắn. Hắn lắp bắp : « Bầm... bầm. Mời một sĩ quan Việt Minh vào đề toàn... toàn bộ chỉ huy Điện Biên nhận... nhận sự đầu hàng ». Đại đội trưởng chúng

tôi lói. Tuy đang đánh nhau nhưng anh ăn bận gọn gàng và đẹp, quần phục màu xanh, đi giày sáng đá, đeo súng côn. Anh ra lệnh cho đơn vị hỗ trợ chặn cửa hầm vậy tôi và một đồng chí khác - súng lấp lè, đi hộ vệ anh. Tên sĩ quan ngụy dẫn chúng tôi xuống hầm - Qua một cái ngạch, tôi ngạc nhiên vì lóa mắt. Trong hầm, đèn điện sáng chung, Trần hầm căng vải dù trắng. Trên nền hầm nước đổ ra lênh láng, chẳng hiểu nước gì. Ngửi toàn mùi rượu, mùi thuốc lá, mùi kẹo - một thứ mùi hỗn hợp và xa lạ. Có đến gần hai chục tên sĩ quan hốt hoảng đứng đây. Có thằng định chui vào gầm bàn. Tất cả đều nhón nhác, đứng vón lại với nhau thành một cụm. Đại đội trưởng chúng tôi nói một câu tiếng Pháp dài và tất cả đám sĩ quan giờ hai tay lên nhất loạt.

- Cả tướng Đờ Cát nữa chứ? - Vãn anh người Mỹ hỏi giọng chằm chằm.

- Tướng Đờ Cát ấy à? Ý bạn bộ quần phục cụt, đẹp lon, vẫn ngồi yên trên ghế, ngồi nghiêng về một bên, mặt hơi ngoảnh về đằng sau. Một dáng vẻ lạnh lùng kiêu kỳ. Đại đội trưởng ra hiệu cho tôi đi lại về phía đó. Tôi bước vòng đến trước mặt y, mũi lưỡi lê giương thẳng. Y ưỡn oải đứng dậy, rồi chia bàn tay trắng treo ra toan bắt. Tôi bực mình. Dù y là tướng cũng kệ thầy. Hiện nay y là tù binh. Tôi quát «Hộ lệ mạnh». Đờ Cát trơ trẽn và hốt hoảng giờ vội hai tay lên trời.

Nhà quay phim người Mỹ sau khi nghe, dịch xong, phá lên cười. Còn Pôn, anh biên kịch người Pháp cau mặt lại. Có lẽ đề đỡ khó chịu, Pôn hỏi:

- Xin lỗi ông. Ông cũng có biết tiếng Pháp chẳng?

Tân vui vẻ nói:

— Đại đội trưởng của tôi thì rất giỏi tiếng Pháp. Còn tôi thì không biết. Có điều là chiến sĩ chúng tôi, ai cũng biết câu « Hô Lê mạnh » đề ra lệnh cho lính Pháp đầu hàng, cũng như trong chống Mỹ, chiến sĩ và cả nhân dân chúng tôi đều biết hô « Hen xơ ập » đề ra lệnh cho lính Mỹ phải đầu hàng.

Nghe Tân nói thế, Pôn liếc nhìn anh bạn đồng nghiệp người Mỹ, hơi nhún vai, ý muốn nói: « Thế nào anh bạn? Người Mỹ các anh cũng có lúc phải đầu hàng chứ? » và Pôn vẫn trở lại điều quan tâm của mình:

— Tôi muốn hỏi ông một câu: sao các ông không yêu cầu tướng Đờ Cát ký giấy đầu hàng mà lại bắt một vị tướng làm cái động tác của binh sĩ là giơ hai tay lên trời? Tôi nghĩ rằng, đấy là một hành động không phù hợp với một vị tướng.

— Tôi không quan tâm tới điều đó. Bấy giờ, trước mặt chúng tôi là cả một bộ chỉ huy, tất cả đã giơ tay lên biểu thị đầu hàng thì không có lý gì tướng Đờ Cát lại ngồi yên, tỏ ra sĩ diện hão. Đấy các ông xem. Chỉ sau khi y thực sự giơ tay lên, đại đội trưởng chúng tôi mới rút khẩu súng ngắn đang lăm lăm trong tay vào bao, và ra lệnh cho Đờ Cát bằng tiếng Pháp, bắt y phải điện thoại cho toàn bộ cứ điểm Điện Biên Phủ — đặc biệt là khu Hồng Cúm phải hạ vũ khí, không được chống cự nữa — Coi như thế là xong. Chúng tôi dẫn y và cả đám sĩ quan về hậu cứ chúng tôi. Và sau đó ra sao, chắc các ông đã rõ. Câu chuyện của tôi chỉ có thế.

Tân kết thúc câu chuyện trong tiếng cảm ơn rối rít của đoàn làm phim. Họ lại tiếp tục chia ống kính vào những chiếc xe tăng hoen gỉ, trên tháp pháo đầy bã mía. Ống kính tiếp tục chia vào những khẩu pháo 155, 105 mi-li-mét nằm gục giữa cánh đồng, bùn vấy đầy

và có khâu đã gắn như lún hẳn xuống ruộng. Cũng như các đoàn tham quan khác, đoàn làm phim này kết thúc những thước phim tư liệu cuối cùng ở nghĩa trang dưới chân đồi A1.

Vãn anh chàng Pôn — người Pháp ngỡ ngác nhìn chung quanh nghĩa trang rồi hỏi Thìn:

— Đây là nghĩa trang của binh sĩ Việt Nam. Tôi muốn hỏi ông, vậy thì nghĩa trang của binh lính Pháp tử trận ở đâu?

Thìn lúng túng, đáp:

— Điều này thì tôi không rõ. Có thể là không có.

Hùng nói thêm:

— Tôi sống ở Điện Biên từ bé đến bây giờ tôi biết là không có nghĩa trang binh lính Pháp. Lính Pháp tử trận ở Điện Biên, trong tình thế bị bao vây chặt như vậy chỉ có cách là chôn chung quanh chiến hào, thậm chí chôn ngay trong chiến hào. Bây giờ thì chẳng còn biết ở đâu nữa.

Pôn lắc đầu, ngửa hai tay ra nhún vai, vẻ thất vọng:

— Các ông biết không? Vợ tôi có một người anh trai chết trận ở Điện Biên. Hôm tôi đi, vợ tôi dặn tôi mua một bó hoa viếng mộ người anh. Bó hoa tôi mang theo trên ô tô. Vậy là tôi chẳng biết đặt vào đâu. Tôi nghĩ rằng, đáng lẽ các ông phải chu đáo hơn mới phải.

Thấy Thìn có vẻ ấp úng trước lời trách của Pôn, Tân nói:

— Tôi có người bạn tử trận, tự tay tôi chôn cất. Vậy mà bây giờ cũng không biết mộ anh là cái nào ở trong cái nghĩa trang rộng lớn này. Chúng tôi là những người chiến thắng, vậy mà chưa có điều kiện để làm những việc phải làm chu đáo cho người hy sinh vì

Tổ quốc. Có thể nào chúng tôi lại đủ điều kiện để làm nốt những điều chu đáo khác như ông Pôn nói. Binh lính Pháp sang đây xin ông hiểu lại cho rằng, đây là quân xâm lược. Sau khi đã gây tội ác, nếu phải đền tội thì thì thế họ có hòa tan vào lòng đất Việt Nam chúng tôi cũng là điều công bằng. Nén hương tôi mang từ Hà Nội lên không, cảm được lên mộ bạn tôi thì tôi cảm vào hương này — để viếng chung bạn bè đồng đội đã hy sinh, còn bó hoa của ông, tôi nghĩ rằng ông thiếu gì cách, thí dụ ông xé ra từng cánh rắc lên mảnh đất Điện Biên này, hoặc là ông đặt nó vào một nơi nào đó, hầm tướng Đờ Cát, hầm đại tá Pi-rốt...

Pôn im lặng không hỏi thêm gì nữa. Người lái xe kể lại rằng Pôn yêu cầu cho xe quay về cầu Mường Thanh, Anh ta đã đứng trên cầu rút từng cánh hoa thả xuống sông Nậm Rốm.

IV

Chủ tịch huyện Điện Biên mở bữa tiệc chiêu đãi đàng làm phỉm nước ngoài. Thìn còn nháy thêm với chủ tịch là nên có tặng phẩm kỷ niệm. Đề tỏ ra lịch sự, tất nhiên là huyện không từ chối. Gói quà khá thú vị: một chiếc khăn Piêu, một túi thổ cẩm, một ki-lô-gam cà phê rang xay đóng gói đúng quy cách. Tất nhiên là Thìn và Tân cũng cố phần. Bữa cơm vui vẻ, không nói gì chuyện chiến thắng Điện Biên hoặc chuyện chính trị, chỉ nói chuyện thời tiết, phong tục tập quán.

Ăn cơm xong, khách về phòng riêng. Tân và Thìn về phòng mình. Thìn hỏi:

— Anh Tân có cần đi đâu thăm bạn bè gì quanh Điện Biên này nữa không? Nếu không — ngày mai

anh đi Thanh Sương với tôi ta làm một bữa túy lúy.
Tôi có thằng bạn quen dưới đó.

Tân từ chối và bảo với Thìn :

— Tôi bận việc lắm anh ạ! Đơn vị đang mùa huấn luyện. Có lẽ ngày mai, anh để tôi cùng về máy bay với đoàn làm phim tiện thể.

Thìn giật nảy, kêu lên :

— Làm gì mà anh vội thế. Việc quân sự thì bận quanh năm. Đã lên đây anh phải tranh thủ xả hơi, bù lại lúc vất vả.

Thấy Tân tỏ vẻ sốt ruột muốn về, Thìn nhượng bộ một bước :

— Thôi thi thế này vậy. Tôi sẽ bỏ chuyến đi Thanh Sương. Ngày mai, anh em mình lên ô tô phối luôn.

Tân vẫn không thay đổi ý kiến mình. Anh không muốn dính líu với Thìn trong chuyến xe về. Anh biết Thìn mua rất nhiều hàng, dọc đường còn ghé vào trại nuôi ong, nhà máy rượu, công ty nông sản Sơn La. Không hiểu anh ta còn khuân về những thứ gì nữa. Mặc dù anh bảo là mua hộ bạn bè, nhưng ai cũng thừa biết là anh tìm cách xoay xở kiếm thêm. Tối hôm qua, anh đã gạ Tân về việc chở gỗ lát. Thìn bảo là Tân cứ lên lon trung tá ngồi ở ghế trên thì công an cây số 22 không kiểm tra. Tất nhiên là Thìn hứa sẽ kiếm cho Tân ít quà vật cho chị ấy ở nhà. Tân không muốn mình làm cái bình phong đề che đậy hộ cho những điều Thìn quan tâm nhất trong chuyến đi này. Thìn đã tìm mọi cách thuyết phục Tân, nói khéo, làm

vẻ giận dữ, nài nỉ và hứa hẹn, nhưng tất cả đều được Tân trả lời bằng lời lẽ giản đơn là vì anh quá sốt ruột công việc ở đơn vị mà đành phải mỗi người đi một nẻo đường thôi.

Sáng mai, họ bắt tay nhau tạm biệt ở sân nhà khách. Ra sân bay, Pôn tỏ vẻ ngạc nhiên là Tân lại về cùng đoàn làm phim. Tân bảo :

— Ít ra, cũng cho phép tôi tiễn chân các ông một chặng bay chứ?

— Ồ, rất hân hạnh.

— Chuyển lên Điện Biên của ông có làm ông hài lòng không?

— Rất tốt. Cảm ơn nhiều các ông. Pôn lại nhún vai. Tôi nghĩ là ông chẳng những là nhà quân sự mà còn là nhà ngoại giao nữa đấy.

— Ông khen quá lời. Người Việt Nam chúng tôi thường bảo như thế là ông cho tôi đi « tàu bay giấy » đấy — Ta nên đi tàu bay thật này thôi. Người phiên dịch phải khó khăn mới dịch được từ « tàu bay giấy » nhưng khi dịch xong thì Pôn và cả đám đồng nghiệp đều cười.

Chiếc trực thăng cất cánh. Pôn và Tân ngồi cạnh nhau, nhưng ngôn ngữ bất đồng chẳng nói năng được gì. Hơn nữa trong tiếng cánh quạt đập phành phạch như thế, có là gào mới nghe nhau được. Họ ngồi như vậy, mỗi người đeo đuổi những ý nghĩ riêng. Tân đã bắt đầu nghĩ đến buổi diễn tập tiểu đoàn tấn công

sắp tới. Còn Pôn – anh chàng người Pháp « rất Pháp » này không biết đang nghĩ gì. Có thể anh ta đang để trí tưởng tượng của mình trôi theo những cánh hoa anh thả trên sông Nậm Rốm.

Khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Bạch Mai, Tân mới nhớ ra rằng, mình không có ai tới đón. Anh đành đi nhờ xe máy tay khách nước ngoài – trên đường họ về khách sạn Thăng Lợi – anh sẽ tụt xuống bến Nứa, đi ô tô hàng về Hải Hưng vậy. Nhưng Tân không lấy thể làm áy náy. Chợt nghĩ đến chiếc xe « U-oát » chở đầy hàng của Thìn, anh cảm thấy hoàn toàn thanh thản nhẹ nhõm.

31-12-1983

X.T

NGUYỄN ĐỨC MẬU

MÙA XUÂN LÊN ĐIỆN BIÊN

Tùy bút

Nếu đi bằng đường trời, từ sân bay Gia Lâm, chỉ gần một giờ sau, tôi đã có mặt ở Điện Biên. Nhưng tôi đã đến Điện Biên bằng con đường rừng của lớp cha anh đánh Pháp năm xưa. Cánh chim và bàn chân. Bầu trời và mặt đất. Bay ở trên trời giúp tôi nhìn cao, nhìn xa, đi trên đất giúp tôi nhìn sâu, nhìn rộng. Mùa xuân này, xin đến với Điện Biên bằng lối đi gập ghềnh, gập khúc của núi non hiểm trở, điệp trùng.

Đến Điện Biên bằng đường rừng để tìm gặp những tên đất đã một thời dọi vào lịch sử. Lối cũ năm xưa đã thành con đường lớn bây giờ. Nhìn từng đoàn xe khách, xe tải nối nhau đi, có cảm giác cái khoảng cách xa xôi của núi đồi làng bản được xích lại. Nhìn hàng cây xanh lá hai bên đường, tôi biết mùa xuân đang tràn lên suốt dải rừng Tây Bắc. Nhìn con đường chênh vênh như sợi dây rừng vắt ngang sườn núi, nhìn đáy vực sâu đến chóng mặt, nghĩ tới câu hò vịnh tải năm xưa, tôi bỗng thấy lạ lùng. Làm sao bàn chân trần của vợ, người em ở hậu phương bám mềm được đá núi. Làm sao cái bánh xe thồ của dân công có thể lăn ngược trên sườn non, lăn ngược vàng trắng, lăn

ngược mặt trời. Lên đèo Pha Đin, nhìn mây trắng
bồng bênh sà ngang mặt đất giờ bàn tay vuốt lên mái
đầu thắm đậm hơi sương, tôi mừng tượng ra lối
mòn của quân chủ lực đã đi qua năm ấy. Dưới lớp
cỏ tranh, dưới tầng lá xạc xào kia có còn động dẫu
chân người. Hơi sông Đà xiết căng như sợi dây kéo
pháo, tưởng như cánh tay trần của các anh tôi cuộn
thành giông bão để kéo cả đồng bằng vào chiến dịch.
Cánh tay trần của các anh tôi mang sức vóc của sông
Đà « Tôi đi nắng trắng trời trưa. Tôi đi vì vút ngút bờ
hoa lau ». Phải rồi, từ màu hoa ban, hoa sớ nở sớm
trên đèo, từ màu hoa chuối đỏ bập bùng như ngọn
lửa dưới vực sâu đến loài hoa không tên bên lối mòn,
đều nhắc tôi nhớ về thời gian của những năm tháng
ấy. Vàng, chín năm kháng chiến đánh Pháp, các anh
tôi đi theo con đường này, viên đạn, hạt gạo, giọt máu,
giọt mồ hôi đi theo con đường này. Cả dân tộc ta
hành quân theo đường này để tới được Điện Biên
liệt sử.

Thấm thoát đã ba mươi mùa xuân, ba mươi mùa
hoa nở vậy mà với Điện Biên tôi mới đến lần đầu.
Điện Biên, mảnh đất từng thấm máu các anh tôi, mảnh
đất đầy dây thép gai, hố pháo, hố bom, mảnh đạn, giờ
đây đã đổi thịt, thay da. Lòng chảo Điện Biên đã thành
một cái dẫu khổng lồ dong dầy ngô lúa. Chiến tranh
như cơn gió độc đi qua, thế núi, hình sông nơi đây
vẫn vững vàng muôn thuở. Trước mắt tôi, cánh đồng
Mường Thanh rộng ngút tầm nhìn, mang no ấm bình
yên chia đều trăm ngã. Dòng sông Nậm Rốm có một thời
chảy qua lửa cháy, chảy qua cơn khát, nỗi đau, hôm
nay cỏ cây xanh mướt đôi bờ. Sẽ có nhiều người, khi
dừng chân bên dòng sông trận mạc nào đó, lại nhớ về
sông Lô, sông Đà, sông Nậm Rốm. Những dòng sông

chảy qua chiến tranh vẫn giữ được vẹn nguyên những kỷ niệm và nhắc ta hãy nhớ tới ngọn nguồn. Những dòng sông chảy qua chiến tranh giống như những dây đàn của bản hùng ca, mãi rung vang nhiều giai điệu khỏe. Gière dây sông Nậm Rốm hiện ra trước mắt tôi như một nét vẽ màu xanh trong bức tranh lớn của trời đất. Là gạch nối giữ hai bờ, cầu Mường Thanh yên lành như mọi nhịp cầu tôi đã gặp, như không hề mang vết đạn chiến tranh. Lúc này, tôi có thể thỏa thuê tắm nắng hoặc thông thả nhìn ngắm cảnh vật xung quanh. Cầu Mường Thanh như dành cho tôi, cho tất cả mọi người sự yên ả, thơ mộng. Chao ơi, có ai ngờ, nhịp cầu bắc qua mặt trận, nối vào cửa mở chiến tranh, có ai ngờ dòng sông chảy qua một thời lửa đạn khốc liệt mà bình lặng đến nhường này. Dừng chân bên dòng sông Nậm Rốm, tôi tự hỏi năm xưa có bao người ngã xuống nhịp cầu. Tuổi trai trẻ của các anh đã dừng lại ở nơi đây, làm thang ván lót đường cho triệu bàn chân băng tới đích thắng lợi. Có bao cuộc đời tôi chưa hình dung hết đã không tiếc máu xương mình để đổi lấy ngày vui trọn vẹn của dân tộc. Các anh tôi đã qua cầu với tư thế của người xông trận. Qua cầu, như thể qua một nơi cửa tử ác liệt nhất, đề rồi tỏa vào các hỏa điểm giặc. Giọt máu rơi trên cầu, ngọn cờ chiến thắng bay trên cầu, tiếng hô xung phong nối nhau băng qua cầu. Hàng trăm bàn chân xung kích qua cầu, đạp bằng lô cốt giặc. Khẩu súng qua cầu để đường ngắm được gần hơn, khối bộc phá qua cầu để bùng lên tiếng nổ. Cầu Mường Thanh không chỉ bắc bằng những tấm sắt, thanh gỗ thông thường, mà còn được bắc bởi bao cuộc đời chiến sĩ. Khoảng cách, nhịp cầu không chỉ được đo bằng chiều rộng của dòng sông Nậm Rốm, nó còn được đo bằng chiến công oanh liệt của một thế hệ. Chính

vi lẽ đó, người đi qua cầu hôm nay và ngày mai đều tưởng nhớ và biết ơn thế hệ cha anh đi trước.

Bước sang cầu Mường Thanh, đi tiếp một đoạn nữa tôi lại gặp lối mòn rẽ vào hầm Đờ Cát. Cổ mềm xanh mát và êm dịu dưới chân, cỏ như tấm vải bện, đan dày, khâu liền với đất. Lối vào hầm của tên tướng Pháp thành lối ra ruộng của bà con xã viên, thành lối rong trâu của bầy trẻ mục đồng. Căn hầm thấp xuống lút sâu giữa đồng ngô xanh lút đầu người. Đồng ngô chỉ chừa ra một khoảng đất hẹp cho khách đến thăm nhận biết hình thù cái vỏ cứng kiên cố của bọn xâm lược cũ. Cái vỏ cứng bằng bê-tông cốt thép hóa chiếc quan tài tối đen, hun hút, tưởng như ngày mai, ngày kia, nó sẽ chìm sâu vào ruột đất. Chiến tranh đi qua mùa xuân lại về, và sự sống tràn lên như không thể cưỡng nổi. Xung quanh tôi, ngô mọc xanh rờn. Lá ngô cọ vào vai áo, vào tóc tôi, lá ngô mơn man trong gió nhẹ. Dưới chân tôi, những lăm sắt cuộn tròn, chỗ han gỉ, chỗ phủ đầy cỏ dại. Đất và cỏ miên man ôm trùm lên mặt hầm lở loét. Tôi tự hỏi: ngọn cờ đã tới đây bằng con đường nào để tung lửa trên nóc hầm. Hầm có hai cửa, các anh tôi đã đi theo cửa nào để chia súng vào tên tướng Pháp. Hầm rộng bốn gian, này mốc meo, lạnh vắng như ổ mối bỏ không. Sự thất bại của một tên tướng chỉ huy, của một đội quân viễn chinh đã bị phơi trần thảm hại. Đờ Cát từng chui từ căn hầm này ra và cùng các sĩ quan tùy tùng, cao cấp khác giờ tay run rẩy xin hàng. Điện Biên chính là cái chảo lửa khổng lồ đã thiêu cháy tham vọng cuồng điên của hắn và hàng vạn quân viễn chinh Pháp xâm lược.

Giờ đây, vào một ngày trong trẻo của mùa xuân, đứng trên nóc hầm Đờ Cát, tôi lại nghĩ đến những

vùng địa dư trận mạc năm xưa. Ước chi, cũng mùa xuân nay, theo đường bay của chim én, tôi có mặt ở Bạch Đằng, ở Chi Lăng, ở Đống Đa, Ước chi, cũng mùa xuân nay, theo đường bay của ngọn gió trời, tôi được rong ruổi suốt dải Trường Sơn và những vùng đất nóng bỏng hóm dạn trong những năm đánh Mỹ. Mùa xuân ở sông Bạch Đằng bốn bề sóng nước, mưa xuân nhẹ bay thấm mát đất trời. Nhìn sông nước mênh mang, nghe tiếng sóng vỗ bờ dào dạt, người qua Bạch Đằng sẽ hiểu vì sao từ ngàn xưa dưới đáy sông sâu lại ẩn dấu những lớp cọc dày. Mùa xuân ở Chi Lăng ngang trời núi dựng, núi tựa vai nhau trấn ngự một vùng. Mùa xuân nơi Trường Sơn xanh màu áo lính, con đường bắt đầu từ những dấu chân đi bộ cứ trải dài theo những năm tháng đầy hi sinh gian khổ. Đứng trên đỉnh Trường Sơn, hẳn tôi lại nhớ về những mùa xuân ra trận của thế hệ mình. Thật lạ lùng, đến Điện Biên, những tên sông, tên núi ghi dấu một thời lịch sử, tự nhiên sống dậy trong tôi, thiêng liêng và tha thiết. Từ xưa đến nay, để gìn giữ lãnh thổ của mình, dân tộc ta đã từng đánh thắng nhiều loại kẻ thù hung bạo khác nhau. Dù bọn xâm lược đến đây bằng đường rừng, đường sông, đường biển hay đường trời, cuối cùng, chúng vẫn phải chuốc lấy những thất bại nhục nhã.

Ba mươi năm, đám cháy chiến tranh thuở trước đã nhường chỗ cho sự sống sinh sôi vô tận, vô cùng. Khắp cánh đồng Mường Thanh, không thể tìm ra dấu vết của hầm hào, rào gai hố dạn. Mùa xuân quanh hầm Đờ Cát, những cây ngô dẹt dàn như những ngọn nến xanh, những ngọn nến xanh lung linh như sự sống bất diệt ở mảnh đất phì nhiêu ẩm ướt. Và giữa đồng ngô bao la, trong nắng xuân gió nhẹ, tôi chợt nghe vang lên lãnh lót giọng chim đồng. Bầu trời tự do, mặt đất tự do, tiếng chim đồng vút lên trong vắt, rồi tan ra với

màu xanh yên ả. Nhìn màu xanh, nghe tiếng chim say
hót, tôi biết mùa xuân đang ở lại nơi này.

Rời căn hầm Đờ Cát, tôi đi thăm sân bay Mường
Thanh, thăm đồi Him Lam, Độc Lập và những cứ điểm
khác. Sân bay Mường Thanh đã mở rộng thêm để đón
khách nơi xa tới chào mừng lễ kỷ niệm ba mươi năm
ngày chiến thắng Điện Biên. Đồi Độc Lập nổi lên như
một chiếc mâm cổ tròn đầy, dưới chân đồi là ngôi
trường ríu ran tiếng trẻ, là con đường ồn ả xe qua,
là chòm xóm, thị trấn liền nhau, mái tranh chen mái
ngói. Vào thăm nghĩa trang Điện Biên, tôi đứng lặng
trước những tấm bia trắng. Mỗi vuông cỏ nơi đây ần
dấu mỗi cuộc đời, Tấm bia trắng không ghi quê quán,
tên họ của người đã khuất. Vuông cỏ lặng im, tấm bia
trắng lặng im nhưng tôi nghe những ngôi sao đang cất
lên tiếng nói. Trong những năm đánh Pháp, vùng quê
nào không góp máu xương mình cho chiến thắng Điện
Biên. Các anh tôi — những liệt sĩ vô danh, biết đâu
chẳng cùng quê với tôi, hoặc với những ai đã từng
tìm đến, đặt vòng hoa lên mộ. Vàng, những liệt sĩ vô
danh, ngày các anh ra đời không ai biết được, nhưng
ngày các anh hy sinh thì toàn thể dân tộc mình còn
nhớ mãi. Ngày các anh hy sinh chính là ngày ra đời
chiến thắng Điện Biên. Ngày các anh hy sinh là ngày
dân tộc đổi đời. Đề tưởng nhớ những người liệt sĩ vô
danh, đã bao nhiêu màu hoa tìm đến mộ bia, đã bao
nhiêu nén hương thấp trên vuông cỏ. Màu hoa không
tàn hương thơm không dứt. Nằm trên đất Điện Biên,
các anh có nghe mùa xuân đang rạo rục quanh mình.

Mùa xuân lên Điện Biên, tôi nhớ tới những đồng
đội của tôi đang nắm chắc tay súng bảo vệ vùng biên
giới phía Bắc của Tổ quốc. Nơi ấy, mỗi mùa xuân, hẳn
cũng có màu hoa ban trắng, hoa chuối đỏ bập bùng. Nhìn

màu hoa, đồng đội tôi hẳn nhớ tới lớp cha anh đi trước đã chiến đấu, giành giật từng tấc đất với quân giặc. Đường lên biên giới điệp trùng. Cũng như tôi, những lớp người trai trẻ đang cầm súng hôm nay vẫn nghe những dòng sông, đỉnh núi Tây Bắc hát về chiến công năm đánh Pháp. Con đường kháng chiến năm xưa trùng với đường hành quân giữ đất bây giờ. Khúc hát « *Đâu có giặc là ta cứ đi* », mùa xuân năm nào lớp cha anh đã hát trên con đường giải phóng Điện Biên, chúng tôi hát ở Trường Sơn trong những năm đón Tết xa nhà, hôm nay đồng đội tôi lại hát ở biên giới phía Nam, phía Bắc. Người lính bộ binh hát trong cuộc hành quân, người lính pháo binh hát trên xe kéo pháo, người lính công binh hát trong lúc bắc cầu. Đồi giày đã chiến rách sờn, những cánh rừng, đỉnh núi lùi lại phía sau lưng, bàn chân rộp phồng lại thay giày mới. « *Đâu có giặc là ta cứ đi* » đồng đội ơi hãy hát vang lên, hát cho núi truyền sang núi, hát cho con đường lên phía Bắc bớt gập ghềnh, hiểm trở, hát cho màu áo xanh trẻ lại với cây rừng. Hôm nay hành quân, ngày mai vào trận. Ngày mai, màu áo lính lại trải ra ngang dọc chiến hào. Với khẩu súng nhân dân trao cho với truyền thống Điện Biên năm đánh Pháp, với lịch sử hào hùng năm đánh Mỹ, những chiến sĩ hôm nay lại súng đạn trên vai, nối tiếp cuộc hành trình. Mùa xuân lên Điện Biên, tôi bỗng hiểu vì sao, ba mươi năm nay, Điện Biên trở thành điệp khúc thiêng liêng trong trái tim người chiến sĩ.

N. Đ. M.

LÊ THÀNH NGHỊ

NGƯỜI TRỞ LẠI

Truyện

Sau khi về nước, tôi nhận được thư của Naiup, anh bạn da đen người Công-gô, học cùng trường, ở cùng một tổ bộ môn, giục tôi kiểm tra lại cứ liệu cho thật chính xác, trước khi công bố bài báo tôi và anh viết chung. Đây là một bài báo về điều tra dân tộc học nhằm xác minh sự phát triển độc lập của các nền văn hóa dân tộc khác nhau trên thế giới. Chúng tôi chọn sự giống nhau tuyệt đối của chiếc gậy gieo hạt của dân bản xứ Ba-gô-bơ ở Phi-líp-pin và người Kho-mú miền Tây Bắc Việt Nam. Đó là chiếc gậy một đầu vót nhọn, bọc sắt, đầu kia được đẽo gọt thành một nhạc cụ giống như chiếc sáo. Người cổ đại của hai lục địa khác nhau, hoàn toàn cách biệt không có mối giao lưu nào với nhau, đã sáng chế ra chiếc dụng cụ sản xuất hoàn toàn giống nhau... Chi tiết ấy được Naiup phát hiện. Giáo sư Pê-tơ-rốp gọi tôi và Naiup lên (tôi và Naiup làm chung một dạng đề tài) và nói: « Rất tốt, vậy là thêm được một bằng cứ để đánh đổ thuyết « một trung tâm » của các triết gia tư sản. Có điều phải kiểm tra lại thực tế ».

Thế là Naiúp liền gọi điện cho sân bay mua vé sang Phi-líp-pin, còn tôi trở lại tổ quốc và mất một thời gian khá lâu mới lên được Tây Bắc.

Chiếc xe ca đồ khách ngay trước cổng chợ Điện Biên Phủ. Tôi mở tấm « bản đồ » chỉ đường mà Naiúp vẽ cho trước khi rời Mátxcova.

Naiúp nhớ đường quả là khá. « Người ta nghĩ về điều gì nhiều, thì sẽ nhớ mãi điều ấy ». Anh vẫn thường nói như vậy. Những chi tiết trên « bản đồ », những con sông và các mỏm đồi, con đường thẳng tắp như chia đôi vùng lòng chảo... không khác mấy với thực địa của thị trấn miền rừng lùn đầu tiên tôi đặt chân đến. Có điều Điện Biên Phủ giờ đây đã trở thành một thị trấn sầm uất. Những dãy nhà ngói san sát hai bên đường nép dưới những hàng cây long não gió lật trắng hai mặt lá. Xa kia là khu vực nông trường, bạt ngàn những trắng mía, những đồi chuối, những ruộng ngô xanh tốt dọc hai bờ sông Nậm Rốm. Con đường lên bản Pú Tiủ thẳng tắp. Naiúp dặn tôi ra khỏi thị trấn vài cây số rồi rẽ theo con đường này. Tôi ngây ngất trước vùng đất mới đến.

Cuộc đời có những khúc « cua » lạ lùng, người thông minh mấy cũng không thể đoán trước được. Vì như anh bạn Naiúp của tôi, chẳng phải chỉ chút xíu nữa thôi, là mồ yên mả đẹp ở đất này rồi. Còn tôi những năm lớn lên, đọc bao nhiêu là sách báo viết về nơi này, ao ước mãi cũng chẳng có dịp được lên. Vậy mà tự nhiên, đang đi học cách xa Tổ quốc hàng vạn cây số, bỗng được phép trở về ngược đường lên Điện Biên Phủ. Chưa hết, tôi là người Việt vậy mà trong túi áo

tôi là tấm « bản đồ » chỉ đường Điện Biên Phủ, do anh nghiên cứu sinh da đen người Công-gô vẽ. Ông giáo già hiền hậu Pê-tơ-rốp cũng không hết ngạc nhiên khi nhận hướng dẫn tôi và Naiúp làm cùng một đề tài và biết câu chuyện quá khứ của Naiúp.

Naiúp đến tổ bộ môn sau tôi một năm. Giáo sư tổ trưởng bộ môn Ni-cô-lai-ép giới thiệu anh trong một cuộc họp cán bộ giảng dạy và nghiên cứu sinh trong tổ. Cũng như bất cứ ai khác, người mới đến thường được giới thiệu như thế. Đại đề là tên tuổi, quốc tịch, là cán bộ nghiên cứu hoặc giảng dạy ở viện nghiên cứu này, trường đại học nọ. Naiúp là cán bộ nghiên cứu dân tộc của viện dân tộc học Công-gô. Tôi cũng chỉ nhớ có thế, vì sau đó mỗi người sống một phòng, công việc như nước cuốn không có thì giờ đâu để tâm đến những việc khác ngoài sách vở. Hơn nữa, Naiúp lớn tuổi hơn tôi nhiều, vì thế rất ít khi tâm sự với nhau.

Nhưng rồi tôi bỗng chú ý đến Naiúp. Đó là một buổi họp tổ cuối năm để báo cáo việc thực hiện chương trình nghiên cứu khoa học theo kế hoạch cá nhân đã đề ra. Khi tôi báo cáo xong, Naiúp liền chạy về phòng mình đưa cho tôi một cuốn sách anh viết về vùng Đông Nam Á. « Cảm ơn anh, tôi cảm động nói, vậy ra anh cũng nghiên cứu về châu Á? ». Naiúp cười: « Đây là lục địa tôi yêu mến ».

Một lần tôi đi thư viện về muộn. Vừa về đến sân trường thì gặp Naiúp chạy từ trong nhà ra. Naiúp không nhìn thấy tôi. Anh mang sau lưng một tấm biển to trông có hàng chữ: RUKI PRÔT ÁT VIỆT NAMA » (1). Có chuyện gì vậy? Tôi chột dạ khi nhìn qua hàng rào.

(1) Phiên âm câu tiếng Nga. Có nghĩa là: « Không được đụng đến Việt Nam ».

sân trường đã chật ních người. Mấy ngôi nhà cao tầng của khu ký túc xá tắt hết điện phòng. Mọi người đang hối hả xuống đường.

— Naiúp! Tôi gọi với theo, có chuyện gì vậy?

Naiúp quay lại, nhận ra tôi, anh chạy đến ôm chặt lấy tôi hồi lâu, nước mắt giàn giụa:

— Bọn Trung Quốc đã mang quân sang đánh Việt Nam. Tất cả đang tụ tập để ra đại sứ quán Trung Quốc biểu tình. Về nhanh rồi ra đây cùng đi. Minh chờ.

Thì ra tôi đi thư viện về muộn nên không biết lúc bấy giờ tối nay, đài truyền hình Liên Xô đã phát đi bản tin thời sự trong ngày. Trung Quốc đã ngang ngược tiến công Việt Nam. Tôi lắng người mặc dù mấy hôm trước trong một cuộc họp với cán bộ sinh viên, đại sứ quán nước ta đã dự kiến đến khả năng đó.

Tôi liền bước theo dòng người đồng nghị đang chen chúc vội vã ra cổng. Đó là một đêm tuyết lạnh khác thường. Hàng nghìn người vây kín khu đại sứ quán Trung Quốc trên phố « Hữu Nghị », âm ảm đòi chặn bàn tay bè lũ xâm lược.

Ngày hôm sau, đám biểu tình mới tan. Tôi gặp Naiúp trên đường về. Cả hai đều khản đặc tiếng, vì thế nên khó nói chuyện với nhau.

Các hội đồng hương của sinh viên các nước trên thế giới đang theo học ở trường chúng tôi liền quyên tiền và tham gia lao động một ngày cùng với toàn thể nhân dân Liên Xô, ủng hộ Việt Nam. Hầu hết các hành lang trên các tầng nhà của ký túc xá, đều đặt trạm « Hiến máu » cho Việt Nam. Nam nữ thanh niên sinh viên ngồi đợi đến lượt mình cho máu, vẻ mặt nghiêm trang khác hẳn sự ồn ào thường ngày. Ở cạnh cửa ra vào của các ký túc xá, các cô gái trẻ kê

Bàn quyền tiền. Trên mỗi bàn đều có tấm biển kê « Việt Nam cũng là Tổ quốc của các bạn ». Naiúp về đến cửa, móc hết các túi được một trăm ba mươi bảy rúp hai mươi cô-pếch (1). Anh khản đặc tiếng, nên đành viết vào mảnh giấy : « Rất tiếc là tôi chỉ còn chừng đó, cho tôi gửi đến các bạn Việt Nam cô-pếch cuối cùng của mình ». Anh đẩy mảnh giấy và số tiền về phía cô gái rồi bước thẳng về phòng. Cô gái trẻ vội vàng chạy theo anh để ghi lên.

Ngay hôm sau, trong khi tôi đang tiếp ông nhân viên bưu điện mang đến một bó to tướng thư từ và điện tín của bạn bè khắp Liên Xô gửi cho tôi (lúc đó tôi là chủ tịch hội đồng hương Việt Nam) hỏi thăm tình hình chiến sự đang tiếp diễn ở Việt Nam, bày tỏ sự sẵn sàng cầm súng sang Việt Nam..., thì Naiúp đẩy cửa bước vào. Ông nhân viên bưu điện bắt tay tôi lần nữa, bịn rịn như đối với một người bị nạn, rồi chào tôi và Naiúp ra đi. Naiúp ngồi xuống ghế, nhìn tôi thật lâu rồi hỏi :

— Vận này, nếu tôi lại được sang Việt Nam thì thật là hạnh phúc. Hãy ghi tên tôi đi.

— Naiúp, sao lại *lạt*? Anh nói tiếng Nga không chuẩn rồi! Tôi vừa cười vừa nói với anh.

— Nếu được đi, thì nghĩa là lần thứ hai. Mình đã đến Việt Nam một lần rồi.

— Anh không nói đùa đấy chứ?

— Tôi nói thật đấy.

Naiúp rút thuốc lá, bật lửa rồi im lặng hút trong khi tôi không hết tò mò.

Một lát sau, Naiúp bắt đầu kể.

(1) Côpếch : đơn vị tiền Liên Xô.

Chắc Vận không thể tưởng tượng một người làm công tác nghiên cứu khoa học như tôi, lại có lần sang Việt Nam với khẩu súng trong tay có phải không? Chính bản thân tôi cũng không ngờ như vậy. Mọi việc bắt đầu thật quá đơn giản. Đây là lần một người đàn ông da trắng đập cửa xộc vào nhà, rồi tóm ngực áo cha tôi: «Mày có bao nhiêu vàng đưa nộp hết ra đây». Nó quát vào mặt ông già như vậy. Ông cụ trừng mắt nhìn nó: «Không có!» «Vậy thì nộp thẳng kia». Vừa nói nó vừa chỉ tôi: «Đàn da đen bọn mày vẫn coi con cái là vàng bạc trong nhà cơ mà!».

Thế là tôi vào quân dịch, rồi bước xuống tàu sang Việt Nam trong lúc ông già tôi đứng trên bờ làm dấu thánh lia lia, «Ô-rơ-voa», tên da trắng mệt mỏi thốt lên rồi vội vã quay tàu để lại tôi và mấy trăm người trên một bãi bờ xa lạ. Chúng tôi được đưa về những trại lính tại Hà Nội. Thoạt đầu là học những bài sơ đẳng về tiếng Việt, nói những câu đơn giản, rồi sau đó học phong tục Việt Nam, đặc biệt là phong tục những người miền núi. Mấy tháng sau, người ta đặt vào tay phải tôi khẩu súng, tay trái nửa cái bánh mì, phần ăn nửa ngày, thế là súng cứ nổ loạn xạ, trúng ai người ấy chết, vô tội vạ.

Cái lý lẽ bản «chợ nước mẹ Phờ-răng-xơ vĩ đại» tôi nghe người ta nói láo nháo ở Công-gô, giờ lại nghe tại nước này. Nghe vậy thôi không một mảy may bận tâm. Nhưng nghe nhiều rồi quen tai, thế là bản, dù phía trước chỉ là cây rom bù nhìn của người miền ngược làm đề dọa chim đến phá mùa màng.

Đầu năm 1954 tiểu đoàn lính châu Phi chúng tôi đang đóng quân tại Nà Sản thì được lệnh chuyển về Hà Nội. Chúng tôi không thể đi bằng ô-tô được, vì dọc đường nhiều chỗ đã bị Việt Minh kiểm soát, tình hình

chiến sự lúc ấy đã rất căng thẳng. Chúng tôi chuyển sang hành quân bằng máy bay. Về Hà Nội nghỉ ngơi mấy ngày, tôi được chuyển sang tiểu đoàn nhảy dù, chuẩn bị chi viện cho Điện Biên Phủ. Để giữ bí mật tuyệt đối, bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ điện cho Hà Nội đề nghị chúng tôi nhảy dù ban đêm.

Chiếc máy bay đa-cô-la tắt hết mọi thứ đèn hiệu lượn một vòng rất rộng trên khu lòng chảo. Phía dưới là đêm mênh mông, và tận cùng là những mỏm núi đen đậm nhấp nhò xa tít. Cánh máy bay bỗng mở rộng. Gió lạnh ủa vào đột ngột. Tôi lăn ra đến cửa, chưa kịp làm dấu thánh thì tên trung đội trưởng người Pháp đứng cạnh đó đạp tôi ngã nhào xuống. Dù bật tung ngay dưới cánh máy bay. Dù mở sớm quá, gió thổi bạt đi. Từ trên cao mỗi lúc tôi lại càng thấy cách xa mục tiêu đồ bộ nơi những đốm lửa lập lòe dưới đất. Tôi hết sức co kéo nhưng hầu như tuyệt vọng, không thể nào điều khiển nổi dù. Cuối cùng những cơn gió ác nghiệt đưa tôi rơi xuống một cánh rừng tối om, cây cao rậm rạp. Dây dù vướng víu, thít chặt vào một cành cây cụt đâm ngang trợ trợ giữa một khoảng không khá rộng. Trước khi dù vướng vào cành cây đâm ngang, tôi bị gió quăng quật vào một cành cây khác, đầu é ằm ở đuôi bên phải. Tôi bị treo lơ lửng, cách mặt đất non một chục mét, giống như một con ếch bị buộc ngang bụng treo lên xà nhà.

Vật lộn, xoay sở mãi cho đến lúc trời sáng, nhìn rõ thân cây chỉ cách khoảng ba mét, tôi thu hết sức lấy đà đu mình định dùng chân bám vào cây, nhưng thân cây quá xa. Mỗi lần đu vào chân phải tôi lại đau dữ dội. Mãi đến chiều tối, rồi đến ngày hôm sau thì hoàn toàn tuyệt vọng, tôi buông tay, kiệt sức vì đói và khát...

Cái ấm nóng của bát cháo ngô đã làm tôi tỉnh dậy. Tôi mở mắt, một' mỗi nhìn lên trần nhà lạ hoắc, rồi cố xoay người sang bên cạnh. Một ông già mặc áo xanh đang cầm thìa bón cháo cho tôi. Theo thói quen khi gặp người lạ, tôi vòng tay ra sau lưng tim sùng. Ông già đã kịp ngăn lại, vì sợ động mạnh sẽ ảnh hưởng đến vết thương ở chân tôi. Ông ra hiệu cho tôi nằm im rồi đến bên bếp rót nước cho tôi, không một chút nghi ngờ. Nhưng tôi đâu có còn sùng. Khẩu sùng đã bị rơi khi tôi vật lộn trong rừng. Cũng may tôi không còn sùng.

Một người đàn ông bước lên cầu thang, vào nhà, chào hỏi ông già rồi ngồi cạnh bếp nhìn chằm chằm vào tôi. Họ nói chuyện với nhau bằng thứ ngôn ngữ xa lạ. Nhưng theo dõi gương mặt của họ, cũng có thể phần nào hiểu được họ đang nói gì. Người đàn ông kia lộ vẻ giận dữ, khó chịu, còn ông già hầu như không có một phản ứng nào. Có lẽ người đàn ông lạ kia đã trách ông già sao lại mang thứ của nợ kia (ông ta chỉ tôi) về nhà, rằng thứ ấy chỉ cần cho nó một phát tên thuốc độc khi nó còn treo lơ lửng trên cây là đủ, rằng... Ông già im lặng đặt cục than đỏ to tướng lên đầu nõ diếu, rít một hơi thật dài, rồi nói với người kia, có lẽ ông già nói «cứ từ từ anh bạn, ta sẽ nạp nó cho bộ đội, biết đâu lại chẳng có ích». Người kia vùng vằng đứng lên, không chào ông già, bước thẳng ra cổng.

Lát sau, một người trẻ tuổi bước vào. Theo cử chỉ và những câu nói cộng với gương mặt hao hao giữa ông già và anh thanh niên, tôi đoán họ là cha con.

Anh thanh niên hỏi tôi điều gì đó bằng thứ ngôn ngữ của anh vẫn nói với ông già. Tôi lắc đầu «không hiểu». Thế là anh ta chuyển sang nói tiếng Việt.

— Cứ nằm im mà nghĩ. Anh còn đau không?

Anh nói từng tiếng một nên tôi hiểu ngay, và gật đầu.

— Anh đã bị bắt, biết không? Anh ta hỏi và lộ vẻ vui mừng khi nói chuyện được với tôi.

— Hãy cho tôi biết ở đây là đâu. Tôi nói từng tiếng, kiểu lợi bì bõm trong tiếng Việt.

— Trên đất Điện Biên Phủ cả thôi. Có điều anh bị bắt khi chưa chạm đến đất Điện Biên Phủ đâu. Lúc anh còn ở trên cây ấy. Anh đưa tay làm hiệu tôi bị treo lơ lửng ra sao.

Mấy ngày hôm sau, tôi đỡ hơn. Ông già đắp thêm lá vào vết thương ở chân cho tôi, kê tấm gỗ ngay cạnh cửa sò, bảo tôi nằm nghỉ, rồi đi nấu cháo cho tôi. Anh thanh niên cứ sáng ra là đi đến tối mịt mới về. Cứ mỗi lần ra đi, anh đều không quên dặn ông già phải cẩn thận khi tôi đã khỏe. Anh ta sợ tôi có thể hành hung rồi trốn chẳng?

Người thanh niên vừa xuống đến chân cầu thang đã vội vã quay lại. Anh nói gì đó bằng tiếng dân tộc của anh với ông già. Người bố chợt biến sắc mặt. Một lát sau tôi nghe vọng đến tiếng nói xì xồ của lính Pháp đi càn. Anh thanh niên đưa cho ông già chiếc nỏ và mấy mũi tên rồi quay sang phía tôi:

— Nếu anh kêu một tiếng thì sẽ bị một mũi tên ngay lập tức.

Ông già ngồi xuống bên cạnh, tay cầm chiếc nỏ, và mũi tên.

Tôi lé mắt nhìn qua kẽ hở của sàn nhà. Dưới nhà, một tên lính người Pháp đang vào bắt trâu. Nó bảo bà cụ tránh ra cho nó đi, song bà cụ không hiểu. Nó

liền lấy nòng súng gạt bà sang một bên, rồi tháo dây chạc dắt trâu ra. Con trâu thở phì phì bước theo nó.

— Mà... ă ă à. Bà cụ chột kêu lên.

Con trâu đứng sững lại. Thằng Pháp không thể nào kéo con vật đi thêm một bước. Nó xoay người lại kéo như người kéo thuyền. Con vật bị kéo, đầu vươn dài ra phía trước. Chân nó gập lại như kiêu muốn bước thêm một bước.

— Mà... ă ă à. Bà cụ nhắc lại.

Thằng Pháp không tài nào kéo nổi con trâu, nó tìm một chiếc gậy to phang tới tấp vào lưng con vật. Loay hoay một lúc rồi nó lùi lại mấy bước, xoay ngang nòng súng, lên đạn. Bà cụ nhắm mắt lại để khỏi nhìn thấy cảnh đó. Một loạt súng nổ vang dưới sàn nhà.

Ông già ngồi cạnh tôi nét mặt không thay đổi. Không nghe thấy tiếng bà cụ kêu lên, thế nghĩa là bà cụ đã trúng đạn chằng? Nhưng không, bà cụ ở dưới nhà đang qui xuống cạnh con trâu mắt đã trợn tròn.

Thằng Pháp định bắn thêm một loạt nữa, nhưng nó đang vừa chửi tục tữ vừa lên thang gác. Nó bỗng dừng lại ở cửa ra vào, rút diêm xòe lửa định đốt nhà. Ông già tì chiếc cán nỏ vào bụng lên dây, đặt ngay ngắn mũi tên thuốc độc vào rãnh nỏ, bắn một phát vào cái bóng đen ở bậc cửa đầu cầu thang. Âm thanh của chiếc nỏ phát đi khô, gọn ghẽ, không ồn ă như loạt súng vừa rồi, nhưng thằng Pháp không kịp kêu một tiếng, ngã nhào xuống chân cầu thang, mặt tím lại ngay.

Ngày hôm sau lính Pháp và lính ngụy càn vào bản. Dân bản chạy ngược lên đỉnh đồi, lùi sâu vào rừng rậm. Hai bố con ông già dùng cách kiêng tôi sang cánh rừng bên cạnh. Chúng tôi luồn sâu vào chiếc hang đá lạnh buốt, tối ngán ngất. Tim chỗ đặt tôi xuống.

anh thanh niên liền quay ngay về bản để đón bà cụ, lúc ấy đang đi lấy gạo ngoài suối.

Bà cụ về đến chân dốc thì gặp một tốp lính. Một thằng lấy nòng súng nâng cằm bà cụ lên, hỏi:

— Đưa nào giết người Pháp hôm qua. Nói đi, con phù thủy kia. Nó hỏi bằng tiếng Việt.

— Tôi không biết.

Tên kia xoay nòng súng lại. Cái động tác thật giống động tác thằng Pháp bắn trâu hôm qua.

— Có nói không?

— Tôi không biết.

Tên lính liền bóp cò. Phát súng vọng vào tận hang đá. Bà cụ ngã giúi về phía trước, gùi gạo đổ tràn qua vai, ướt đẫm.

Anh thanh niên nằm trong bụi cây pú-tiểu cắn chặt vành môi đến bật máu, chờ hết cuộc càn, liền chạy bỏ đến ôm lấy xác mẹ. Anh gỡ dây gùi sau lưng bà, rồi bế xốc lên chạy một mạch về hang đá.

Bà cụ bị bắn nát một bên xương bả vai, máu ướt loang vạt áo trắng.

Trong khi anh thanh niên vào rừng tìm lá cho mẹ, ông cụ ngồi xuống lau những đám máu đã khô trên ngực áo bà cụ. Tôi có cảm giác là sau cái hôm thằng Pháp vào bắt trâu, tôi đã nằm im trên sàn không kêu lên như lời anh thanh niên dặn, đã làm ông cụ phần nào tin. Nhưng lúc này ông cụ trông thật giận dữ. Ông cụ nhìn tôi, cặp mắt có thể thui tôi thành than.

— Mày có bố mẹ chứ? Còn sống cả chứ?

— Còn sống cả. Tôi đáp.

- Họ chắc không phải là con sói sao để ra bọn mày độc ác quá vậy.

Tôi im lặng và nghĩ đến cha tôi. Người nông dân Công-gô đứng trên bờ làm dấu thánh lia lia cầu may cho tôi trở về...

Đấy là trận càn cuối cùng của lính Pháp vào bản, bởi vì sau đó tôi nghe tiếng súng nổ râm rạn dưới vùng lòng chảo vọng về hang đá. Bên phía bộ đội Việt Nam đã tấn công. Tiếng đại bác rung chuyển những đỉnh núi mờ xa.

Mọi người lục tục kéo về bản. Bà cụ được đặt trên chiếc cáng. Hai bố con ông già chuẩn bị đưa bà cụ về nhà.

- Cứ ở đây, tôi sẽ mang cáng ra đón. Anh thanh niên quay lại nói với tôi như vậy, rồi họ liền khuất sau lùm cây...

Những buổi tối sau đó, tôi nằm trên sàn nhà không tài nào chợp mắt được khi nghe tiếng súng, vang dội trong khu lòng chảo. Cứ chập tối, những đoàn quân nườm nượp mang đầy súng đạn từ rừng ra, chia thành nhiều hướng tiến về phía thị trấn Điện Biên Phủ. Sáng ra họ lại rút về rừng. Tôi nằm lắng nghe âm thanh quen thuộc của chiến tranh, tiếng súng dội từ xa, tiếng lịch kịch của mũi súng chạm vào lưới xẻng thật gần, tiếng í ới gọi nhau ngoài suối cạn. Tôi nhận ra tiếng anh thanh niên con cụ chủ nhà, đang giải thích điều gì đó cho đám đồng ngoài suối. Anh ta làm việc gần nhà như thế mà cả tuần nay không thấy về.

Khoảng đầu tháng tư, tiếng súng có vẻ im bớt trên khắp vùng lòng chảo. Riêng khu vực quanh thị trấn thì mỗi ngày một dữ dội hơn. Ông già bảo tôi: « sắp đến ngày quân Pháp xuống lỗ rồi. Một chân còn ở

ngoài nhưng chân kia đã ngủ trong mồ rồi». Tôi im lặng, nhưng thực tình cũng mong ngày đó đến. ●

Đã mấy mùa không gieo trồng vì giặc giã, bom đạn, mùa này dân bản bắt đầu nghĩ đến đốt nương, trỉa hạt. Ngay cạnh nhà tôi ở là khu đất trống, trước đây là bãi ngô nhưng bây giờ cỏ tranh um tùm. Ông già đi gọi dân bản, đa số là phụ nữ và trẻ em, gom góp số ngô giống còn cất giữ được rồi đốt rẫy, làm vụ mới. Ông cùng với ba người nữa đầu đã lốm đốm bạc cầm những chiếc gậy dài, một đầu vót nhọn, bọc sắt sáng loáng tiến ra nương. Họ xếp thành hàng ngang, đi thụt lùi. Tốp phụ nữ tay phải bưng rá ngô, tay trái nhón từng hạt ngô thả xuống những chiếc lỗ đã chọc sẵn. Một lúc, tôi thấy hai trong số bốn ông già đang chọc lỗ, bỗng nâng cây gậy lên ngang mặt, quay đầu cán lại rồi ghé miệng thổi, đầu nghiêng bên phải, nghiêng bên trái, bàn chân bước lên một bước, hạ chiếc gậy chọc xuống đất chiếc lỗ tròn, rồi lùi lại một bước, nâng cây gậy lên thổi một điệu dân ca. Cứ thế họ thay nhau khi thì nghiêng ngửa thổi sáo, khi thì dứt khoát, mạnh mẽ chọc xuống đất. Tốp phụ nữ theo sau vừa thả hạt ngô, vừa hát họa theo. Bàn tay gieo hạt vung lên dịu dàng như múa. Tiếng nhạc réo rắt. Có lẽ điệu nhạc của mùa xuân, của mùa gieo trồng, điệu nhạc hòa bình, tôi không được nghe bao giờ. Tôi ghé cổ qua khe cửa nhìn ra, trên vạt nương thấp thoáng áo trắng. Phía xa núi rừng như một tấm phông xanh. Bỗng nhiên tôi khao khát được trở về nhà. Thế là hình ảnh cha tôi đứng trên bờ làm dấu thánh lia lia dễ cầu mong tôi trở về lại nhập nhòa trước mắt. Cha tôi làm dấu thánh thế mà thiêng...

Một chiếc xe vận tải chở đầy cam đi ngược lại cắt ngang câu chuyện của Naiúp ám ảnh tôi suốt dọc con

đường từ thị trấn vào. Đã đến chân núi. Một người đàn ông chỉ cho tôi trụ sở ủy ban xã: căn nhà sàn mới dựng ngay cạnh những hồ cá lớn. Tôi đẩy cửa bước vào. Ông thường trực ủy ban vui vẻ đón tiếp. Ông chăm chú đọc những giấy tờ của nhà trường giới thiệu tôi về công tác, ngồi nói chuyện với tôi lúc lâu rồi cầm các thứ giấy tờ sang phòng bên cạnh.

« Hay nghĩ đến điều gì, thì sẽ nhớ mãi điều ấy ». Tôi cũng không hiểu tại sao lại còn nhớ được khá tỉ mỉ câu chuyện ấy của Naiúp. Có thể anh kể vào một ngày sau khi bọn Trung Quốc đánh ta, một ngày làm tắt cả mọi chúng tôi đều da diết nhớ Tổ quốc? Có thể cái giọng trầm và khuôn mặt hơi buồn của anh trong khi nói chuyện với tôi? Có thể là sự đổi thay lạ lùng: một Naiúp trong bộ quân phục của lính Âu Phi ngày trước và Naiúp bây giờ: bộ com-lê màu sáng và mái tóc của người đến tuổi năm mươi đã có những sợi bạc? Hay là chiếc gậy chọc lỗ gieo hạt và điệu nhạc mùa xuân, mà Naiúp chú ý từ thuở anh mười chín đôi mươi và đến bây giờ vẫn còn in mãi trong anh?... Trong khi chờ ông ủy viên thường trực xã Thanh Xương vừa có việc bận sang phòng bên cạnh, tôi vừa đi xem hết một lượt những bức tranh ảnh cắt từ các báo dán quanh tường nhà của trụ sở ủy ban xã, vừa nghĩ như vậy. Dường như những ý nghĩ dọc đường từ Điện Biên Phủ về đây bị gián đoạn đang tiếp tục được chấp nối lại. Nhưng ông ủy viên thường trực xã đã trở lại. Ông cười vui vẻ:

— May quá, có ông đội trưởng của đội Pú-tiu đang ở bên trại cá. Tôi đã nhắn ông ta lát nữa về thì dẫn anh về trên đó luôn.

— Thế thì cảm ơn anh quá! Tôi nói.

Tôi dừng lại trước một bức ảnh treo ở phía dãy bàn làm việc của ban thông tin xã, «Quàng Thị Sao, cá nhân tiên tiến năm 198...». Cô gái khá xinh song có vẻ không được thoải mái lắm trong tư thế chụp ảnh.

— Ở Pú-tiêu còn nhiều cụ già không ảnh? Có cụ nào sống đến tám mươi, chín mươi không? Tôi hỏi thăm về các cụ già trong khi dừng lại trước bức ảnh của một cô gái trẻ. Điều đó làm ông ủy viên thường trực một thoáng ngạc nhiên, nhưng một lát sau ông trở lại bình thường ngay.

— Xem nào!... Có đấy. Phải, anh hỏi về khoản *truyện* cổ thì các cụ biết nhiều đấy. Cứ bắt ông Chơ đội trưởng đội Pú-tiêu ấy, muốn gặp người nào ông ấy dẫn đi.

Một lát sau Chơ vào. Không đợi chào hỏi, anh nói oang oang ngay đầu cầu thang:

— Anh Vận đâu? Chào anh, Anh về nhà mình ở. Ba-lô đâu? Mình nghe ông Khụt nói rồi, anh chỉ ông ủy viên thường trực, phải lên Pú-tiêu ở thôi, chớ ở nhà khách ủy ban hàng ngày đi xuống bản xa lắm.

— Nhưng tôi sẽ ở lâu đấy! Tôi nói với Chơ như vậy.

— Này, không ngại đâu! Mình là lính Trường Sơn năm năm về đấy nhá. Anh cười thoải mái rồi khoác ba-lô dẫn tôi xuống cầu thang.

Ủy viên thường trực xã chạy theo giúi vào tay tôi mảnh giấy có dấu ủy ban.

— Dù sao có giấy xã, bà con trên đó sẽ tin anh hơn. Tôi nhận mảnh giấy, cảm ơn sự chu đáo của anh rồi bước theo Chơ. Đường đời vắt qua mặt cây lúp xúp rồi dẫn đến một khu rừng cà phê bát ngát, trái chín đỏ như trăm nghìn đốm lửa nhỏ trong lá xanh. Chơ vừa đi vừa chỉ cho tôi những vạt cà phê đã chín đang chờ

thu hoạch. Anh cởi mở kể chuyện định canh định cư ở đội sản xuất của anh, phân nàn về việc thiếu hụt nhân công, nhất là từ khi hợp tác xã bàn giao cho đội sản xuất của anh đảm nhận luôn rừng cà phê và khu trại cá..

Vừa đi vừa kể chuyện chẳng mấy chốc đã đến nhà. Chơ hăm hờ lên cầu thang lấy khăn mặt mới, chỉ cho tôi cái lu nước tràn đầy rồi mang đồ đạc của tôi vào nhà. Một lát sau anh trở ra với chiếc nỏ và mũi tên trong tay.

Khi tôi rửa mặt xong thì Chơ vừa cười vừa đang lên cầu thang, tay xách chú gà trống bị một mũi tên nửa xuyên ngang.

— Vào nhà đi. Anh nói rồi nhường tôi vào trước. Căn nhà rộng rãi, Bếp lửa đang cháy đỏ rực ở gian giữa. Cạnh đó là cái sập lớn trải những chiếc đệm Thái (1) dày cộp, thêu hoa văn xanh đỏ, cầu kỳ. Đồ đạc bày trong phòng khá đẹp. Một chiếc tủ gương mới tinh đứng cạnh chiếc cột cái lớn, ngăn nửa gian bên phải thành hai buồng nhỏ. Sàn nhà ghép bằng những tấm ván rộng bản màu huyết dụ. Gian bên kia đặt chiếc rương lớn đựng đầy thóc. Một dây phơi kín đáo vắt những quần áo thêu màu sắc sặc sỡ ở đầu hồi nhà, phía cửa phụ ra vào. Chơ mở tủ đưa chè cho tôi pha nước, còn anh bắc nước sôi nhúng gà và lấy thịt nai khô trên sán bếp ra ngâm. Bây giờ tôi mới có dịp nhìn rõ Chơ. Khuôn mặt vuông, hơi đỏ hoa, một vết sẹo dài nằm ngay khóe miệng bên phải.

— Bị đạo làm trinh sát đấy, anh trả lời, đơn vị giao cho tổ mình đi đốt sân bay Đông Hà. Minh được phân

(1) Đệm bông của đồng bào Thái sản xuất.

công tóm thẳng lính gác. Đã từ sau lưng quàng tay thít lấy cổ nó rồi, không hiểu thế quái nào thẳng « con giời » còn kịp buông súng, ra rồi rút dao đâm lia lịa qua vai mình. Một nhát trúng vào đây. Anh chỉ vết sẹo ở khoe miệng bên phải. Nhưng chỉ nhát này thôi, sau đó thì nó lịm luôn.

— Thăng nguy hay thẳng Mỹ?

— Mỹ chứ. Nó cao to gấp đôi ta ấy! Nguy mà đề nó đâm mình thế thì còn nói làm gì.

— Giá có cái nỏ và mũi tên thuốc độc thì gọn hơn. Tôi gọi chuyện.

— Thì nó như con gà này! Chờ cười, khùng khục trong cốp, sau khi vừa uống một ngụm trà, rồi anh với con gà rút mũi tên nứa ra. Ôi, những năm đi đánh giặc vui lắm. Là lính ở đất Điện Biên đi, nên được chiều, cũng là loại lính « cẩu » đấy, cứ kể trước trận đánh là y như rằng lại được giao kể chuyện với đại đội về quê hương Điện Biên. Mà mình có biết kể gì đâu. May mà hồi nhỏ còn được nghe người già kể, mình cứ nhớ nội dung rồi thêm những tốt đẹp về kinh tế quốc phòng của Điện Biên hiện nay. Có lần bị anh em vạ, mình bí đấy. « Ông Chơ hồi đó đã đề quái đâu mà tả thẳng Tây cứ như thật », « Cứ nghe ông Chơ nói thì đánh thẳng Mỹ còn ngon hơn cả đánh thẳng nguy », nhưng cũng có ông nói « Đừng xem thường thẳng ấy, nó không gì thì cũng đội bom đứng dậy sau trận Noong Nhai đấy ».

Chơ đang vui chuyện thì có bước chân lên cầu thang, rồi một cô gái váy đen nhánh, áo trắng bó chèn bước vào.

— A, Sao. Ngồi xuống uống chè cùng chúng tôi.

— Em chào các anh. Anh Chơ này, em sang báo với anh là ngày mai em phải lên huyện dự hội thao đấy.

Không đi không được, huyện đội gửi đến hai giấy rồi. Cá kỳ này lại đang đẻ, ngày mai anh ra đó một tý nhé.

— Mai bận rồi, đi với anh Vận rồi! À, giới thiệu với Sao đây là anh Vận ở Hà Nội lên công tác, còn đây là cô Sao, anh biết chưa nhỉ? Cô gái nuôi cá ấy mà! Chờ kéo tay Sao ngồi xuống cạnh bếp lửa, anh làm như tôi đã quen biết Sao từ trước không bằng. Nhưng tôi bỗng nhận ra nét mặt hơi quen quen của cô gái.

— Có phải là cô Sao có ảnh ngoài trụ sở ủy ban không?

— Phải đấy, Chơ nói ngay.

— Trông ở ngoài cô khác quá.

— Ở ngoài đẹp hơn phải không anh Vận. Anh chụp lúc đang câu mà. Chơ đỡ lời, mấy ông nhà báo thì cứ bắt nghiêng bên này, nghiêng bên nọ trong lúc cá thì nhảy rào rào tới mặt tối mũi thì ảnh đẹp sao được.

Sao cười lảng sang chuyện khác:

— Mặc kệ anh Chơ đấy, mai cá đẻ anh không ra thì ngoài trại không biết xoay xử ra sao đâu. Thôi để em đi thời cơm cho.

Sao nói rồi xách gà ra sân ngoài.

— Thôi được, ngày mai thế nào tôi cũng ghé qua trại cá. Chơ vừa nói với theo vừa rút khăn lau máu ở mũi tên nứa rồi đứng lên treo nỏ vào vách gỗ phía đầu bếp.

Sao ra sân một lúc, trở vào tay bụng con gà đã sạch sẽ và quả bí xanh đã bỏ làm tư, ngồi xuống tắm tắm cũ trái trên nền nhà thái bí. Cô thái nhanh thoăn thoắt, cặp mắt dài lóng lánh, nụ cười làm khuôn mặt

sáng lên một cách trẻ trung, thứ ánh sáng thường thấy trên khuôn mặt các cô gái đang yêu, cởi mở và mến khách.

— Ngày mai đội ta Sao và ai đi hội thao đấy? Chờ hỏi.

— Bắn nỏ thì em và Ngàn, bắn súng thì xã đội cử anh Hặc. Sao vừa cúi thời lửa vừa nói. Than hồng bắn tung tóe những vụn sáng li ti trong bếp.

— Mấy năm trước đội này đứng đầu huyện về bắn nỏ đấy anh Vạn ạ — Chờ quay sang nói với tôi. — Ông cụ cô Sao bắn nỏ mặt cứ lạnh như tảng đá ngoài suối, không chịu ai đâu. Có lần bắn xong lên kiểm tra bia, tên cầm theo hình ngôi sao ngay trong vòng mười, cứ như tay mình cầm nắm tên cắm vào vậy. Mấy năm nay cái mắt không còn sáng nữa rồi, nhưng nếu ai bảo đi, đi ngay đấy.

— Anh Chờ làm đội trưởng chắc bận lắm? Tôi hỏi.

— Cũng bận. Phục viên về thì trúng quản trị, từ đó đến nay không mấy khi hết việc. Nhưng việc nhiều làm mãi rồi cũng quen. Anh lên dịp này dân bản khá bận đấy, có khi làm xong ngủ ngay ngoài chòi canh không về nhà đâu.

Sao đã nấu nướng xong. Cả ba chúng tôi ngồi trên thảm uống rượu. Cô gái ngồi bên cạnh rót một chén cho tôi, rồi quay sang rót một chén cho Chờ. Một lúc say chén rượu làm gương mặt cô gái hồng lên như bông hoa anh túc nở cạnh suối.

Buổi chiều Chờ dẫn tôi đi một vòng quanh bản. Đường đồi thoải thoải len giữa những vạt cây thờ lộ cao vút. Nước đổ rào rạt bên những cối gạo ngoài suối cạn. Sương mù xuống dày, nghe rõ tiếng cười nói vọng lại từ cánh rừng cà phê bên cạnh. Những ngôi

nhà sàn xinh xắn như thấp xuống trong sương mù. Trên những dây phơi dầu hôi nhà, màu đỏ hoa văn trên nền vải đen của những chiếc váy như cháy lên sau màn sương trắng đục.

Tối hôm đó Chợ kể thêm một tấm thảm cạnh chiếc sập lớn. Tôi thao thức không ngủ được, mấy lần định kể cho Chợ nghe câu chuyện của anh bạn da đen mà tôi kịp nhớ lại dọc đường từ thị trấn Điện Biên Phủ về đây, nhưng lại thôi. Chợ nằm nói chuyện với tôi đến khuya.

Thì ra Chợ là nạn nhân nhỏ tuổi nhất còn sống sót sau trận bom Noong Nhai hồi tháng tư một nghìn chín trăm năm tư. Bà mẹ để Chợ trong trận càn cuối cùng của Minh Pháp ngoài thị trấn vào bản. Ông bố đưa hai mẹ con Chợ vượt cánh đồng Mường Thanh sang bên Pom Lót lánh nạn, giữa đường gặp một tổp lính đi tuần, thế là bị lừa vào trại tập trung Noong Nhai. Buổi chiều tháng tư, sau trận bom tàn sát, ông bác họ tìm thấy Chợ, lúc ấy vừa chẵn tháng, nằm gào thét bên xác bố mẹ. Chợ sống với ông bác họ từ đấy. Anh lớn lên như cái cây *thờ lợ* trơ trụi giữa bãi cỏ gianh. Mười bảy tuổi, Chợ vào bộ đội, người chắc như một tảng đá ngoài suối cạn. Bạn bè yêu mến anh vì tính tình trung thực, hào hiệp, sẵn sàng giúp đỡ mọi người, Những năm tháng cầm súng đối với anh là kỷ niệm không bao giờ quên của một thời mang danh người chiến sĩ ra đi từ mảnh đất Điện Biên anh hùng.

Chợ về đến bản thì gặp Sao ngay cạnh con suối cạn. Đó là một ngày mưa, nước tràn lên đầy áp cả hai bờ. Cô gái lội trước, hai bắp chân tròn trĩnh loang loáng

trong nước chảy ào ào. Chơ băng băng theo sau. Mưa đan chéo trước mặt họ, vù vờn vi vu như một tấm lưới vô hình...

Chơ được đầu vào ban quản trị rồi được giao làm đội trưởng đội sản xuất Pú-tiểu. Bản Pú-tiểu mới lập từ sau cách mạng. Trước đó dân Khơ Mú không có bản, họ là những dòng người du canh du cư khắp những mỏm núi cao nhất của cánh rừng phía Tây Điện Biên Phủ. Chơ vận động thanh niên ngăn suối, xây đập dẫn nước vào hồ cá, anh đảm nhận thêm cảnh rừng cà phê của nông trường quân đội bàn giao lại, đi từng nhà vận động bà con bán thóc cho Chính phủ... Mùa mưa đi qua rồi lại trở về như một người đúng hẹn. Anh đội trưởng chờ cho suối đầy ắp hai bờ rồi lên rừng chặt gỗ kết bè thả trôi theo dòng nước về đến bản chuẩn bị dựng nhà, trong khi cô gái trại cá mang chỉ xanh đỏ ra sàn sân ngồi thêu khăn piêu chờ đến ngày cưới.

..

Buổi chiều hôm sau tôi kể cho Chơ nghe về anh bạn da đen người Công-gô và dự định sẽ nhờ Chơ tổ chức lại một buổi gieo hạt của dân bản để chụp ảnh làm tư liệu cho bài báo tôi và Naiúp viết bên kia. Chơ nghe xong không hết ngạc nhiên rồi liền bàn với tôi kế hoạch tiến hành công việc:

— Anh Vận này, ông già mà anh bạn da đen kia gặp là ông nội cô Sao đấy. Cụ còn sống. Còn anh thanh niên kia chính là bố đẻ Sao đã hy sinh trong chiến tranh chống Mỹ đầu chiến dịch Hồ Chí Minh rồi. Mẹ

cô Sao cũng không còn nữa. Tối nay mình sẽ đưa anh sang thăm cụ.

— Bà cụ chắc cũng không còn? Tôi hỏi,

— Mất từ lâu rồi.

Sao đã đi dự hội thao trên huyện về, vội vàng ghé qua nhà Chơ, đang rớt rít lên cầu thang cùng với Ngân, xa thủ bản nỏ trong đội tuyển Pú-tiêu. Hai cô gái bước vào nhà phá tan không khí trầm lắng của câu chuyện giữa tôi và Chơ.

— Anh Chơ và anh Vận chúc mừng bọn em đi. Sao vui vẻ nói.

— Có giữ được truyền thống bản nỏ của Pú-tiêu không đấy, các cô?

Hai cô gái cùng reo lên:

— Cao điểm nhất hội đấy, cả hai được đi thi toàn tỉnh đấy.

— Chúc mừng các cô. Các cô ngồi xuống thăm uống nước đi. Tôi vừa rót nước vừa mời hai cô gái. Nét vui mừng hiện lên ở nụ cười rạng rỡ của Chơ.

Hai cô gái ngồi kể chuyện hội thao quên cả uống nước.

Bên ngoài trời tối lại từ lúc nào. Một lúc rừng nổi gió. Gió thổi thốc thác rồi mưa lút đót. Con mưa chuyển đột ngột cắt ngang câu chuyện đang như ngô rang của hai cô gái. Gió mỗi lúc một to, sấm chuyễn khàn khàn rồi mưa ào ào trút xuống. Rừng sáng lên sau những vệt chớp xanh. Sao nhìn Chơ lo lắng nghĩ đến trại cá. Cô chạy ra phía cửa nhìn trời. Mưa quất

rào rào vào mặt cô lạnh buốt. Sao quay vội lại, cô nói như gào lên trong tiếng gió:

— Em ra ngoài trại cá đây. Mưa thế này phải be lên không cá tràn ra hết. Em đi đây. Sao không kịp lấy áo mưa lao xuống cầu thang. Ngán cũng lao theo.

— Chúng mình cùng ra giúp các cô một tay nhé anh Chơ.

— Tôi cũng nghĩ thế. Để tôi đi tìm thêm áo mưa rồi mang ra cho các cô ấy một thể.

Tôi theo Chơ xuống cầu thang. Mưa quất lạnh buốt. Ngang trời những tiếng sét nổ danh như tiếng va nhau của kim khí. Con đường hiện rõ sau những vệt chớp xanh lẹt cắt ngang bầu trời.

12-1983

L.T.N

CAO TIẾN LÊ

PHÍA RỪNG XA

Truyện ngắn

Vào khoảng năm giờ chiều, một đồng chí mang cấp hiệu đại tá đến tìm tôi ở nhà khách Điện Biên Phủ. Anh ta có bước đi rắn rỏi, nhìn nét mặt khó đoán tuổi, vì không những da sạm sạm mà còn bị một vết sẹo cắt qua gò má, sưng gần đến đỉnh mũi, một vết rách nữa giữa trán, vẫn còn hằn dấu vết những mũi kim khâu không khéo léo.

Sau cái bắt tay, anh ta ôm lấy hai vai tôi lắc lắc:

— Quên mình rồi à?

Tôi cũng nắm lấy hai cánh tay anh ta, đẩy lùi ra một chút nhìn thẳng vào mặt và hoàn toàn không còn một nét gì gợi nhớ ra anh ta nữa.

— Minh là Khoáng đây!

— Ồ, Khoáng. Khoáng mà lại khác lạ như thế này ư?

Ngày xưa... Ngày xưa... Khoáng là một thanh niên rất đẹp, lối đẹp của con gái, da bao giờ cũng hồng hồng, mắt lá rậm, môi đỏ, răng trắng, đều; trong tiêu đội vẫn nói đùa là «trời vất lạc» cậu ta. Chúng tôi giành nhau nắm chung chấn với Khoáng. Khoáng còn

là cây văn nghệ, nhảy sạp rất dẻo, rất duyên, chỉ một chiếc khăn trùm lên đầu, với hai cây nứa «xạch xạch xinh», chao ơi các cô gái Thái cứ mê nết, buông câu «tán sát nút», còn Khoáng thì đỏ mặt, ù chạy ra phía bờ suối. Khoáng và tôi là chiến sĩ cùng tiểu đội và cùng phải đuổi bò lên Điện Biên Phủ, chứ không được đi với xung kích. Khi nhận lệnh này hai đứa òa khóc. Nhưng rồi sau đó thế nào nhỉ... Khi đánh vào Him Lam tôi bị thương, phải đi viện, còn Khoáng? Tôi hỏi Khoáng:

— Cậu giữ hết chiến dịch chứ?

— Hai phần ba thôi -- Khoáng cắt chiếc mũ mềm. Tôi reo lên: À, được cái tóc vẫn còn dày, còn xanh. Khoáng hỏi lại:

— Cậu thấy cái sẹo vắt qua trán không? Bị ở Điện Biên đấy, y tá đại đội đã dùng kim khâu, khâu chít lại, không có cồn, nên bị nhiễm trùng. Thôi. Chuyện đánh nhau, chuyện gian khổ, thẳng lính cũ kể cho thẳng lính cũ nghe, vô duyên lắm. Mình vừa đi học cơ chế mới trên Quân khu về, nghe anh em ở binh đoàn nói các cậu có đến thăm, nên mình vội vàng đi tìm.

Tôi reo lên:

— Thế Khoáng còn có cái tên là Thao Chơn nữa phải không?

Khoáng gật đầu.

— Cán bộ và chiến sĩ ở binh đoàn cả ngợi ông hết mức, từ tổ chức, chỉ huy đều gương mẫu trong đời sống, lại còn mười sáu năm chiến đấu bền bỉ giúp đỡ nước bạn. Mình không hề nghĩ, Thao Chơn lại là Khoáng.

— Khoáng cũng chỉ là tên lưu lại trong lý lịch, trong giấy khai sinh nữa thôi. Từ đó đến nay mình thay bao

nhiều tên. Ở miền Nam tên khác, ở Lào tên khác. Có khi mấy năm trời chỉ mang mỗi một số hiệu. Ta sẽ nói tiếp chuyện đó ở dọc đường. Bây giờ cậu ra xe với mình.

— Đề làm gì?

— Thăm nhà một thằng bạn cùng tiểu đội với chúng ta dạo ấy.

— Ai?

— Mâu!

— Ơ, mình tưởng gia đình Mâu ở Thái Bình?

— Lên đây rồi, lên những mười năm rồi cơ. Cậu có biết Mâu bây giờ ở đâu không?

— Biết chứ, hiện nay là đại tá sư đoàn trưởng một sư đoàn ở phía Quảng Ninh. Nhưng mình cũng hơi tệ, đã ba lần nhận được thư cậu ta, mà chưa tạo dịp ghé vào sư đoàn ấy.

Khoảng cười :

— Chúng ta thua cậu Mâu ở chỗ đó, cứ vươn lên phía trước mà quên ngoài nhìn quá khứ. Hay nói một cách khác là thiếu cái nghĩa, cái tình.

Chúng tôi lên xe. Chiếc U-oát đầy bụi và bùn đất, vết cào cứa hằn ngang dọc trên màu sơn còn bóng loáng. Khoảng nói:

— Hồi chiến dịch chưa mở màn, Mâu đã bị thương.

Tôi chen vào:

— Thì chính mình đã đưa cậu ta đi bệnh viện và sau đó mình bị thương, lại cùng nằm một bệnh viện với cậu ta.

— Còn mình, không hề biết sau đó nó đi đâu. Cách đây vài năm một hôm xe mình gặp xe nó giữa phố

Điện Biên này. Cả hai đều vội đi, nên chỉ xé sớ tay ghi địa chỉ cho nhau. Nhà nó hiện ở xã Thanh An. Mình tìm đến xã Thanh An tới khu nhà bà con Thái Bình di dân lên xây dựng quê hương mới. Nhà nền đất bình thường, vách gỗ, dán đủ các thứ tranh xuân và câu đối tết. Giữa nhà treo bức ảnh một người con gái, quần áo và tóc chải theo lối đồng quê, hơi cũ. Nét mặt người trong ảnh nhẹ nhàng, đẹp, tạo cho mình một chút vui vui «Ồ thằng Mâu chọn được một cô vợ khá đây» và không biết từ linh cảm nào đã gọi cho mình niềm tin cô ta nhất định là đảm đang. Có người vợ như thế đi đánh thêm vài đế quốc xâm lược nữa cũng yên tâm.

Mình ngồi được vài phút thì có một cháu bé khoảng mười tuổi chạy xông xộc từ ngoài sân vào réo âm lên gọi bà ngoại. Một bà già khoảng bảy mươi thủng thỉnh bước từ nhà trong ra. Bà chào tôi rồi ôm lấy cháu bé, đưa cháu ngồi vào ghế. Tôi đoán bà là mẹ vợ của Mâu, vì dáng bà, khuôn mặt bà và khuôn mặt người con gái trong ảnh cùng chung một nét, cứ như bức ảnh là thời trẻ của bà già này.

Cháu bé nháy mắt với bà chuyện gì đó, nhưng vì có khách lạ cháu không dám nói to. Bà ghé miệng vào tai cháu lắng thắm, cháu vui vẻ hẳn lên ù chạy ra phía vườn. Lát sau, cháu cầm tay một bà già khác dẫn vào. Mắt cháu nhìn tôi, cái nhìn như nói lên nó muốn tôi về đi để nó dắt bà đi đâu. Tôi nói điều đó lên, bà già mới vào, chép miệng:

— Chà, cái thằng ngỗ ngược này, nó muốn cả hai bà chiều nay xuống sân vận động Điện Biên để xem đội bóng của trường nó đá với trường thị trấn.

Bà kia nói theo:

— Nó đã được đá đầu mà đi xem cho mắt công mất việc, đang còn là cầu thủ dự bị.

Cháu bé ngượng quá, nấp vào lưng bà rồi chạy ù vào nhà trong.

Tôi hỏi bà mới vào:

— Dạ, thưa, bà là bà nội của cháu?

— Tôi là bà ngoại.

Bà ngoại? Lúc này cháu bé cũng gọi bà kia là bà ngoại. Cháu có hai bà ngoại à? Tôi đang băn khoăn về vị trí hai bà già ở trong gia đình Mâu vừa lúc một người phụ nữ trên dưới bốn mươi tuổi, đi qua hàng cây trượng nguyên bước vào sân. Chị chào tôi rồi nói với hai bà:

— Như vậy là quý số thóc năm nay bán cho Chính phủ, nhà ta được ưu tiên mua một xe đạp theo giá cung cấp. Nhưng con nghĩ là xe đạp đã có rồi, chẳng cần mua làm gì nữa, nên con mua bốn mét vải lụa trơn và hai áo pha ni lông màu mỡ gà, để sắm quần áo tết cho hai bà.

Tôi nhìn chị, chị khỏe mạnh và vững chãi, toàn cơ thể cũng như bước đi, khác hẳn với người phụ nữ trong ảnh kia, thanh tú, dịu dàng và trí tuệ. Chị nói với tôi:

— Anh ấy định đưa bà nhà em về Thanh Hóa thăm quê, nhưng cụ ngại đi xa. Em cũng bàn, thôi chờ Điện Biên làm lại sân bay đã, tốn kém chút ít, nhưng tuổi già cần sức khỏe hơn cần tiền bạc.

Chị đi vào nhà trong. Bà cụ tội gặp lúc mới vào, rủ rủ nói:

— Anh Mâu thật là tốt, có lẽ tốt hơn cả con trai tôi đẻ ra. Ngày xưa, anh ấy quen con gái tôi đi dân công phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ. Nó hy sinh... Hòa

bình được mấy năm anh Mâu về nhà tôi, xin nhận tôi là mẹ nuôi và muốn đưa tôi về quê anh ấy. Tôi hơi phân vân, nhưng con trai tôi nó bảo, mẹ cứ đi đi, con tin rằng anh ấy là người rất tốt, sẽ làm sung sướng đời mẹ. Con trai tôi nó nói thật lòng đấy chú ạ. Vì nó đồng con, mà tôi thì sau cái dặn nhận được tin con gái mất, người cứ ốm lên, ốm xuống. Anh Mâu đưa tôi về Thái Bình, ở một cơ ngơi tạm gọi là đảng hoàng. Thế rồi Thái Bình di dân lên Điện Biên, anh ấy là người xung phong đầu tiên. Anh ấy chăm sóc tôi từ miếng rau ngon, bát nước ấm, chiếc áo bông dày, mà anh ấy có gần gửi gì gia đình cho cam... anh ấy tốt, nhưng vợ anh ấy càng tốt hơn. Một mình săn sóc hai bà già, hai đứa con, rồi lợn gà vườn tược. Chị ấy giặt quần áo, đun nước cho tôi tắm rửa, việc đó có phải làm một vài tuần, một vài tháng, mà hơn hai mươi năm rồi, hơn hai mươi năm ấy tôi không có một lời chê trách. Tôi cứ ngỡ như chị ấy là con gái của tôi. Quả thật tôi cũng đã quên mặt con gái tôi rồi. Tôi nghĩ mình ở hiền nên gặp lành và phải nói rằng chế độ tốt, nên giáo dục được những người tốt, những người sống có nghĩa có tình.

Xe chạy chậm chậm mặc dầu đường số mười hai vẫn không phải quăng xóc, có lẽ đồng chí lái xe cũng muốn nghe câu chuyện.

Khoảng hỏi tôi :

— Không hiểu, hỏi ở Điện Biên Phủ, Mâu đã quen người con gái kia trong trường hợp nào, mà nghĩa tình đến thế?

Tôi trả lời là tôi biết rất rõ về chuyện ấy và Khoảng đã đề nghị tôi kể cho anh nghe.

— Hồi ấy khi ta đang chuẩn bị cho chiến dịch tấn công vào Điện Biên Phủ thì địch từ cầu Mường Thanh đã bắn hàng chục loạt pháo vu vơ ra phía ngoài, nơi chúng đoán là quân ta đang mở đường vào. Lúc ấy, tay Mâu cầm xẻng, đứng trong đoạn hào vừa mới đào lên chưa tới gối, một mảnh pháo văng vào gáy Mâu. Vết thương không sâu, nên y tá rửa sạch, băng bó, nghĩ là chỉ hai lần thay băng thì mép da sẽ liền vào nhau thôi. Nhưng sang ngày hôm sau, cứ tối đến là người Mâu hằm hập, có lúc mê sảng. Y tá sợ biến chứng nên giới thiệu đi bệnh viện và đề nghị đại đội cho hai người kèm theo. Nhưng Mâu không chịu, anh bảo là cần gì phải nhiều người thế. Đại đội trưởng bảo tôi đừng mang súng dài, nặng, khó xử lý lúc dọc đường, mà mang khẩu cón cho nhẹ. Chúng tôi đi suốt một ngày, mãi chiều tối mới tới chỗ viện 7 ở, nhưng buồn thay, viện đã chuyển sang khu rừng khác, chỉ còn lại hầm hào và những tàu lá cọ khô rách, tre gỗ vất bừa bãi. Mâu lên cơn sốt. Tôi chặt lá cây đàn thành đồng, hai đứa ôm nhau ngủ. Nửa đêm Mâu bỗng thét lên: Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Mâu chồm dậy, tôi nghe tiếng Mâu lên đạn. Khẩu súng tôi giữ lúc đi ngủ vẫn đeo ở thắt lưng, Mâu đã lấy lúc nào. Một tay nắm lấy ngực áo tôi, một tay Mâu chĩa súng vào người tôi. Biết Mâu mơ đang đánh nhau đuổi địch, tôi nắm lấy cổ tay Mâu bẻ ngược, cho mũi súng chĩa lên trời. Mâu bóp cò. Súng nổ. Đạn va vào cành cây rạn rạt. Mâu tỉnh lại. Cả tôi và Mâu đều toát mồ hôi. Người Mâu run lên: tớ thấy thằng tù binh chạy. Tớ chạy theo nắm được áo nó. Nó đánh tớ, nên tớ bắn. Cậu không nhanh, tớ bắn chết cậu rồi.

Tôi biết bệnh tình của Mâu như vậy là đã chuyển sang hướng rắc rối, và sau khi tìm tới bệnh viện, tôi nói rõ tình trạng xảy ra trong đêm cho bác sĩ tiếp nhận.

Đánh Điện Biên đợt đầu, tôi bị thương vào chân, phải đi viện và cùng điều trị ở viện 7. Vừa đến nơi là Máu có mặt ở chỗ tôi ngay. Trông Máu lăm li, gờm gờm như tức giận ai. Máu bảo là vết thương lành rồi, nhưng đau đầu quá, cứ như có ai cưa đục trong đầu mình, nhất là ban đêm, rất khó ngủ, và nếu ngủ được là chuyển sang mê sảng.

Tôi kể cho Máu nghe tình hình đại đội, những khó khăn lúc vượt qua lô cốt đầu cầu, ai hy sinh, ai bị thương nặng. Đang kể thì một người con gái khoảng 17, 18 tuổi đi tới cầm lấy cánh tay Máu nói « đã bảo anh phải nằm một chỗ, giữ cho đầu óc yên tĩnh. Không được đi đâu cả. Còn đi, còn nghe lắm chuyện, còn đau đầu. Không thể trở về tham gia chiến đấu được ».

Máu giới thiệu cho tôi biết, đó là cô Chuyên, hộ lý bệnh viện và là người theo dõi từng bước đi, từng suy nghĩ của Máu.

Đưa Máu về xong, cô Chuyên chạy sang gặp chúng tôi dặn: « Các anh đừng nói gì đến khó khăn gian khổ, hy sinh và thiếu người ở đơn vị. Vết thương của anh ấy có va chạm vào dây thần kinh, dễ dẫn tới tình trạng phân lập ».

Hằng ngày Máu đi đâu là Chuyên theo tới đó. Chuyên không bao giờ câu gắt, nói nặng lời, với thái độ mềm mỏng vuốt ve, động viên, an ủi. cô đưa Máu về chỗ ở.

Đêm đêm, cả bệnh viện thường nghe tiếng hô « xung phong » rồi tiếng ào ào chạy, tiếng người đuổi theo. Nhiều tiếng chép miệng « khổ cho cái thằng trẻ khỏe lại bị thần kinh ». Nhưng khổ hơn là cô gái mảnh mai, yếu chân yếu tay ấy lại phải đuổi theo. Chỉ khoảng ba mươi phút, nếu ai để ý sẽ thấy trong rừng đêm Chuyên khoác tay Máu, dẫn Máu về. Máu cúi đầu, lặng

lễ đi, chốc chốc, vấp phải các rễ cây nổi hẳn lên mặt đất. Đây là những lúc anh hết cơn thần kinh, trở lại đời thường. Ở bệnh viện người ta đã quen với tiếng hô, tiếng chân chạy và quen với cảnh hai người trở về.

Nhưng rồi một đêm kia, Mâu đã bơi qua sông và thét to như đang ở trong trận truy kích địch, « ném lựu đạn, chặn trước, đón sau ». Chuyên bơi theo qua bên kia sông, mới níu được Mâu lại, rí những lời ngọt ngào vào tai anh. Mâu chịu trở về, người chưa tỉnh hẳn. Chuyên theo sau đến chỗ nước xoáy nhất, bấp chần bị co đột ngột, người tê cứng không cưỡng lại được nữa, ho sặc sụa và chìm dần.

Người trực ở bệnh viện thấy mỗi mình Mâu trở về, biết có chuyện chẳng lành, bèn báo động, nhưng không kịp, lúc vọt lên khỏi mặt nước trái tim Chuyên đã chảy máu.

Đám tang cũng hết sức lặng lẽ, phần cái chết giữa chiến tranh, phần sợ Mâu sẽ biết nguyên nhân vì sao Chuyên đã chết. Người ta nói dối với Mâu rằng Chuyên có lệnh phải đi công tác đột xuất, ra đi giữa lúc Mâu đang lâm bệnh. Phải nói dối vì sợ Mâu biết rõ sự thật, anh ta sẽ điên hoàn toàn, điên vĩnh viễn.

Lúc tỉnh táo hình như Mâu biết rõ bệnh mình, anh né tránh mọi người và nói rất nhỏ rất nhẹ, cũng cố gắng kìm sự bức dọc của người chưa được trở lại chiến trường. Đến ngồi vào mép giường tới Mâu nói rằng cô hộ lý đã săn sóc anh ta lâu nay phải đi công tác xa rồi. Cô ấy là một người rất tốt. Mâu có nhiều lỗi lầm với cô ấy quá. Sau này kết thúc chiến tranh Mâu sẽ đi đến cùng trời cuối đất, tìm cho được cô ta. Mâu rụt rè hỏi tôi, có biết cô ta đi đâu không.

Lúc đó chẳng biết thế nào, người tôi bút rút xông xang, có lẽ tôi cũng vô cùng thương tiếc cô ấy, hàng ngày có cảm tình với cô ấy, và tôi không muốn lúc tỉnh táo Mâu vẫn đứng ngoài mọi đau thương, hơn nữa có một niềm tin mơ hồ là nếu biết cô ấy chết thì bệnh tình của Mâu sẽ chuyển qua trạng thái khác, hoặc là diên hoàn toàn, hoặc là giảm bớt. Tôi nói:

— Cô ấy không đi công tác ở đâu cả, mà hy sinh rồi.

Tôi thấy toàn thân Mâu rung lên như bị dòng lạnh dưới độ không chuyển vào cơ thể, môi lấp bắp « hy sinh ở đâu ».

Đã định rồi, nên tôi nói luôn:

— Hy sinh tại đây, vì cậu đấy. Chỗ dòng suối kia kia.

Tôi tưởng rằng sau khi nghe chuyện, Mâu sẽ gào thét lên, sẽ chạy băng qua rừng rậm, sông núi, sẽ trở thành người diên hoàn toàn, hoặc ít ra Mâu cũng òa lên khóc nức nở. Nhưng không, Mâu ngồi im, đầu gục xuống một lúc, rồi lẳng lặng về không chào tôi.

Tôi báo bệnh viện biết, đề cử người theo dõi. Chiều hôm đó, Mâu ngắt một bó hoa rừng, và chọn một thanh gỗ thơm đốt thay hương ra cắm lên mộ cô Chuyền,

Bệnh viện cử cô gái khác đến săn sóc Mâu, nhưng Mâu từ chối và anh cũng không lên cơn nữa. Hình như có lên cơn nhưng anh đã khống chế được. Ít lâu sau vết thương tôi lành, tôi không trở về đơn vị cũ, vì biết một số tiếng Pháp nên cấp trên điều tôi đi giải tù binh và cứ đi mãi, đi mãi cho tới lúc trao trả tù binh ở Sầm Sơn, rồi đất nước chia làm hai miền, tôi đi giữ dòng sông Bến Hải.

Xe chúng tôi dừng lại trước cổng nhà Mâu. Một thanh niên khoảng 22, 23 tuổi, to cao, khỏe mạnh, cứ như là Mâu thuở xưa. Cậu ta đang hí hoáy, tay cầm kim, chữa chiếc xe đạp Thống nhất kiểu cũ, lật ngược, đôi vành vẫn đang quay.

Người thanh niên đứng thẳng chào chúng tôi. Tôi hỏi:

— Cháu là con đầu của anh Mâu?

Cháu trả lời phải và mời chúng tôi vào nhà.

Thấy cháu đang sửa xe đạp, hai tay còn bẩn, tôi bảo cháu cứ tiếp tục làm việc, đứng giữa sân nói chuyện thích hơn.

Qua câu chuyện tôi biết cháu đang học vật lý nguyên tử tại Liên Xô; vừa được nghỉ phép. Trước khi về đây cháu có rẽ lên thăm bố ở Quảng Ninh và đi Thanh Hóa. Vào đề biết quê ngoại và mang một ít thuốc bổ cho người bác, tiện thể, thăm dò đường sá, nhà cửa, đề hai bà cháu về thăm quê. Cháu nói:

— Sắp sửa kỷ niệm ba mươi năm chiến thắng Điện Biên Phủ rồi các chú ạ. Sẽ có sân bay. Nhà nước đang làm lại sân bay tốt hơn, đúng tiêu chuẩn quốc tế, những 68 triệu đồng cơ mà. Bà ngoại cháu sẽ đi máy bay về Hà Nội. Từ Hà Nội đi tàu về Thanh Hóa. Từ Thanh Hóa về nhà cháu sẽ lại bằng xe máy. Bố cháu định đưa bà về thăm quê, nhưng bố cháu bận quá — cháu cười, cách cười rất tươi; và việc đó là nhiệm vụ của cháu, của thế hệ chúng cháu phải không các chú?

Khuôn mặt người con trai đầu anh Mâu bỗng nghiêm lại, giọng không vui:

— Điều mà bố cháu buồn nhất cháu cũng buồn nhất và không dám nói với bà ngoại cháu là không biết mộ cô Chuyên, người mà chúng cháu coi như mẹ cả, bây giờ ở đâu. Năm học xong cấp ba, chờ đợi đi nước ngoài, bố cháu mang về cho một chiếc xe máy, giao nhiệm vụ, đi các vùng, theo sơ đồ bố cháu vẽ, phán đoán khu rừng của viện 7 ở trước kia để tìm cho ra mộ cô Chuyên. Cháu đến các nơi, được biết tất cả các mộ liệt sĩ đều chuyển về nghĩa trang Điện Biên. Ở nghĩa trang liệt sĩ Điện Biên có hàng nghìn ngôi mộ nhưng không có tên, tất cả đã thành chiến sĩ vô danh. Cần phải dựng lên ở Điện Biên một tượng đài các chú ạ.

Chúng tôi nghe cháu nói thật lòng và hết sức xúc động. Sự hy sinh của tầng lớp trước đang chuyển động trong người cháu và trách nhiệm của thế hệ cháu, sẽ làm sáng rực lên những tấm gương hy sinh đó.

Tôi và Khoảng lồng hai cánh tay vào nhau đi vòng quanh xem vườn nhà anh Mâu. Vườn dày đặc những cam, bưởi, cà phê, dứa, chuối... Đêm đã xuống từ bao giờ, không gian chứa nặng mùi thơm của trái cây, của hoa rừng.

Chúng tôi ở lại nhà anh Mâu, nói chuyện cho đến khuya. Một gia đình đầm ấm. Một người vợ thủy chung, biết quý trọng quá khứ của chồng mình, biết giữ gìn và trang trải quá khứ đó bằng sức mình hôm nay. Giữa nhà, đôi mắt của cô hộ lý, đang nhìn xuống chúng tôi, nhìn xuống hai bà mẹ, nhìn xuống sự ấm cúng của gia đình, lòng tôi chợt gợn lên năm tháng tuổi trẻ của mình và nhớ tới cái ngày chôn cất cô ở phía rừng xa. Con trai đầu anh Mâu vẫn bán khoán và có lẽ dịp này cậu ta sẽ đi tìm một lần nữa để biết

đích xác mộ cô Chuyên đã được chuyển về nghĩa trang nào. Cậu ta đau xót nếu như giờ này cô vẫn phải nằm giữa rừng xa.

Tôi nói với cháu:

- Nhân dân, Tổ quốc và Đảng không bao giờ quên những người đã hy sinh cho đất nước này sống còn cháu ạ. Và dù hy sinh ở đâu rồi cũng sẽ tìm thấy, dù ở phía rừng xa. Lúc đó tôi và cháu đều đang nhìn về phía rừng xa, nơi những ánh lửa của trận địa pháo cao xạ, mà cũng có thể là ánh lửa của binh đoàn 11 đang xây dựng nhà bảo tàng Điện Biên... lúc ấy dù đã khuya, bầu trời Điện Biên vẫn rực lên nhiều ánh lửa.

29.12-1983

C.T.L.

LỬA ẤM

Truyện ngắn

Mặt trời vàng ửng như một trái cam. Biển Ca-ra-íp xanh một màu ngọc tươi cười trong nắng sớm. Chân trời xa, khói một con tàu... Ấy là một buổi sáng rất đẹp của Cu Ba năm 1970. Chỉ còn vài ngày nữa, tôi sẽ lên đường về nước. Các bạn Cu Ba đưa tôi đi thăm một nông trường cà-phê. Bữa ăn trưa ở đây, tôi đã gặp cả mười em sinh viên Việt Nam đang thực tập. Trong số đó có một cô gái trạc hai mươi hai, hai mươi ba, mang một chiếc áo xanh thật dịu. Cô gái không đẹp lắm, nhưng rất có duyên với nụ cười thắm kín và đôi mắt đen dài đắm thắm. Đồng chí giám đốc nông trường vui vẻ nói với tôi:

— Tôi là người Cu Ba nhưng rất hãnh diện được giới thiệu với anh: đây là một cô gái Việt Nam. Mà đặc biệt là một cô gái của Điện Biên Phủ. Vầng vùng đất nổi danh toàn cầu với trận đánh oanh liệt của các anh năm 1954. Cô tên là Lò Thị Iêng.

Tôi không khỏi ngạc nhiên và vui thích. Cũng từ đó tôi trở thành bạn thân của cả nhóm sinh viên thực tập. Các em xa nhà đã lâu, gặp lại người đồng hương rất cảm động. Với Iêng, tôi dường như còn được dành cho một thiện cảm hơn nữa, khi cô biết tôi cũng

đã từng có mặt ở Điện Biên trong chiến dịch ấy với tư cách một người trực tiếp chiến đấu.

Khi trở về La Ha-ba-na, trước buổi lên đường, tôi không ngờ lêng đã tìm đến thăm tôi, và nhờ một việc:

— Chú vẫn còn ở quân đội, cháu muốn nhờ chú... tìm hộ... một người thân. Vàng, một người thân. Anh ấy cũng là bộ đội. Có lẽ anh ấy vẫn đang ở Quân tình nguyện bên Lào. Hoặc ở đâu cháu cũng không rõ nữa.

Tôi chăm chú lắng nghe.

— Thưa chú, anh ấy, tên là Xá. Vàng, anh Xá. Còn số hiệu đơn vị, hòm thư, thì cháu không được biết rõ...

Anh Xá. Trên đời này có biết bao nhiêu anh Xá. Mà tất cả những gì cô biết về anh chỉ vắn vẹn có một cái tên ngắn gọn thế thôi ư?

— Thưa chú, đã từ lâu, cháu tìm hỏi, gặp bất cứ ai có liên quan tới quân đội cháu cũng hỏi. Nhưng vẫn chưa có một ai...

Cô ngừng lại, hai bàn tay úp vào nhau đặt vào hai đầu gối, mái tóc ngắn, đen mềm bỏ xõa, che một nửa gương mặt. Cô cúi nhìn xuống. Cặp mắt tràn ngập nỗi băn khoăn.

Xá nào vậy? Anh là ai? Anh đang ở đâu mà đề cho một người con gái Việt Nam ở xa xôi tận bên này vòng trái đất vẫn còn đang tha thiết kiếm tìm anh? Tôi thăm tự hỏi.

Mùa xuân năm 1954. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu. Trọng pháo gầm thét suốt ngày đêm trên các triền núi và trong lòng thung lũng.

Him Lam rời Độc Lập, rời Bản Kéo.. những cứ điểm mạnh của quân Pháp lần lượt bị tiêu diệt. «Cánh cửa» phía bắc của tập đoàn cứ điểm bị mở toang. Quân ta từ các cánh rừng bắt đầu tiến xuống cánh đồng, với pháo binh, cao xạ. Một thế trận mới đã được hình thành. Quân ta bắt đầu đào những trận địa giao thông hào chằng chịt trên khắp các cánh đồng Mường Thanh, Hồng Cúm, Long Nhai... để bao vây khu trung tâm, và cắt đứt đường tiếp tế của địch.

Cùng trong thời gian này, tướng Đờ Cát-xơ-ri đã phải ra sức phòng ngự bằng cách tăng cường xây đắp các hầm hào, công sự. Vật liệu kiên cố từ trên trời ném xuống đã bị hạn chế rất nhiều vì cao xạ ta đã vào gần, bắn lên ráo riết. Đờ Cát-xơ-ri bèn ra lệnh cho binh lính phá dỡ tất cả các nhà dân để lấy cột kèo về lát hầm, xây lô-cốt. Khi quân Pháp nhảy dù xuống thung lũng này để lập tập đoàn cứ điểm, thăm họa đã trùm lên khắp các bản làng. Máu người đổ sông Nậm Rốm. Thóc lúa bị đốt cháy ra tro... Nay đến lượt những mái nhà cuối cùng bị triệt phá nốt, thì không còn gì để sống nữa. Nhiều gia đình đã liêu minh, đêm đêm dật díu nhau, bỏ bản làng, vượt qua các cánh đồng, chạy vào núi, tìm bộ đội. Nhưng quả thật không phải dễ. Đồn giặc gần như dày đặc khắp cánh đồng. Không những thế, khi các trận địa chiến hào của quân ta xuất hiện, ban đêm bọn Pháp đã luôn cho quân ra phục kích. Thêm nữa, chúng đã gài rất nhiều mìn để cố ngăn chặn bước tiến của quân ta. Cũng vì vậy, đêm đêm trong các cánh đồng Mường Thanh, Hồng Cúm, Long Nhai... đã có thêm biết bao chuyện bi thảm. Có gia đình bị quân địch bắn chết hết. Có gia đình chạy nhăm vào bãi mìn. Cả bằng ấy con người biến mất trong những tiếng nổ khủng khiếp.

Gia đình Iêng cũng thuộc trong số những gia đình phải bỏ bản chạy vào núi. Hồi ấy gia đình còn có bà nội, bố mẹ, và Iêng. Bà đã già yếu. Bố đang ốm triền miên, đi phải chống gậy. Thầy thuốc bảo là sốt rét và đau gan. Thầy mo bảo là ma bắt... Iêng năm ấy mới lên bảy.

Đêm ấy, cả gia đình không sao nấn ná được nữa, phải diu dắt nhau, gạt nước mắt ra đi. Mẹ diu bà, bố chống gậy đi với Iêng. Tất cả áo quần, thóc lúa... bỏ lại hết. Cốt chạy lấy người.

Đêm thật hãi hùng. Đằng sau, bản làng bốc cháy. Phía trước, bóng tối dày đặc, đạn ta, đạn địch rú rít liên hồi. Trên trời, máy bay địch thả dù đêm gầm gào. Chốc chốc một loạt đèn dù tung ra, cả mặt đất thoát sáng lòa trong một thứ ánh sáng ma quái lạnh buốt ghê người.

Bà gần như lẽ đi không nổi nữa. Bố ngã lên ngã xuống, thở chằng ra hơi, Iêng cũng ngã như bở củi. Nhưng Iêng không sao khóc được vì quá sợ. Cô bé gần như chạy đi trong một cơn mê sáng.

Mẹ và bà bỗng kêu lên một tiếng. Hai người sa xuống một chiến hào. Bố và Iêng cũng cuống cuống nhảy xuống theo. Cũng từ đó cả gia đình hoàn toàn lạc vào một mạng lưới giao thông hào chằng chịt, chỗ mới đào nông choèn tới bụng chân, chỗ đã sâu lút đầu người. Không còn biết lối nào mà đi nữa. Lát sau còn đang kinh hoàng, mọi người bỗng thấy gạch hào phía trước thoát hiện một bóng người với một mũi súng. Tây! Cả gia đình cùng kêu rú lên và gần như cùng ngã quỵ.

Người nọ đã nhanh như cắt nhảy tới:

— Đồng bào! Ôi, chỉ một tí nữa thì tôi bắn.

Nói xong anh xốc từng người trong gia đình đứng dậy. Hoàn hồn lại, lêng mới nhận ra đó là một anh bộ đội vóc người nhỏ nhắn, đội chiếc mũ nan, mặt trần trụi, lưng đeo đầy lựu đạn, quần xắn cao quá gối, hai ống chân đầy bùn.

Bà và bố mẹ lêng cũng thở trút, nhưng vẫn chưa hết run.

— Đồng bào đi đâu thế này ? Nguy quá ! Có ra mau khỏi khu vực này không ?

Thì ra, theo anh cho biết, gia đình đã lạc vào khu vực trận địa chiến hào, nơi mà ta và địch đang kịch liệt tranh chấp.

— Mau mau lên ! Đi về phía trái, rồi rẽ phải, lại rẽ trái đến ụ đất « thẳng người » thì đi thẳng một quãng, rồi lại rẽ...

Quý thần ơi, nói vậy thì biết đường nào mà lần nữa ! Đường như thấy được nỗi bàng hoàng của gia đình, anh bộ đội ngẫm nghĩ một chút rồi nói :

— Vậy, cứ ngồi cả đây. Tôi quay lại báo cáo tiểu đội trưởng của tôi, xem sao !

lêng và bà cùng bố mẹ ngồi thụp xuống lòng hào đầy bùn non lóng bống, tâm trí hoàn toàn hoảng loạn. Nhưng rồi anh bộ đội đã quay trở lại đúng như lời hứa. Mọi người mừng cuống, gần như ôm chầm lấy anh.

— Thôi được, tôi báo cáo rồi, tiểu đội trưởng đồng ý cho tôi đưa đồng bào vào núi. Nào, mau lên, kéo chúng nó đang nhảy dù. Chúng nhảy liều lắm. Không phải đầu lại phải tai bây giờ !

Nhưng đi làm sao nời ? Bà đã kiệt sức, lêng cũng vậy. Hai chân lêng tê cứng cả rồi, lê không nổi nữa. Anh bộ đội găt lên :

— Thế này thì chết ráo cả mắt. Phải cố lên chứ! Bác, bác gái ấy, cố diu lấy bà cụ. Bác trai thì cố mà đi. Còn em này, ôm lấy cổ tôi! Tôi cố cho.

Anh nói rất nhanh và dứt khoát như một người chỉ huy ra lệnh. Thế là từ lúc đó trong khu vực chiến hào ghê gớm này diễn ra một quang cảnh chưa từng thấy: anh bộ đội lưng còng lêng, tay cầm súng lăm lăm, đi mở đường, phía sau là mẹ diu bà, sau rớt là bố, hai tay bám vách hào vừa thở hồn hèn vừa cố bước đi từng bước.

— Mau lên! Cố lên nào! Gặp địch bây giờ là gay đấy.

Anh bộ đội chốc chốc lại ngoái cổ giục. Cũng chốc chốc anh lại xốc lêng lên và nhắc:

— Bám cho chặt! Thế! Thế! Đề anh còn rảnh tay chiến đấu chứ!

Bám vào tấm lưng nhỏ nhắn chắc lắn, nóng hổi của anh bộ đội, lêng có phần nào đỡ sợ. Nhưng chốc chốc thấy anh phải dừng lại dò xét, hoặc đột ngột lao mình nằm xuống, là tim lêng chỉ muốn dứt rụng.

Chợt có một vật gì bồng như từ trên trời sà xuống, tối xam cả một quãng hào. Anh bộ đội vội đứng phắt lại, nép mình vào một bên vách đất, rồi giương súng bắn liền. Tiếng súng chói tai, lửa lòe sáng. Nói lại thì lâu, mọi việc đã xảy ra hết sức nhanh, tựa một ánh chớp. Lêng khiếp quá, kêu lên một tiếng rụng rời.

Anh bộ đội khom mình chăm chú quan sát như một chú mèo rình chuột, sau đó mạnh bạo bước tiếp. Anh leo qua một đống gì lù lù. Thì ra anh đang còng lêng bước qua xác một tên lính nhảy dù của địch vừa rớt xuống. Nó đã kịp gỡ dù và giương súng. Nhưng nó vẫn chậm hơn anh một tích tắc.

Ngoái cồ lại không thấy mẹ, bà và bố lêng, anh bộ đội vừa có vẻ tức vừa lo lắng. Anh quay trở lại. Bà người vẫn đang nằm gí ở chỗ cũ.

— Đi! Cồ lên chứ! Sắp tới rồi hai bác ạ. Đừng sợ! Nhưng thấy xác chết, bà và bố mẹ đã đủ khiếp rồi, còn đi sao nổi. Anh bộ đội đặt lêng xuống. Anh buộc phải diu công từng người một vượt qua xác thằg linh nhằy dù chình inh ở đó.

Giao thằg hào nông dần. Anh bộ đội giơ tay ra hiệu dừng lại. Anh thì thằo:

— Tất cả nằm đây. Tôi bò lên trước xem sao đã. Hình như có địch. Nếu không thì cũng có mìn.

— Sao chú biết? Mẹ sợ hãi khề hỏi.

Anh bộ đội lúng túng, không diễn đạt nổi ý mình:

— Thấy... thấy nó thề bác ạ!

Và, hết sức mềm mại, nhanh nhẹn anh bò trườn lên mặt ruộng ở phía trước lúc đó đã tối mò, vì pháo sáng đã tắt.

Mấy bà cháu, cha con lại nằm nép ở đoạn hào phía sau, và lại run lên vì rét và sợ.

Tiếng tiều liên chọt rit lên. Có cả tiếng lựu đạn. Rồi tiếng chân người chạy thình thịch. Lát sau, anh bộ đội quay trở lại, thở dốc, nói gấp gáp:

— Xong rồi! Chúng nó chạy rồi. Ta đi mau lên, đồng bào!

Và cứ như thế, lung lại cồ lêng, anh lại mở đường, diu dắt cả gia đình lêng tiếp tục vượt qua cánh đồng mù tối đầy tiếng đạn nổ xa gần.

Cho tới gần sáng, mọi người mới vào tới cửa rừng. Sau đó anh bộ đội đưa gia đình lêng vào tới đơn vị của anh trong một lòng khe kín đáo.

Sáng ra rồi, lêng và gia đình mới nhìn rõ mặt anh bộ đội. Thì ra một anh rất trẻ, hai má còn như đầy lông tơ. Anh bỏ mũ ra mái tóc mềm lơ phơ. Anh có một nụ cười hồn nhiên như con trẻ. Dường như không thể nào tin được anh là người chiến sĩ nhanh nhẹn, mạnh mẽ và quả quyết suốt đêm qua đã dìu công gia đình lêng ra khỏi vùng lửa đạn cực kỳ gian khổ và hiểm nguy ấy.

Mọi người trong đơn vị xúm xit quanh anh, mừng rỡ. Người chỉ huy cứ ôm lấy anh, như anh cả ôm ấp, vỗ về một chú em nhỏ. Mọi người gọi anh là Xá. Gia đình lêng cũng được biết thêm: đây là một đơn vị trinh sát. Đêm đêm anh em vẫn thường mò vào tận khu trung tâm Mường Thanh, bám sát các đồn địch để nắm tình hình và bắt tù binh đem ra cho quân ta hỏi cung. Khai thác tài liệu. Những người lính trinh sát là như thế này ư? Họ đều rất trẻ, và cũng hiền lành giản dị như tất cả mọi người khác. Làm sao có thể tưởng tượng được: đêm đêm họ vẫn ra vào trong lòng địch, như đi chợ, thậm chí như thường xuyên đùa giỡn với cái chết!

Gia đình lêng được đơn vị lưu lại ba ngày, cho ăn uống no đủ, sau đó đưa về tuyến sau bàn giao cho cán bộ địa phương trông nom, giúp đỡ.

Ba ngày thật ngắn ngủi, Xá cùng đồng đội anh bạn trăm ngàn công việc. Hết sửa hầm hào, lại chuẩn bị vũ khí, hội họp bàn bạc. Bởi vậy, Xá cũng chỉ gặp gia đình lêng để trò chuyện được đúng ba lần vào những khi trời đổ tối, các anh chuẩn bị đi lại cùng nhau tiến ra cánh đồng, vào khu trung tâm tập đoàn cứ điểm Xá cho biết quê anh ở Đào Giã, Phú Thọ. Cha mẹ anh làm ruộng và trồng sơn. Anh học trường trung học Đào Giã vừa tốt nghiệp xong thì xung phong tòng

quân trong một đợt tuyển quân lớn vô cùng hào hứng, sôi nổi. Năm nay Xá mới tròn mười tám...

Trước lúc ra đi, Iêng lên cơn sốt rét. Áo quần ẩm đều bỏ lại ở bản. Xá cởi luôn chiếc trấn thủ đang mặc đưa cho Iêng. Mẹ Iêng dầm dãi nước mắt, không nhận. Xá cười hết sức thoải mái:

— Bác đừng lo! Đêm nay cháu lại vào đồn chúng nó. Muốn gì chứ lấy một chiếc áo mặc thì có gì là khó. Xong thôi mà, bác

Cho đến khi quân ta toàn thắng, tập đoàn cứ điềm địch bị tiêu diệt, gia đình Iêng theo mọi người trở về bản cũ, dựng lại nhà, san lại ruộng. Nhưng khi đó, các đơn vị chủ lực đã kéo hết về xuôi, tiếp tục cuộc chiến đấu. Không có cách gì để gặp lại Xá, cũng không sao tìm hỏi được tin tức về anh với đơn vị trinh sát ấy nữa. Trinh sát nào? Đại đoàn nào mà chẳng có trinh sát. Thậm chí, trung đoàn nào cũng đều có trinh sát cả. Còn Xá ư? Họ anh ấy là gì? Quân ta đâu có thiếu người tên Xá?

Tuy nhiên, không nản lòng, cha mẹ Iêng đã bền bỉ thăm hỏi bất cứ một ai có thể hỏi được. Trên ủy ban, ở huyện đội. Và tất những cán bộ của khu, của tỉnh hoặc Trung ương mỗi khi họ đi qua thăm viếng mảnh đất đã trở thành lịch sử này.

Cho mãi bốn năm sau, dịp ấy có nhiều đơn vị quân đội chuyên ngành đi sản xuất, ở các vùng chiến lược, một hôm đồng chí huyện đội phó tìm đến nhà Iêng:

— Ông bà và cháu chuẩn bị lên nông trường!

Gì vậy? Cả nhà đều hỏi hệt.

— ... Anh Xá đang ở nông trường. Tỉnh cờ ông giám đốc gặp tôi nói chuyện mới biết. Đi! Đi! Ông giám đốc nhờ tôi mời hai bác lên chơi đề gặp anh Xá.

Mừng quá. Mừng cuống quít. Mừng đến rơi cả nước mắt. Anh Xá đã trở về đây thì nhất định gia đình lêng phải gặp rồi, còn cần phải mời mọc gì nữa?

Cha mẹ và lêng tức tốc đi liền.

Ông giám đốc nông trường đã đón chờ sẵn ở phòng khách, gần cổng lớn. Một căn nhà tre nửa, mái tranh mới làm, còn tuềnh toàng tạm bợ. Ông giám đốc là một người đã đứng tuổi, cũng là một cán bộ quân đội trước đây, nhưng không rõ to đến cấp nào, và ông có phải là người chỉ huy cũ của Xá khi trước không, cũng không rõ. Ông điềm đạm, nhưng trong cách nói, cách nghĩ có vẻ gì như khô khan và gò bó. Tuy nhiên, ông rất mừng khi thấy gia đình lêng tới:

— Tôi rất tin là gặp lại đồng chí Xá, gia đình sẽ rất vui. Tôi cũng tin là cuộc gặp gỡ này sẽ rất tốt cho cả đồng chí ấy. Nó sẽ nhắc nhở cho đồng chí ấy là ngày trước mình đã như thế nào, vậy bây giờ phải làm sao cho xứng đáng...

Ông cứ nhắc đi nhắc lại mãi câu nói ấy trong lúc dẫn gia đình lêng đi sâu vào phía trong, nơi có những dãy nhà dài cũng mới làm, và xem ra còn tạm bợ, tồi tàn hơn cả căn phòng khách. Cỏ hoang vẫn còn um tùm khắp nơi. Vỏ đạn, vỏ đồ hộp lộn nhồn ở ngay trên các lối đi.

Mọi người cùng bước vào một căn nhà dài, vắng vẻ. Đồng chí giám đốc chỉ vào một góc tối âm u:

— Đồng chí ấy kia kia!

Trên một tấm phản gỗ rất hẹp, vênh vào đất trên mấy chạc cây cắm trên nền đất ẩm ướt, mấp mô là một người đang nằm trùm chẵn, không rõ ốm đau hay đang ngủ.

Đồng chí giám đốc kéo tấm chăn xuống:

— Dậy! Đồng chí Xá, tôi đã đưa gia đình đến đây thăm đồng chí đấy!

Người nằm đó nheo mắt, có lẽ vì chói sáng, miễn cưỡng ngồi dậy.

lêng đứng như trời trồng. Liếc nhìn sang bên, thấy bố mẹ lêng cũng đang trở mắt, không giấu được nỗi sùng sốt.

Anh Xá đây sao? Anh Xá mà cả gia đình lêng đang mong ngóng kiếm tìm đây sao? Trước mặt lêng và bố mẹ lêng là một thanh niên gần như lạ hẳn với đôi mắt tối tăm, giận dữ.

— Anh Xá! — Mẹ lêng run rẩy lên tiếng trước. Đến lượt bố lêng và lêng cũng rụt rè tiến sát lại bên chiếc phản gỗ, thốt lên nho nhỏ:

— Anh Xá! Anh làm sao vậy, anh ốm đấy ư?

— Không! Xin chào hai bác. Chào em. Tôi không sao cả. Chỉ đau đầu chút ít...

Nhưng Xá chỉ nói có thế rồi lại ngồi trên trời nhìn mọi người bằng cặp mắt tối tăm và giận dữ. Nom anh hết một người có bệnh tâm thần.

lêng sợ hãi bám chặt lấy tay bố. Còn nhỏ tuổi, lêng chưa sao hiểu nổi những chuyện gì đã xảy ra với người chiến sĩ ấy.

Đồng chí giám đốc phá vỡ sự im lặng nặng nề:

— Đồng chí Xá ạ! Đồng chí không vui lòng tiếp những người mà đồng chí đã cứu thoát... hay sao?

Xá im lặng, lát sau mới lắc đầu, thở dài, mắt nhìn xuống:

— Không! Tôi không cứu được ai cả. Tôi cứu tôi chưa xong. Đồng chí mời hai bác và em đến đây làm gì? Tôi đã bảo là đừng cơ mà. Có lẽ đồng chí quên?

Đồng chí giám đốc cũng thờ dài:

— Tôi vẫn nhớ. Nhưng tôi vẫn tin là khi có cuộc gặp gỡ này...

Xá bỗng quay phắt lại và cười — một nụ cười đầy vẻ tức giận và chế giễu:

— Thì ra, đồng chí vẫn trước sau chỉ nghĩ được có thế và như thế. Đồng chí không nghĩ ra được những điều gì khác mới mẻ hay sao?

Một lần nữa anh lại im bặt, không nói thêm nửa lời. Đồng chí giám đốc buộc phải ra hiệu cho gia đình lêng cùng quay ra.

Trở lại phòng khách gần cổng nông trường, ông giám đốc lại thờ dài. Ông cho biết Xá đang có « tâm bệnh » và ông không giấu giếm: Xá đang có nhiều điều buồn bực không đồng ý với nông trường, với cả một số chính sách, chế độ nói chung dành cho các chiến sĩ hiện nay. Xá nằm dài, không chịu đi làm và đang đòi trở về quê cũ...

Mọi người xin tạm biệt. Ông giám đốc lưu gia đình lêng ở lại thêm một lúc nữa:

— Có lẽ tôi đã làm thực hai bác ạ. Khi báo tin các bác đang tìm kiếm và mong được gặp lại cậu ấy, thấy Xá từ chối không muốn gặp, tôi cứ ngỡ là dối, thì nói vậy thôi. Nào ngờ cậu ấy không muốn thật. Cũng lạ! Cũng lạ! Nhưng thôi, các bác vui lòng vậy. Cậu ấy đang « tâm bệnh » mà...

Cuộc gặp gỡ với Xá sau bốn năm bần bật đã xảy ra như thế đấy.

Đã tưởng Xá sẽ chẳng bao giờ muốn gặp lại gia đình Iêng nữa, vì những chuyện buồn phiền riêng của anh. thì một buổi tối, sau hơn ba tháng, đột nhiên có người lên thang lúc cả gia đình đang quây quần bên bếp lửa.

— Anh Xá! Tất cả mọi người cùng bật dậy, reo lên, hết sức ngạc nhiên và vui sướng.

Đúng là Xá. Hôm nay anh lại đội mũ nan, mặc trần thủ. Anh Xá của năm xưa đã trở lại. Anh sà vào bếp lửa ngồi bên Iêng và mẹ:

— ... Hôm nọ, cháu có lỗi. Cháu như người khùng. Cháu giận đời và chán ghét tất cả... Nhưng mà thôi. Chuyện cũ, bỏ đi không nói nữa. Xin hai bác và em Iêng cũng quên đi cho. Hôm nay, cháu tới thăm gia đình, xin lỗi gia đình và cũng đề chào, mai cháu lên đường...

Tất cả gia đình Iêng lại cùng kêu lên, nhưng lần này ngạc nhiên và cả lo lắng. Xá cho biết: cách mạng Lào đang gặp khó khăn. Cần có một số quân tình nguyện. Nông trường đã chọn một số đội và một số cá nhân xung phong...

Bố Iêng là người rất ít nói. Nhưng khi đã nói, ông thường có những câu không thiếu ý nghĩa:

— Vậy còn công việc nông trường, anh Xá?

— Vẫn có người làm chứ bác.

— Sao anh không ở lại làm nông trường?

— Trước hết vì đội cháu trong danh sách đi. Sau nữa, cháu cũng muốn đi.

— Anh không thích nông trường hả? Công việc nông trường cũng là việc nước mà...

Anh Xá nhìn chăm chú vào ngọn lửa:

— Bác nói đúng. Việc nào bây giờ mà chẳng có mục đích tốt đẹp cả? Nhưng cháu nghĩ: mục đích tốt chưa đủ. Còn phương pháp, kế hoạch nữa. Và nhất là con người nữa. Cả con người vạch ra và con người thực hiện những mục đích tốt đẹp ấy. Có phải không bác?

Iêng nghe và không hiểu. Nhưng thật ra cô bé cũng chẳng cần hiểu hết ngoài một điều: anh Xá đây rồi, thần tượng rực rỡ nguyên vẹn và xiết bao thiêng liêng đã ở bên cô...

Xá bỏ chuyện cũ, cười vui quay lại nhìn vào hai cõ tay Iêng:

— Iêng này, bao giờ lớn, có vòng mới, cho anh đòi vòng này nhé!

Iêng giờ đòi vòng óng ánh lên trước ngọn lửa như sẵn sàng cho ngày anh. Nhưng đôi tay còn nhỏ và đôi vòng cũng còn nhỏ quá, anh làm sao đeo?

— Thế anh tin là... bỏ Iêng rit một mồi thuốc, cất tiếng hỏi tiếp chuyện cũ.

— Vâng! Trở về với đồng đội, và đi tới những nơi mà sự thử thách nghiêm ngặt nhất đòi hỏi con người cùng phải sống trung thực, cùng phải lương thiện và dũng cảm, có lẽ cháu sẽ tìm lại được cái gì mà mình đã mất...

Trở về Hà Nội, tôi đem theo không ít những kỷ niệm vô cùng tốt đẹp về Cu Ba, và đem theo cả câu chuyện khá đặc biệt và Xá, câu chuyện mà không ngờ đi tới nửa bên này trái đất tôi mới được nghe biết.

Tôi về nước, năm sau Iêng cũng tốt nghiệp. Trên đường trở về quê hương Điện Biên, cô đã không quên

ghé lại thăm tôi và cũng đề nhắc lại việc nhờ tôi đề ý kiếm tìm Xá. Tôi rất buồn vì vẫn chưa làm được việc gì có kết quả giúp cô.

Thời gian lại qua đi. Cho mãi tới cuối năm 1976, một buổi chiều mùa đông, sắp Tết, đường phố Hà Nội đã sớm bừng lên sắc thắm của hoa đào và mưa phùn như khói mờ xanh đã bao trùm trên khắp kinh thành, thì một người khách gõ cửa phòng tôi.

Tiếng gõ cửa rụt rè và lả lả.

Rồi một người đàn ông mặc bộ đồ quân đội cũ, không mang quân hàm hiện ra ở khung cửa.

Tôi chạy vội ra. Một linh cảm nào muốn thúc tôi bật lên tiếng reo mừng rỡ: « Anh Xá! ».

Nhưng tôi đã kịp kìm mình lại. Người này còn khá trẻ, mới khoảng hai mươi chín, ba mươi. Còn Xá, nếu là anh thì năm nay, theo lêng kể lại, anh phải ngót bốn mươi.

Tôi vừa thất vọng vừa hồi hộp mời người khách lạ vào nhà. Anh mang theo một gói gì khá lớn bọc vải nhựa chống mưa. Anh đặt gói đồ cẩn thận dưới chân ghế, rồi ngồi xuống. Bấy giờ anh mới xoa tay, mỉm cười, nhìn tôi bằng cặp mắt rất tươi vui:

— Chú không biết cháu là ai đâu, mặc dù chú đoán thế nào thì đoán. Bởi vì đây là lần đầu cháu được gặp chú. Vâng. Đúng vậy! Thưa chú, cho phép cháu được tự giới thiệu: Cháu là Cầm Bình kỹ sư chăn nuôi, quê ở Tuấn Giáo. Và thưa chú, cháu là... chồng của lêng.

Tôi reo lên một tiếng nho nhỏ, xiết chặt tay Bình một lần nữa. Trong lòng tôi xôn xang khó tả.

Thì ra lêng đã lấy chồng, mới năm 1974 vừa qua. Nhưng cũng phải thôi. Với một thiếu nữ đã hăm bảy tuổi, lấy chồng như vậy đâu có phải là sớm nữa. Hai

vợ chồng lêng cùng làm việc ở Điện Biên Phủ. Cuộc sống yên ả, bằng phẳng. Vợ chồng biết nể nhau, thương nhau. Có lẽ thế cũng tạm đủ. 1975 miền Nam được giải phóng. Đầu năm nay, hai vợ chồng nhận được nhiệm vụ cùng chuyển vào Buôn-mê-thuột. Trong đó đang cần thêm nhiều cán bộ cho cây cà phê và cho cả việc chăn nuôi theo quy mô lớn. Hai vợ chồng vui vẻ thu xếp đi ngay. Họ cùng đạp xe lửa vào Vinh để rồi sau đó lên ô tô liên vận đi tiếp. Tới Vinh, hai vợ chồng vừa xuống ga, thì thấy một đoàn xe quân sự chờ đây chiến sĩ nghỉ ở đó từ lúc nào không rõ, đang sửa soạn để tiếp tục cuộc hành trình...

Bình đứng giữ đồ, lêng chạy đi mua một vài thứ để ăn trưa. Cô lúi húi chọn mấy quả trứng luộc, khi ngừng lên chợt thấy một đồng chí chỉ huy quân sự mặt đen cháy đang sắp sửa đi qua. Đường như có một dòng điện kỳ lạ nào đó đã làm cho cả hai người cùng một lúc phải ngoái lại nhìn nhau. Mấy quả trứng trên tay lêng bỗng cùng rơi tuột xuống đất.

— Anh Xá! Trời ơi! Anh Xá...

Người chỉ huy quân sự đứng sững lại trước mặt lêng. Gương mặt đen cháy như sắt của anh bỗng như có sóng chạy dào dạt dữ dội. Anh lắp bắp:

— lêng! lêng phải không?

Lặng đi, cầm lấy hai bàn tay anh mãi mà lêng vẫn chưa sao nói được nên lời. Vừa lúc đó một người hấp tấp chạy lại. Anh còn trẻ, đeo quân hàm thượng úy:

— Báo cáo, mời trung đoàn trưởng lên xe!

Xá quay lại như van vãn:

— Đề nghị các đồng chí nán lại thêm cho mười phút nữa!

Mười phút. Làm sao trong mười phút có thể đứng đây để nói, để kể lại hết cho nhau biết bao nhiêu

chuyện, biết bao nhiêu nỗi nhớ mong, khắc khoải của mấy chục năm qua? Nước mắt lèng đã lòa nhòa. Có chỉ còn nghe câu được câu chăng những lời nói hết sức gấp gáp và vắn tắt của anh. Thì ra từ 1958 sang Lào anh đã lẩn lộn ở bên đó cho mãi tới năm 1974 mới trở về nước. Năm ấy chính là năm lèng đi lấy chồng. Ở Lào, anh đã làm gần đủ mọi công việc: trinh sát, xung kích, cán bộ dân vận... Có năm anh đã lên tới chức tiểu đoàn trưởng. Nhưng rồi lại có năm tụt xuống tới trung đội. Thậm chí có năm phải nằm dài ở cơ quan Đoàn bộ, vì những chuyện không đâu và vì cả cái tình huống bình kỳ cục vốn có của anh... Nhưng nay anh lại được chỉ huy một trung đoàn đóng ở miền Tây Nghệ An. Cách mạng nước Lào vừa toàn thắng năm 1975, lại gặp khó khăn. Trung Quốc và Thái Lan đang có âm mưu tung tàn quân phải hữu và các loại phi trở về để gây bạo loạn lớn, hồng lật đổ chính quyền mới. Đảng và Chính phủ bạn lại yêu cầu một số quân tình nguyện sang phối hợp, giúp đỡ. Đơn vị anh vừa nhận được lệnh cấp tốc lên đường...

Thế là lại thêm một lần gặp gỡ. Giờ đây lèng đã biết hỏi rõ số hiệu đơn vị và hòm thư của anh, đề khỏi tốn sức kiếm tìm mà ồng công như trước. Trung đoàn 100 A – Hòm thư 423 B.L. và trong những giây phút ấy, lèng cũng đủ sức đề nói cho anh biết: cô đã lấy chồng. Còn anh? Hẳn là đã... Anh im lặng cúi xuống, đi đi mũi giày trên cát bối rối mãi:

– Sắp, sắp! lèng ạ.

Anh thượng úy đứng sau bồng hăng hái chen vào, như muốn làm nhần chúng:

– Đúng đấy! Thủ trưởng tôi... số vất vả lắm cô ạ. Hồi bên Lào, khối cô mển. Nhưng chính sách không cho phép. Bây giờ về đây, may sao lại gặp được chị

y sĩ của binh đoàn. Thôi thế cũng tốt. Chị ấy là người tử tế lắm cô ạ. Lẽ ra định « tổ chức » vào dịp Tết này đây. Nhưng dùng một cái lại phải đi thế này...

lêng lại cầm lấy hai bàn tay đầy chai cứng như đá của anh và nước mắt như mưa sa.

Xá lên xe, chỉ còn thấy một đám bụi mù.

— ... Thừa chú, ngày mai cháu đã phải bay vào Buôn-mê-thuột. Cháu ra đây họp, đã kéo dài thêm ba ngày. Nhà cháu chắc đang nóng ruột, vì sắp Tết rồi. Bây giờ cháu xin nhờ chú việc này. Lẽ ra hôm tới Hà Nội, cháu phải tìm đến chú ngay; nhưng quá nhiều việc... Thừa chú, lêng nhà cháu nhờ chú, tha thiết nhờ chú tìm cách chuyển gói này sang Bắc Lào cho anh Xá...

Và không đợi tôi hỏi, Bình mở luôn gói đồ. Đó là một tấm võ chăn có thêu nhiều mô típ hoa văn thổ cẩm Tây Bắc. Và ở giữa tấm võ chăn ấy là một đôi vòng bạc.

Tôi sửng sờ ngồi lặng. Đôi vòng bạc như đang reo lên những tiếng trong suốt bồi hồi. Đôi vòng nào đây? Có phải đôi vòng nhỏ bé mà đêm nào, bên bếp lửa, trước lúc chia tay, anh Xá đã đùa vui: « lêng cho anh nhé? ».

Tôi từ từ gấp chiếc võ chăn lại. Tôi tin rằng dẫu sao, vàng, dẫu sao, dù cho chuyện gì đã xảy ra, vui hay buồn cũng vậy, khi gói quà này được chuyển tới tay anh, hẳn Xá sẽ cảm nhận thấy rằng ít ra trong đời mình cũng đã một lần hạnh phúc, một hạnh phúc màu xanh; và lòng anh hẳn cũng ít nhiều ảm áp lại...

Ngoài cửa sổ phòng tôi, mưa bụi vẫn dụi dàng rơi rơi, như khói như sương bao trùm cả thành phố.

11-1983

H.T.

TRƯƠNG TRỌNG

NHỮNG DÒNG SUỐI BẮT CHỢT

Truyện ngắn

Đã mấy tuần nay, cứ chiều thứ bảy, khi các em học sinh nội trú rời nhà trường về nhà lấy gạo cho tuần sau là các cô giáo chuẩn bị đi bộ đến đồn biên phòng để nhận thư. Trước đây, trường phổ thông cơ sở này vẫn có địa chỉ riêng và thỉnh thoảng vẫn có anh bưu điện mang thư đến tận nơi. Sau đó, không nhớ do sáng kiến của ai, các cô giáo mượn địa chỉ của đồn biên phòng để «thư từ nhanh hơn và đỡ thất lạc» như lời các cô vẫn bảo. Đúng, thư gửi theo đường quân bưu ít thất lạc thật, nhưng có nhanh hơn hay không thì còn phải bàn thêm. Dù sao các cô vẫn coi việc lấy địa chỉ ở đồn biên phòng là một sáng kiến có giá trị. Đường từ trường đến đồn biên phòng đi bộ mất khoảng hai tiếng đồng hồ. Đó là đi theo tốc độ của những cô gái đã quen đường núi và tất nhiên, đôi gấu gổ phải để lại dưới gầm giường. Thứ bảy này cô giáo Kim về huyện chưa lên, cô hiệu trưởng Yến phải ở lại trực, một mình cô giáo Mỹ tinh nguyện sang nhận thư cho cả trường! Mỹ cảm thấy đoạn đường đi bộ này thật lý thú dù có hai lặn xắn cao ống quần lội suối và hầu hết phải leo dốc. Lần đầu

đến đồn biên phòng cô đã thắc mắc tại sao đồn lại phải đóng trên đỉnh cao như thế trong khi đó trường của cô lại lọt thỏm dưới thung lũng của bản Nà Đồi. Hôm nay cô mặc chiếc áo len đỏ cổ ngắn, để phò ra cổ áo sơ mi màu trắng may theo hình lá sen, chung quanh viền một vòng chỉ vàng. Chiếc quần vải đen may đứng ống làm cho dáng người cao lên một ít ngay cả khi cô đi dép nhựa mỏng. Chiếc túi đen giả da, quai vốn dài nhưng cô rút cho ngắn lại, tay cầm dùng đưa theo nhịp bước. Cô về trường Nà Đồi này đã được bốn năm. Khi tốt nghiệp trường sư phạm trung cấp ở Thái Bình, nghe tin được điều lên dạy học ở Điện Biên, cô mừng lắm. Mặc dù bố mẹ cô vẫn sinh sống ở Thái Bình nhưng bà con làng xóm có nhiều người di dân lên Điện Biên và mỗi lần về chơi họ kể cho cô nghe nhiều chuyện hấp dẫn lắm. Hơn nữa, nghĩ mình còn trẻ không đi cho biết đây biết đó thì còn đợi khi nào mới đi được nữa. Thế là cô vui vẻ nhận lệnh phân công lên dạy học ở Điện Biên. Khi đến nơi cô mới hiểu: Điện Biên không chỉ là cái lòng chảo nhiều ngô lúa như cô từng nghe nói mà còn có những vùng rừng núi trùng điệp, những con đường heo hút nối đến những bản người H'Mông nằm cheo leo sát biên giới Việt - Lào. Nà Đồi là một bản như thế và cô đã về đó nhận công tác không mấy đắn đo cân nhắc.

Khi cô về, trường chỉ có hơn chục em học sinh lớp một và dăm em học sinh lớp hai. Tất cả các em đều là người H'Mông của những bản trong xã. Lúc đó trường chỉ có hai cô giáo trẻ với ông hiệu trưởng đang chuẩn bị về hưu. Cơ sở của trường chỉ là ngôi nhà dài chia ra làm bốn phòng: hai phòng nhỏ là nơi ở của giáo viên, hai phòng lớn làm lớp học. Ngày đó trường chưa thực hiện chế độ nội trú nên học sinh

đến lớp đã ít lại thất thường. Mỹ phát hiện ra điều này và đề nghị hội đồng giáo viên tìm cách khắc phục nhưng thầy hiệu trưởng đã khuyên cô một câu mà đến nay cô vẫn còn nhớ: «Không dễ gì thay đổi được tập tính của người ở đây đâu». Khi ông hiệu trưởng nghỉ hưu, cô giáo Yến lên thay, Mỹ đem vấn đề đó ra bàn lại và đề đạt lên phòng giáo dục cho thực hiện chế độ học sinh nội trú để các em ở bản xa có thể theo học được. Thế là hơn chục em học sinh H'Mông mang gạo đến ở ngay tại trường cùng ăn với ba cô giáo. Chất lượng học tập của các em nội trú hơn hẳn các em khác. Ngoài học bài ở lớp, các em còn đọc sách và nghe các cô giáo kể chuyện, mái trường ấm cúng hơn hẳn trước kia.

Điều đáng quan tâm của ba cô giáo bây giờ là tìm kiếm cho mình một người bạn đời. Cô hiệu trưởng, cô giáo Kim trước khi lên đây đều đã có bạn trai dưới quê, nhưng do khoảng cách quá xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chỉ vài năm sau là các bạn trai đã gửi thiệp mời về dự đám cưới! Ba cô giáo sống giữa những em học sinh ngoan ngoãn, được sự quan tâm săn sóc của bà con trong bản nhưng các cô bị cách biệt với thế giới con trai. Mỹ vốn là cô gái nhí nhảnh, thích mặc những chiếc áo may theo kiểu mới. Ngày đang học trường sư phạm cô còn biết dùng bút chì đen 6B kẻ đậm thêm vào đuôi lông mày. Về đây được vài năm, cô thấy hình như những chiếc áo may đúng kiểu, đôi guốc cao gót và cả nụ cười vốn rất có duyên của mình cũng không cần thiết. Sự buồn tẻ đã đến với ba cô giáo vào chiều thứ bảy khi các em học sinh nội trú đã về hết để lại ngôi trường vắng vẻ. Thường thường những lúc như vậy các cô chỉ còn biết viết thư cho người thân — những lá thư viết rồi có thể không gửi — hoặc tháo áo len cũ ra đan lại. Chính cô

hiệu trưởng kể rằng ba năm đầu chiếc áo len của cô được đan lại bảy lần! Đan để cho đỡ buồn chứ phải đâu học theo một kiểu mới nào.

Thế rồi một buổi chiều thứ bảy, khi các cô đang ngồi nhìn những đám mù từ đỉnh núi sà xuống lấp chầm con đường mòn hun hút và lắng nghe tiếng cối nước giã những chày thừa thớt thì thấy anh Din, phó chủ tịch xã đến chơi. Din người H'Mông trước đây là bộ đội ở đồn biên phòng bây giờ anh về tham gia công tác ở địa phương nhưng thỉnh thoảng anh vẫn trở lại thăm đồn và cũng là người hay đến thăm trường học. Gặp Din là thấy cái ra-di-ô bên hông vừa đi vừa nói. Khi vào đến sân trường, anh tắt đài và cười với các cô giáo:

— Cô giáo Kim có thư đây — anh rút lá thư trong túi áo chàm đen, Kim vội đứng dậy chạy ra sân.

— Đoán đi đã nào, thư ai gửi — Din kiểng chân đưa lá thư lên cao.

— Thư của mẹ em.

— Không đúng.

— Thư của chị em.

— Sai rồi.

— Của người yêu cô Kim đấy anh Din ạ. — Mỹ chèn vào.

— Thi của người yêu em đấy — Kim nhận liều rồi nhảy lên cướp lá thư, chạy vào một góc phòng. Cô giáo Yến mời Din vào ghế ngồi. Tuy tuổi Din không hơn tuổi cô hiệu trưởng bao nhiêu nhưng do Din đã có bốn con nên anh coi tất cả ba cô giáo như những đứa em trong nhà. Mỗi lần anh đến thăm trường đều có quà cho các cô giáo: khi thì mấy bấp ngô nếp non,

khi thì mấy củ sắn luộc. Và thường xuyên là có một cái tin nào đó anh vừa nghe được từ đài. Din vừa ngồi xuống ghế, Yến đã hỏi:

— Có tin gì mới không phó chủ tịch?

Din nói như đã chuẩn bị sẵn từ trước:

— Có chứ. Điện Biên sắp được xây dựng nhiều nhà lấm nhé. Sân bay này, bảo tàng này, chợ này, lại còn những con đường nữa.

Yến đùa:

— Chắc con đường đi vào bản ta nhà nước cũng sắp làm lại.

Din chưa kịp trả lời Yến thì Kim đã quay trở ra, mặt phụng phịu:

— Bất đền anh Din đó. Ai lại viết thêm vào phong bì như thế này?

Din như đoán được phản ứng của Kim nên cười hờ hớ:

— Viết như thế nào thì đọc lên cho cả nhà nghe đi, Mỹ giật phắt cái phong bì trên tay Kim hắng giọng rồi đọc:

— « Kim thân yêu. Anh hôn em một trăm cái! » Kim giằng lại bức thư từ tay Mỹ nhưng nói với Din:

— Thư mẹ em gửi mà ai ghi bậy vào như thế?

Din giải thích:

— Thư này lạc vào đống biên phòng, anh em ở đó nhờ tôi chuyển về đây. Muốn biết ai viết vào thì cô giáo phải lên đó mà hỏi.

— Chả phải thách, em sẽ lên cho mà xem.

Sáng hôm sau, chủ nhật, Kim chuẩn bị lên đồn biên phòng. Cô hiệu trưởng khuyên Kim không nên nóng nảy làm mất đoàn kết quân dân nhưng Kim vẫn dửng dưng ra đi. Chiều tối Kim quay về, Yến và Mỹ có hỏi xem tình hình xảy ra như thế nào nhưng Kim nói lảng sang chuyện khác. Từ hôm đó, ngay cả những em học sinh nội trú hiền lành nhất cũng có nhận xét dạo này cô Kim vui vẻ và hay hát hơn trước. Chủ nhật tiếp theo hai anh bộ đội biên phòng đến trường chơi và ba cô giáo bắt đầu mượn địa chỉ của đồn từ đó. Lúc đầu các cô chỉ ngồi đợi các anh mang thư xuống, nhưng sau chủ động lên lục thư như chiều nay Mỹ nhận nhiệm vụ ra đi.

Khác với trường Nà Đồi, chiều thứ bảy là khi đông vui nhất ở đồn biên phòng. Đó là thời gian những chiến sĩ trình sát trở về sau một tuần bám cơ sở, Anh em ở nhà rào quanh vườn hoặc tăng gia cũng nghỉ sớm hơn mọi ngày. Cái sân rộng, vuông vắn ồn ào vui vẻ, chỗ này mấy anh lính trẻ cắt tóc cho nhau, chỗ kia anh em đứng vòng quanh người đánh đàn ghi-ta và hát toáng lên một bài nào đó mới tập được. Lần nào Mỹ đến cũng gặp cảnh tượng như thế hoặc tương tự như thế. Lần này, bước lên những bậc cuối cùng của con đường tắt dốc đứng, Mỹ đặt chân lên sân đồn. Trước mắt cô diễn ra một cảnh bận rộn khác thường: các anh bộ đội đi lại tiu tít, người cầm dao, người ôm mấy tàu lá chuối tươi. Góc sân kia, một tốp đông đứng vòng tròn đang cúi đầu chăm chú xem cái gì đó. Một anh thấy Mỹ đến thì reo lên:

— Chào cô giáo!

Cả vòng người quay lại nhìn cô. Đồn phó Trung tươi cười:

— Hay quá, chúng tôi vừa nhắc xong — Anh dẫn Mỹ vào phòng chỉ huy và bảo liên lạc pha nước. Mỹ nhẹ nhàng đặt túi xách xuống góc bàn có máy điện thoại.

— Hôm nay các anh có gì mà vui thế?

— Cô giáo ở lại liên hoan ngày «hai hai tháng mười hai» với chúng tôi.

— Nhưng em tưởng mấy hôm nữa mới tới ngày đó kia mà?

Đồn phó giải thích:

— Con bò của đồn tối hôm qua bị hổ vồ nhưng chưa chết hẳn, anh em quyết định làm thịt. Hơn nữa ngày mai, một số về huyện tham gia xây dựng bảo tàng Điện Biên.

Mỹ hỏi:

— Có xây dựng lại nghĩa trang liệt sĩ không anh? Em thấy bia mộ liệt sĩ ở dưới đó không có tên người hy sinh, người vào thăm thấy trống trải thế nào ấy. Em nghĩ là đồn lại xây một tượng đài, ghi tên những người hy sinh chắc là ấn tượng mạnh hơn.

— Tôi tin rồi nghĩa trang cũng được tu sửa nhưng không hiểu cụ thể như thế nào. Việc đó có người khác lo, cô giáo cứ ở lại ăn cơm với anh em rồi đâu vào đấy cả.

— Ấy chết, em phải về kéo tối. Trường chúng em có cái thư nào không anh Trung?

Trung cười:

— Có nhiều lắm. Toàn những thư quan trọng cả. Có uống nước, ngồi nghỉ đã.

— Nhưng anh cho em xin thư đề em về kéo tối.

Trung dứt khoát:

— Tôi cũng chẳng sao. Anh em không để cô về một mình đâu. Chúng tôi sẽ cử một người đủ khả năng đưa cô về đến nơi đến chốn.

Tự nhiên mặt Mỹ đỏ lên. Người sẽ đưa mình về là ai nhỉ? Phải chi là Nam, anh chiến sĩ trinh sát mình từng gặp đêm đó. Nam quê ở miền trong, người tầm thước, tính ít nói, có khuôn mặt thật thà. Mỹ gặp Nam trong một hoàn cảnh cũng khá đặc biệt. Cách đây vài tháng, bản Nà Đồi bị mất một con bò. Ủy ban xã yêu cầu cả đồn biên phòng và nhà trường kết hợp với địa phương đi tìm. Hôm đó Mỹ không có giờ lên lớp nên tình nguyện tham gia. Lúc đầu người đi tìm khá đông nhưng quãng đường càng xa thì số người còn lại càng ít. Khi đến một bản sát biên giới, tốp của Mỹ chỉ còn ba người: công an trưởng, Mỹ và chiến sĩ trinh sát Nam. Nhờ sự phát hiện của nhân dân địa phương thủ phạm trộm bò đã bị bắt khi đang giấu bò trong hang đá. Trưởng công an ở lại bàn giao thủ phạm với xã, nên Nam và Mỹ có nhiệm vụ dắt bò về trước trả lại cho chủ nhân. Trời sắp tối mà con bò vẫn cứ đứng đĩnh từng bước một. Nam mang AK, tay cầm dây thừng dắt bò đi trước Mỹ theo sau. Đi một đoạn dài mà không ai nói với ai câu nào. Mỹ nghĩ: «con trai phải gọi chuyện trước, mới có lý chứ! Nam im lặng, cô cũng im lặng xem thử ai thắng». Nhưng có lẽ Nam quen sự im lặng của người trinh sát nên tỏ ra không có gì khó chịu khi phải lặng thinh. Còn Mỹ là cô gái hay nói, cô cảm thấy phải im lặng cũng là một cực hình. Bởi thế, cô phải cất lời:

— Anh bộ đội để em dắt bò cho một đoạn.

— Không được, nó lồng lên kéo cả cô vào rừng.

— Thế thì em mang súng hộ nào, đi tay không cứ như trẻ em đi theo người lớn.

— Không được, cô chưa biết nội qui sử dụng súng đạn. Lần nay Nam có quay lại nhìn Mỹ nhưng chỉ nhìn lướt rồi quay nhanh về phía trước.

Trời tối hẳn, con đường men theo bờ suối rất nguy hiểm. Nam lấy chiếc đèn ba pin bấm lên. Một quầng sáng rất chụm phóng về phía trước vừa đủ soi sáng con đường mòn. Bóng đêm làm cho Mỹ đi sát Nam hơn. Cô hỏi:

— Đèn pin thì em cầm được chứ?

Nam hờ hững lại đề trao đèn cho Mỹ. Vô tình tay anh chạm vào cổ tay của Mỹ, má Mỹ nóng bừng lên, nhưng Nam vẫn bình thản:

— Cô đừng soi thế, bóng của tôi che mắt đường, bỏ không thấy lối đi.

Hai người về đến Nà Đồi thì trời quá khuya. Các cô giáo thu xếp chỗ nghỉ cho Nam ở trường nhưng anh đã đi bộ về đồn. Sau đó thỉnh thoảng Nam đến trường chơi và Mỹ mới biết Nam không «cù lằn» như cô từng tưởng. Chiều nay lên đồn biên phòng, Mỹ cũng có ý nhìn tìm Nam nhưng chưa thấy anh đâu..

Thấy cô giáo lặng im, đồn phó Trung hỏi:

— Có gì mà cô suy nghĩ nhiều thế. Chúng tôi không đề cô phải về trường một mình đâu mà sợ. À đồn trưởng San đây — Trung quay lại nói với San — Tôi mời cô giáo ở lại liên hoan mà cô vẫn còn chần chừ, đang chờ ý đồn trưởng đấy.

San lau tay vào chiếc khăn mặt treo trên dây rồi bước vào phòng.

- Xin lỗi cô giáo, biết cô lên chơi nhưng tôi có việc dở tay, Cô ở đây liên hoan với bộ đội, Tôi tin là cô không từ chối, «quân dân một ý chí mà».

- Cô giáo lo không có người đưa về trường. - Trung nói.

- Cô cứ yên tâm ở đây liên hoan với anh em. Sau đó cô cứ chọn lấy một người dẫn đường trong số tám chục anh em chúng tôi đây. Nói thế cho vui, cô không phải chọn đâu, tôi sẽ cử cho cô một người thật vừa ý.

Nghe tiếng đài ngoài sân, Mỹ nhìn ra thấy Din. Anh đang quay nói câu gì đó với mấy chiến sĩ phía đầu kia sân. Cả San và Trung ra đón Din. San nói:

- Liên lạc tìm ông mãi mà không gặp phải nhân lại đây. Đi đâu nhiều thế?

Din vào phòng. Hôm nay anh mặc quân phục nghiêm chỉnh nên trông có khác. Những lần đến trường chơi, ít khi Din mặc nguyên cả bộ quân phục như thế. Din nheo mắt nhìn cô giáo như muốn trêu một câu gì đó rồi quay sang phía San:

- Tưởng ba ngày nữa tôi mới được mời chứ! Không ngờ con hồ này khỏe thật, nó đầy ngày lễ lớn của chúng ta chệch đi ba ngày.

Khi chiếc đài bên hông Din chuyển sang ca nhạc, thì đồng chí liên lạc dọn dẹp khay chén để tìm chỗ đặt mâm. Lát sau mâm cỗ bày biện xong xuôi, San nói:

- Anh Din vốn người nhà rồi, mời cô giáo lại mâm cho. Biết lúc này từ chối cũng không xong, Mỹ đứng dậy đi tới bàn ăn.

So với bốn người thì số thức ăn quá nhiều. Ngoài mấy đĩa thịt bò là món chủ lực, còn có hai đĩa thịt gà luộc và quay. Mỹ hỏi:

- Sao các anh không mời anh em cùng vào ăn một
thẻ cho vui?

Trung trả lời:

- Ngồi thế này cho rộng cô ạ, anh em họ cũng tiêu
chuần thế này cả thôi.

San rót đầy bốn chén rượu rồi đứng dậy nâng cốc
làm cho cả ba người nữa cũng đứng lên theo:

- Chúc cô giáo mạnh khỏe, may mắn, dạy tốt và
thân thiết hơn nữa với đồn.

Mỹ cười:

- Anh chúc nhiều thế thì em biết nhớ thế nào được?

Trung nói:

- Tôi chỉ chúc cô Mỹ *thân thiết hơn nữa với đồn* là
có cả các thứ kia.

Mỹ nâng cốc đáp lễ rồi lại đặt xuống mâm, Dìn nhắc
chén rượu lên ấn vào tay Mỹ:

- Không được đặt xuống, cô giáo phải cạn chén với
anh em chúng tôi chứ. Lại còn phải cạn cả phần của
Cố Yến, cô Kim. Thế, thế... nhưng không được uống
nửa chừng.

Mặt Mỹ đỏ lên vì hơi rượu và vì sự nài ép quá kịch
liệt của Dìn. San can thiệp:

- Thôi, tửu bất khả ép, cô giáo không uống được
thì mời cô giáo dùng cơm trước...

Cơm nước xong, trời tối đen, Mỹ nói nhỏ với Dìn:

- Có lẽ đến lúc anh em mình về bản rồi anh Dìn
nhỉ?

Dìn lắc đầu. San nói:

- Tối nay anh Din có việc phải bàn bạc với chúng tôi, Nếu cô có thể ở lại đây thì đừng lo không có chỗ ngủ. Mỹ thành thật:

- Cảm ơn các anh, nhưng em phải về trường vì chị Kim xuống huyện, trường chỉ còn một mình chị Yến thôi. Các anh chưa đưa thư cho em đấy nhé.

- Thư tuần này không có đâu cô giáo ạ - Trung quay lại nói nhỏ gì đó với cậu liên lạc. Mấy phút sau, Nam bước vào phòng, vai mang khẩu AK, tay phải cầm đèn pin. Mỹ vừa nhận ra Nam thì Nam dừng lại, đứng nghiêm:

- Báo cáo đồng chí đồn trưởng, tôi có mặt.

Sau đứng dậy nói rõ từng lời:

- Đồng chí Nam có trách nhiệm dẫn cô giáo Mỹ trở về trường an toàn.

- Rõ! Nam trả lời rất gọn rồi vẫn đứng nghiêm chờ lệnh tiếp của đồn trưởng.

- Xong nhiệm vụ, đồng chí trở về đồn ngay trong đêm nay.

- Rõ!

Mỹ lặng nhìn Nam đứng yên trên nền nhà mà cảm thấy thương anh quá. Từ chiều đến giờ anh ở đâu mà mình không nhìn thấy? Sự phân công Nam đưa mình về trường là ngẫu nhiên hay có ý? Chẳng lẽ tình cảm của mình đối với Nam các anh chỉ huy đã biết cả rồi sao? Nếu các anh biết sao Nam phải quay về đồn ngay trong đêm nay khi ngày mai là chủ nhật? Mỹ phân vân bao nhiêu câu hỏi khi đứng dậy cầm túi xin phép trở về trường. Nam bấm đèn pin cho Mỹ bước ra ngưỡng cửa rồi quay lại:

- Báo cáo thủ trưởng, tôi đi.

- Được, đồng chí đi.

Sau đáp lời, xong quay lại nói câu gì đó với Trung nhưng Mỹ không nghe được vì Din đã mở to « tiết mục sân khấu truyền thanh ».

- Cô Mỹ xuống trước đi.

Đi hết sân đồn, Nam bấm đèn pin vào những bậc thang làm bằng thân gỗ. Mỹ cắn môi cười thầm « hôm nay không đợi người ta nói trước nữa chứ. Có tiến bộ đấy nhưng chưa ăn thua đâu ».

- Từ chiều đến giờ anh Nam đi đâu mà em không thấy?

- Có thấy rồi đấy chứ?

- Em hỏi là từ chiều đến trước khi anh bước vào phòng ấy mà.

- Cũng ở quanh quần trong đồn này thôi.

- Sao em không thấy?

- Thế mà tôi thấy cô từ khi cô bước lên dốc này đấy.

- Sao anh không gọi?

- Bọn nó chế thì rầy lắm.

Từ bậc thang cuối cùng đến mặt đường cái là khoảng dốc ba bốn mét chưa cước thành bậc. Thông thường anh em bộ đội khi từ trên đồn tới chỗ này là chạy vù xuống mặt đường. Khi lên, anh em cũng lấy đà từ dưới đường rồi chạy tụt lên. Nhưng bây giờ đối với Mỹ dốc này là một sự thử thách. Cô dừng ở bậc dốc cuối cùng mà chưa biết xử lý ra sao. Nếu ban ngày lấy hết dũng cảm, cô cũng có thể chạy xuống được. Chiều nay cô đã một mình leo lên dốc này tuy có khó

khăn hơn đoạn đường khác nhưng đâu đến nỗi gay go như bây giờ. Thấy Mỹ lúng túng, Nam hỏi:

- Cô không dám xuống hay sao?

- Em sợ trượt chân vì đoạn này có nhiều hòn sỏi hay lẫn lăm.

Nam suy nghĩ một lúc rồi nói:

- Cô xuống trước, đưa tay tôi giữ cho khỏi trượt.

- Trượt cả anh xuống nữa thì sao?

- Giày bộ đội bám chắc lắm.

- Thế thì tay anh đâu? Bảo người ta cầm tay mà tay cứ giấu khư khư vào báng súng thì ai cầm được?

- Thì tôi còn đợi ý kiến của cô đã chứ?

Mỹ bước chân xuống dốc, tay trái cầm túi xách, tay phải đưa ra cho Nam. Cô có cảm giác bàn tay anh vừa ấm vừa chắc. Nhờ có bàn tay Nam ghim lại, hai người đã xuống dốc an toàn. Khi bàn chân Mỹ vừa chạm mặt đường cái, Nam đã buông vội tay Mỹ ra ngay. Anh xoắn lại súng, bấm đèn. Theo đường cái một đoạn, hai người rẽ vào lối nhỏ hướng tới dòng suối. Nam ngoảnh nhìn về phía đôn rồi mới bước nhanh lên sát gần Mỹ.

- Mấy chủ nhật vừa rồi sao anh không đến trường em chơi?

- Mình phải đi xuống mấy bản xa.

Mỹ nhận xét cách xưng hô của Nam có thay đổi. Từ chữ *tôi* chuyển sang *mình* cũng là một quá trình. Mỹ hiểu chữ *mình* Nam dùng không đồng nghĩa với chữ *mình* đồng bào trên này vẫn dùng.

- Khi đến bản Nà Hâu, mình có gặp em Vàng A Lệnh. Lệnh bảo em là học sinh nội trú của cô giáo Mỹ đấy. Mỹ đã đến nhà em Lệnh lần nào chưa?

- Em chưa đến. Kề ra cũng tiếc. Lệnh học khá nhất lớp đấy.

- Ông Lệnh bị bọn Đèo Văn Ún đem tập trung rồi bị máy bay giặc Pháp ném bom chết ở Noọng Nhai năm 1954. Bố Lệnh là thương binh hồi kháng chiến chống Mỹ.

- Khi nào anh Nam xuống bản đó cho em đi theo với.

- Sẵn sàng thôi, chỉ sợ bà hiệu trưởng không đồng ý.

- Ai bảo anh thế? Thăm gia đình học sinh là một trong những nhiệm vụ của bọn em đấy.

Dòng suối chắn ngang trước mặt, Nam dừng lại cởi giày và xắn quần lên quá đầu gối. Mỹ phân vân rồi nói:

- Anh đừng bấm đèn pin vào đây nữa.

Nam hiểu ý, tắt đèn. Một lúc nghe Mỹ kêu lên:

- Tối thế này không thấy bậc xuống.

Nam bật đèn. Hai ống quần đen của Mỹ đã xắn cao để lộ đôi bắp chân trắng muốt. Nam nói, giọng nghe như ịch đi:

- Mỹ lội cẩn thận đấy, đá trơn lắm.

Mỹ đưa tay phía sau cho Nam cầm rồi hai người dò dẫm bước từng bước ngắn.

- Mỹ có biết anh Giang không?

- Anh Giang có lần đến trường với anh chứ gì?

- Đúng rồi.

- Mà sao?

- Giang về huyện với cô giáo Kim đấy. Hai người sắp cưới nhau. Giang đã trình bày lý lịch của Kim và đã được thủ trưởng thông qua.

- Lấy chồng cũng phải nạp lý lịch hở anh?
- Đơn vị họ yêu cầu thế.
- Lý lịch của em thì xấu lắm, chẳng ai thích.
- Chưa chắc đâu.

Lên đến bờ suối, tay Nam vẫn cầm chặt tay Mỹ, và không biết do ai, hai người xích sát gần nhau. Nam tắt đèn. Đêm vùng rừng yên ắng, Mỹ nghe rõ nhịp tim của từng người. Hơi thở của Nam nóng hổi rất gần đầu đây. Mỹ quay mặt đi rồi quay lại nhìn thẳng vào mắt Nam, tay cô mân mé tà áo quân phục của anh:

- Anh mặc thế này không lạnh à?
- Bây giờ thì không lạnh được.
- Vì sao?
- Đố em biết? - Nam quàng tay qua vai Mỹ.
- Ôi, súng tì vào em đau quá!
- Anh đặt súng xuống đất nhé?

- Anh không nhớ nội quy sử dụng súng đạn à? - Mỹ cười và ngay trong đêm anh vẫn thấy hai hàm răng trắng đều đặn và làn môi ấm nóng của cô ta ngay sát làn môi mở đón của mình...

Hai người lại tiếp tục đi, yên lặng và rạo rục. Mỹ như chợt nhớ ra:

- Ô chết, em chưa buông ống quần xuống.
- Lại sắp qua suối nữa rồi.
- Ừ nhỉ - Mỹ cười - bộ đội các anh tiết kiệm thật.

Nam hiểu cái từ *tiết kiệm* Mỹ dùng còn có một nghĩa nữa ngoài nghĩa xắn quần một lần để lộ hai con suối.

Khi đến cổng trường, Mỹ dừng lại nói:

— Thôi anh quay về đi, để em vào một mình kéo làm chị Yến thức giấc,

Nam nắm tay Mỹ:

— Chúc em ngủ ngon. Khi nào có thể đến nhà em Lệnh được thì báo cho anh biết.

— Thứ bảy tuần sau em sẽ tin lại. Bọn em vẫn lên đồn lấy thư mà! Thôi anh về đi kéo muộn.

Nam buông tay khỏi tay Mỹ, xóc súng, quay gót. Mỹ đứng lặng nhìn theo. Mỹ vẫn đứng lặng nhìn theo, dù cho tới lúc bóng Nam đã khuất. Trước mắt cô con đường rừng hun hút, con đường rừng của vùng Điện Biên xa lòng chảo, con đường đó bây giờ không còn cô quạnh như trước nữa vì đã có những dòng suối bất chợt lấp lánh trong ý nghĩ của cô.

Tây Trang, cuối 1983.

V.T

NGUYỄN TRÍ HUÂN

TIẾNG CỌI

Truyện ngắn

Mỗi lần cầm trong tay mình một tấm vé đi tàu liên vận, tôi đều gặp cái tâm trạng vừa háo hức, vừa e ngại không biết người bạn đường ngồi bên cạnh mình sẽ là ai. Nếu gặp được một người tốt, con đường hầu như ngắn lại và nỗi mệt nhọc của mấy ngày đêm thức trắng trên tàu như cũng được giảm bớt. Còn nếu như gặp phải một người không biết điều thì sẽ không khác gì một sự tra tấn kéo dài nặng nề. Tôi đã đi tàu xe đường dài nhiều lần, đã gặp không ít những người tốt và cũng đã gặp không ít những kẻ xấu. Nhiều chuyến đi trở về, tôi có thêm những người bạn thân thiết. Nhưng cũng có chuyến đi cho mãi về sau, tôi vẫn có cảm giác mình đã đánh mất một thứ gì đó.

Trong tâm trạng ấy, vào đợt đi công tác lên các tỉnh cao nguyên miền Trung lần này, tôi vừa ngồi vào số ghế của mình vừa dè dặt nhìn những người khách ngồi đối diện. Đó là một cặp vợ chồng trẻ và một cháu trai ba tuổi. Họ vừa bối rối thu xếp chỗ ngồi vừa trông chừng đứa bé đang nhoeai người ra cửa sổ toa tàu hỏ hét ầm ĩ. Người chồng thỉnh thoảng lại đưa

mắt nhìn tôi mỉm cười như để xin lỗi về sự lục đục của mình và về sự ồn ào của đứa con. « Vợ chồng em chuyên hẳn lên Đà Lạt nên hơi nhiều đồ đạc lặt vặt, bác thông cảm cho ». Người vợ nói đôi mắt lộ rõ vẻ băn khoăn. Tôi bảo họ cứ thu xếp cho thật gọn, nhưng nhớ giành chỗ cho một người nữa vì phần ghế bên cạnh tôi vẫn còn để trống.

Sau những lộn xộn và bụi bặm ban đầu, toa tàu dần dần ổn định. Hành khách đôi người đã làm quen với nhau, hỏi thăm quê quán, công việc, mời nhau hút thuốc. Nhiều người tựa lưng vào ghế, mắt nhắm lại mệt mỏi. Còn mười phút nữa tàu sẽ chuyển bánh trong khi ấy nửa ghế bên cạnh tôi vẫn không thấy ai tới ngồi. Tôi bỗng nóng ruột lo cho sự chậm trễ của người bạn đường nào đó sẽ ngồi bên cạnh tôi.

— Thưa chú, đây có phải số ghế 42 không ạ?

Vào phút chót, trước khi đoàn tàu khởi hành, một giọng nói khể khàng vang lên từ phía sau lưng tôi. Tôi quay lại. Một cô gái khoảng hăm ba hăm bốn tuổi, mặc sơ mi màu xám và chiếc quần zin màu xanh bó sát lấy một thân thể khoẻ mạnh đang chăm chú nhìn tôi. Thoạt đầu tôi hơi choáng ngợp trước vẻ đẹp của cô gái. Có lẽ trên khuôn mặt cô chỉ có cặp môi là hơi tối đi một chút, còn tất cả đều sáng bừng lên. Vầng trán, sống mũi, đôi gò má và đôi mắt đều toát ra một vẻ đẹp giản dị. Không hiểu sao tôi trở nên luống cuống khi giúp cô gái xếp chiếc túi da lên giá và dịch chỗ cho cô ngồi. Ngoài chiếc túi xách nhỏ, cô gái không mang theo một thứ đồ đạc nào khác.

— Chú đừng chớ cho cháu được không ạ. Cháu đi tàu lần đầu nên thích ngồi cạnh cửa sổ để nhìn. Một lát sau, khi đã thu xếp xong, cô gái ngập ngừng đề nghị.

Đĩ nhiên tôi không thể từ chối. Từ lúc đó cô không ngớt quay nhìn ra bên ngoài, đôi mắt bồn chồn như tìm kiếm một người nào đó trong số những người đi đưa tiễn đứng chặt trên sân ga. Khi đoàn tàu chuyển bánh, tôi thấy cô vội quay mặt lại, ngồi thụt vào phía trong như để tránh những cái nắm tay, vẫy tay, những lời từ biệt có lẫn nước mắt không phải giành cho cô. Đôi môi cô mím lại với một vẻ cương quyết và dứt khoát. Nhưng đến khi tàu rời sân ga một quãng xa khuôn mặt cô bỗng mềm đi, cặp môi hé mở run run. Cô lại quay mặt hẳn ra ngoài cửa sổ con tàu. Bên ngoài ánh điện của thành phố cứ lùi xa dần, xa dần... Tuy không nhìn thấy gương mặt cô gái lúc đó, nhưng tôi vẫn có cảm giác những giọt nước mắt nóng bỏng đang lăn trên hai gò má sáng hồng hào của cô.



— Này Chi, trông tôi già lắm có phải không? Buổi sáng ngày hôm sau, khi đã làm quen với nhau, tôi hỏi.

— Trời tối, trông anh già phát khiếp lên được. Hơn nữa, đối với những người con trai hơn tuổi mình, khi làm quen tốt nhất nên gọi chú, cô gái cười. Tàu đang qua vùng nào đây hả anh?

— Quỳnh Lưu. Vài giờ nữa sẽ tới Vinh. Tôi đáp.

— Thế còn Hàm Rồng? Cô gái hoảng hốt hỏi như vừa bỏ quên một cái gì đó.

— Qua khoảng hai giờ sáng. Lúc ấy Chi ngủ nên tôi không gọi.

— Tiếc quá. Vậy mà hỏi còn là học sinh em cứ ao ước được đi qua chiếc cầu ấy mãi. Thôi để vòng ra vậy.

Khi tôi nói rằng, bây giờ đi qua cầu Hàm Rồng, không ít người đã quên, chính ở cây cầu ấy, hơn mười năm trước đây đã xảy ra những trận đánh dữ dội và có không biết bao nhiêu máu của các chiến sĩ cao xạ, dân quân, thợ cầu đã đổ xuống, khuôn mặt Chi trở nên đăm chiêu. Từ lúc đó, cô không nói thêm gì với tôi nữa.

Suốt ngày hôm ấy, Chi luôn háo hức nhìn ra ngoài toa tàu. Nhiều khi như sợ mình chưa thấy được hết, được nhiều, cô rời chỗ ngồi ra đứng ở đầu toa. Đôi lúc tôi bắt gặp Chi đứng hát. Những lúc ấy trông Chi thật đẹp. Gió thổi làm mái tóc ngắn của cô bay lật về phía sau. Lồng ngực trẻ trung phập phồng vì hồi hộp. Chi mê mãi hát những bài hát của một thời mà lớp trẻ chúng tôi, trong những đêm ra mặt đường đào phá bom nổ chậm vẫn hát.

— Anh ạ, bây giờ người ta sống thế nào ấy. Em nhớ những năm chiến tranh phá hoại người ta sống khác cơ. Thế mà hồi đó em mới mười lăm tuổi.

Buổi tối khi không còn nhìn được gì khác ngoài vòm trời tối đen, cuộn cuộn chuyển động ngoài toa tàu, Chi nói với tôi.

— Khác là thế nào? Tôi hỏi.

— Ví dụ những gì ngày đó người ta làm dễ thì bây giờ người ta làm khó và ngược lại chẳng hạn. Chi đáp.

Ở chiếc ghế đối diện, người chồng đang thiu thiu ngủ chột mở mắt. Thì ra từ nãy đến giờ anh không ngủ mà vẫn lắng lẽ nghe câu chuyện của chúng tôi.

— Ở cơ quan tôi có một anh chàng rất lạ. Anh mỉm cười, góp chuyện. Anh ta ở chiến trường về và cứ giữ nguyên cách sống của một thời mà anh ta đã sống.

Sân cơ quan tôi có một cái ô gà lớn. Hàng ngày mọi người đều đi qua cái ô gà ấy nhưng không ai để ý đến. Trời mưa nước đọng lại ở đó rất bẩn. Nhiều lần anh ta đề nghị cơ quan lao động sửa lại nhưng không được chấp nhận. Thế là vào một ngày nghỉ, anh ta lẳng lặng mang xi măng, cuốc xẻng đến hi hục san lấp. Thấy mái nhà kho dột anh mang ngói đến dặm lại. Những việc làm trên không những không được khen mà còn bị mọi người mang ra đàm tiếu, chế giễu. Riêng anh ta thì rất bằng lòng và nhiều năm nay vẫn giữ nguyên cách sống như thế.

— Giá như ngày xưa thì anh ta đã được báo chí ca ngợi, được biêu dương rồi. Tôi nói.

Chi im lặng ngồi nghe chuyện. Đôi mày cong dưới vầng trán thông minh hơi cau lại. Hồi sáng, lúc tàu dừng đò đầu máy ở Vinh, tôi nhìn thấy Chi lễ mễ xách giúp hành lý của một bà cụ sáu bảy mươi tuổi lên tàu, lớn tiếng ở phòng trực của nhân viên, đòi họ phải thu xếp cho bà cụ chỗ ngồi vì theo Chi bà cụ đang đi vào biên giới thăm con trai. Không ai được phép đề một bà già như vậy ngồi ở đầu toa. Chi còn dọa nếu đề nghị của cô không được chấp nhận, cô sẽ làm âm lên ở phòng của trưởng tàu. Không biết vì vẻ đẹp quá quyến rũ của một cô gái hay vì giọng nói đầy sức thuyết phục của cô mà chỉ dăm phút sau, bà cụ đã có một chỗ ngồi đàng hoàng ở giữa toa. Tôi rất ngạc nhiên trước một cô gái Hà Nội ăn diện như vậy lại có một cử chỉ rất khác thường như vậy.

— Em chắc không thể sống được như anh gì ở cơ quan của anh. Một lát sau Chi nói. Nhưng em cũng không thích sống như người ta vẫn đang sống. Chen chúc, ích kỷ. Em thấy sao họ thay đổi nhanh thế. Như ba em chẳng hạn. Ông cụ là chiến sĩ Điện Biên. Hồi

chiến tranh, có hai người con trai, cụ không cho đi học nước ngoài mặc dù cả hai đều có giấy gọi mà yêu cầu các anh ấy nhập ngũ trước đã. Vậy mà bây giờ em học xong, ông cụ dứt khoát bắt ở Hà Nội, làm gì cũng được. Em học xây dựng mà ba em xin cho em vào làm việc ở một công ty thực phẩm nơi bạn ba em làm giám đốc! Em nhất định không chịu. Từ nhỏ em đã mơ ước được đi xa rồi. Thế là ba em nổi giận đùng đùng đòi từ em. Mẹ em thì khóc. Em chạy đến anh trai em, hy vọng anh ấy sẽ bênh vực em. Nhưng rồi cuộc anh ấy cũng khuyên em nên ở Hà Nội. Sau giải phóng anh ấy chuyển ngành về làm trưởng phòng ở một nhà máy. Em với anh ấy tranh cãi một buổi sáng. Cuối cùng anh ấy đuổi em ra khỏi nhà. Tính anh ấy nóng như lửa. Anh ấy bảo bây giờ không còn ai hâm như em nữa! Em bảo sao ngày xưa anh hăng hái như vậy mà bây giờ lại xịt như vậy, anh ấy bảo ngày xưa khác, bây giờ khác. Vả lại nếu biết như bây giờ anh ấy đã đi học nước ngoài rồi. Người chi mà kỳ cục. Đây là đâu hả anh?

Chi lại đột ngột hỏi. Tôi nhìn ra ngoài và nhận ra một tòa nhà lớn bị bom phá sập từ những năm trước chưa được xây dựng lại.

— Hình như mình đang đi qua Hương Phúc thì phải. Tôi đáp.

— Có phải Hương Phúc nơi đã xảy ra một vụ tàn sát học sinh của máy bay Mỹ không hả anh?

Tôi gật đầu, Chi ngồi im. Đôi mắt đăm đăm nhìn ra phía ngoài cửa sổ.

— Hồi em sơ tán về Đan Phượng, em có một anh bạn học cùng lớp rất thân. Một lát sau Chi kể — Chúng em họp nhau từng tý một. Trong tình bạn, không gì bền

bằng hợp tình nhau. Em thích ăn khoai nướng. Bạn ấy cũng thích ăn khoai nướng. Bạn ấy thích chơi bóng bàn; thích đọc Tônxtôi, em cũng thích như thế. Nhà bạn ấy rất nghèo, bố mẹ chỉ được mỗi một mình bạn ấy là trai. Học hết lớp mười, bạn ấy xung phong đi bộ đội. Hôm bạn ấy đi, em rất buồn, buồn nhớ đến nửa năm. Khi đã chuyển về Hà Nội, em vẫn thường vào thăm bố mẹ bạn ấy. Năm 1974, nghĩa là một năm sau nhập ngũ, bạn ấy hy sinh ở Bình Định.⁹ Có người ở đơn vị bạn ấy về nói hản hoi mà mẹ bạn ấy nhất định không chịu tin, nhưng người cụ cứ héo mòn đi. Rồi có giấy báo tử. Hôm Ủy ban xã làm lễ truy điệu, mẹ bạn ấy vẫn khăng khăng bạn ấy còn sống và không chịu công nhận lễ truy điệu. Nhưng từ đó mái tóc cụ cứ sồ bạc từng mảng, đôi mắt mờ hản đi. Ban sáng em nói dối anh đi Nha Trang thăm bà di kỳ thực em vào Hoài Nhơn thăm mộ bạn ấy, trước khi em quyết định đi nhận công tác xa. Em biết quyết định này sẽ làm ba em nổi giận, thậm chí dẫn đến việc từ em. Nhưng em không thể chấp nhận sống theo ý muốn của cụ. Hôm em lên tàu mẹ em đang nằm ở viện. Lúc ở ga, em chỉ mong ba em nghỉ lại, ra ga tiễn em. Đã hai tuần cụ không nói gì với em. Điều đó đối với em là một hình phạt rất nặng. Em rất thương ba em. Nếu cụ ra, có khi em sẽ chiều theo ý cụ ở lại Hà Nội cũng nên. Nhưng thật buồn và cũng thật may cho em. Không có ai ra ga tiễn em cả.

Chi dừng lại, đôi hàng mi dài và cong chớp chớp, hai cánh mũi nằng nặng. Tôi bỗng cảm thấy thêm muốn được như người chiến sĩ nào đó đang lặng lẽ nằm dưới mặt đất của chiến trường cũ, đang được một cô gái đẹp như vậy, giàu tình cảm và cương nghị như vậy nhớ đến và thương yêu. Tuy Chi không nói nhưng tôi biết Chi đã yêu người chiến sĩ ấy. Tình yêu càng về sau càng sâu nặng và bây giờ cô đang đến với anh

như tìm đến với một sự đồng tình, một chỗ dựa. Chi đã không dựa được vào người sống, cô phải dựa vào những người đã mất. Tôi chợt thấy lòng se se buồn, nỗi buồn như biết một cái gì đó rất đẹp đang đi qua cuộc đời của mình. Nỗi buồn cùng với tốc độ con tàu đẩy tôi tới gần cái giờ phút chia tay với Chi, người bạn đường bé nhỏ, hoàn toàn tinh cờ, nhưng đã làm tôi choáng ngợp ngay từ những giây phút đầu tiên. Trong cuộc đời, có những con người mà chỉ được sống gần họ ta cũng đã cảm thấy chứa đựng biết bao hạnh phúc. Đối với tôi, Chi là một con người như thế. Suốt trong khoảng thời gian hiếm hoi còn lại trên tàu, Chi không hề nói gì thêm với tôi. Cô bị thiên nhiên, những khung cảnh mới lạ của đất nước cuốn hút. Có thể nhiều lúc cô đã quên sự có mặt của tôi, nhưng đối với tôi, không một giây phút nào tôi không hướng về cô. Đêm ngày thứ hai, tàu đến một ga xếp thì đột nhiên dừng lại. Thông thường tàu nhanh không dừng ở ga này. Từ đầu toa, tôi thấy Chi chạy lao về phía tôi:

— Anh lấy giùm em cái túi. Em xuống ở đây.

— Sao Chi bảo vào tới Quy Nhơn kia mà. Tôi hỏi không giấu được vẻ thẳng thốt.

— Xuống ở đây tiện hơn. Trước em tưởng tàu không dừng ở ga này. Từ đây đến chỗ bạn ấy em phải đi một ngày đường nữa. Ở Hoài Châu bạn ấy có một người mẹ nuôi, em sẽ nhờ cụ dẫn đường đến chỗ bạn ấy.

— Nhưng trời tối thế này...

— Em sẽ nghỉ lại ở ga. Em đi nhé. Về Hà Nội nhớ đến nhà em chơi.

Tôi chỉ kịp đưa Chi ra đến cửa toa tàu thì con tàu đã chuyễn bánh. Trong bóng đêm, tôi thấy Chi hấp

tấp nhảy lùi lại ngã xô vào một đồng đá nhưng cô vùng dậy ngay, đưa tay lên vẫy. Bóng của Chi nhòe dần. Tôi cảm thấy chóng chệnh, buồn bã. Rất lâu tôi mới trở lại chỗ ngồi. Tôi lo cho Chi. Không biết có điều gì không may sẽ xảy ra với Chi ở cái ga xếp hoang vắng ấy hay không?

Sau chuyến đi với những nỗi buồn nhớ mơ hồ và dai dẳng ấy, tôi trở về Hà Nội, tiếp tục sống một cuộc sống buồn tẻ với người vợ của tôi. Cũng cần nói thêm rằng, tôi là một người lính nhập ngũ năm 1968, đã từng mở đường Trường Sơn và tham gia một trong những trận đánh lớn nhất ở cửa ngõ Sài Gòn. Năm 1975, tôi được gửi đi học ngành báo chí và mới về nhận công tác ở một tờ báo cách đây vài năm. Sau khi ra trường tôi xây dựng gia đình với một cô gái làm việc ở cơ quan ngoại thương. Có thể nói trước ngày cưới chúng tôi chưa hề có tình yêu. Vợ tôi là một người đơn giản trong tình cảm, còn tôi lúc ấy do hoàn cảnh, rất cần xây dựng gia đình. Một người bạn của vợ tôi đã giới thiệu chúng tôi làm quen với nhau và chỉ nửa năm sau chúng tôi đã thành vợ chồng. Cơ quan vợ tôi thu xếp cho chúng tôi một gian nhà nhỏ và chúng tôi tạm sống ở đó.

Nhìn bề ngoài dễ lầm tưởng vợ chồng tôi sống rất hạnh phúc, kỳ thực giữa hai chúng tôi là một khoảng cách lớn. Ở với nhau được vài tháng, tôi mới hay rằng vợ tôi ngoài thời gian làm việc ở cơ quan còn chịu khó «chạy» ngoài rất nhiều. Hầu như rất ít buổi tối vợ tôi có mặt ở nhà. Nhiều hôm tôi nấu cơm rồi ngồi đợi cho đến lúc nồi cơm đã lạnh tanh vợ tôi mới dắt xe về. Hôm nào trúng mối vợ tôi rất vui. Cô ấy lấy trong túi ra nào giò, chả, hoa quả hoặc một mảnh vải nào đó. Hôm nào về tay không, cô nằm dài ra giường.

mở một băng nhạc vàng vọt, thổi dài than vãn mấy câu rồi ngủ thiếp đi.

Bởi là những tháng đầu nên tôi chưa can thiệp vào công việc của vợ tôi. Đồi lần tôi ước thử thì cô lấy một ngón tay gí nhẹ lên trán tôi: .

— Không chịu khó «chạy» thì bữa ăn chỉ có rau thối, cứng ạ. Anh cứ yên tâm, em không làm ăn phi pháp đâu. Bây giờ không có ai chỉ sống bằng đồng lương của mình cả.

Tôi sợ nhất những chuyến đi công tác về các tỉnh phía nam. Vừa thu xếp hàng cho tôi mang vào, vợ tôi vừa dặn căn kẽ chỗ «đỗ» rồi dặn những thứ hàng mua ra. Dĩ nhiên tôi không thể làm vừa lòng vợ tôi và thế là những trục trặc nhỏ đã xuất hiện ngay từ những chuyến đi đầu tiên. Chuyến đi lên cao nguyên mới đây cũng vậy. Khi vợ tôi xếp vào túi tôi một vài gói thuốc gì đó, khăn khăn bảo tôi chỉ đến đưa cho bà chị vợ tôi ở Buôn Mê Thuột mà không phải nói một lời nào, tôi cũng dứt khoát từ chối. Kết quả buổi tối hôm đó, vợ tôi bỏ mặc tôi khoác ba lô ra ga với chiếc bụng lép kẹp nhưng khi vào tới nơi, tôi lại nhận được một bức điện tín nội dung rất ngắn gọn: «Tha lỗi cho em. Mong anh trở về sớm».

Càng ngày tôi càng nhận thấy mình đã chọn lầm nhưng không thể thay đổi được nữa. Tôi đành chấp nhận sống chung với một sự giả dối và đành làm ngơ trước sự hoành hành của nó. Tôi luôn cảm thấy mình đang phản bội lại chính mình, phản bội lại bạn bè, cùng với những gì mà mình đã sống qua cả một thời tuổi trẻ ở chiến trường.

Chính vì vậy nên khi gặp Chi tôi lập tức bị cuốn hút, bị chinh phục. Hình như ở Chi có tất cả những gì mà

tôi đang thiếu, đang tìm kiếm. Lúc nào hình ảnh Chi cũng hiện lên trước mắt tôi : khuôn mặt thông minh, trong sạch, dáng người cân đối.. Tôi rất nhớ về mặt khó chịu của Chi khi nghe tôi kể về sự bối rối của tôi trong quan hệ với vợ : « Anh phải dứt khoát đặt ra trước chị ấy hai sự lựa chọn : một là hạnh phúc gia đình, hai là việc chạy chọt của chị ấy. Em là anh thì mọi sự đã xong rồi ! ». Chi nói, không cần tính xem nói như vậy tôi có tự ái hay không. Có lẽ những người Chi ghét nhất trên tàu là những người buồn gian bán lậu. Một lần tàu đang chạy qua phía nam Quảng Ngãi thì một thiếu phụ chừng bốn mươi tuổi ăn vận diêm dúa từ đầu toa chạy xô lại phía tôi và Chi, vội vã ấn vào chân chúng tôi một gói hàng gì đó, khẩn khoản nhờ chúng tôi coi hộ. Tôi còn đang chưa biết xử lý thế nào thì Chi đã đứng phắt dậy, khuôn mặt đỏ ửng : « Bà phải mang ngay đi chỗ khác, nếu không tôi sẽ báo với phòng thuế ». Lúc người đàn bà đã ôm bọc hàng giúi sang một lô ghế khác, Chi bảo tôi : « Anh đừng thương hại họ. Hồi trường em đi tham gia đánh thuế công thương nghiệp, em rất biết họ. Chỉ lát sau, xuống ga, anh hãy mua hàng của họ mà xem, đừng hy vọng họ sẽ bán rẻ dù rằng anh vừa cứu giúp họ ».

Vào một buổi chiều, sau bao nhiêu phân vân, đắn đo, không cưỡng lại được một ý muốn quá mạnh mẽ, tôi tìm đến nhà Chi. Những câu hỏi về cô luôn cản dứt tôi. Tôi muốn biết Chi đang ở đâu, liệu đến giờ phút chót Chi có chịu chấp nhận những đòi hỏi của ba cô hay không? Một cô gái chưa từng bước vào đời đã dám chống lại quan niệm sống của ba, anh mình, những người đã có bề dày của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ; liệu cô gái ấy có đứng vững được hay không? Tôi lo Chi sẽ bị bề gãy

vì cô rất thương yêu ba cô và ân náu sau cái vẻ cứng rắn, cương quyết của cô vẫn là một sự mềm yếu không những chỉ của tình cảm mà còn của lý trí nữa.

Loanh quanh vài vòng dọc một đường phố lớn, tôi đã tìm thấy nhà Chi. Đó là một tòa biệt thự cũ với những bức tường dày và những ống khói lò sưởi trên mái ngói. Sân nhà có nhiều chậu cảnh được chăm chút xen tia chu đáo. Tôi gõ cửa. Có tiếng dép lê nặng nề trên nền nhà rồi một người đàn ông trạc ngoài năm mươi lộ mặt qua khe cửa. Tôi nói lý do đến thăm lập tức bị kéo ngay vào phòng khách. Người đàn ông có vầng trán cao, đầy nếp nhăn, khuôn mặt hơi xỉ hồng hào. Ông mời tôi ngồi nhưng không rót nước tiếp tôi mà nói ngay, như đang bị dồn nén và muốn có người, bất kể là ai để trút ra cho nhẹ lòng:

— Cháu hỏi con Chi hả? Nó đi rồi, nó đi Tây Bắc rồi, cháu tính nhà cửa bác thế này, có thể đủ chỗ ở cho cả chồng con nó. Bác phải vất vả lắm mới xin được cho nó ở Hà Nội. Dù không trúng nghề nhưng cứ tạm cái đã, sau bác sẽ lo tiếp. Vậy mà nó vẫn một mực bỏ đi. Nó bỏ mẹ nó đang còn nằm ở bệnh viện, bỏ bác. Buổi tối hôm đó, nó đi đâu về rất khuya. Bác ngồi đây, anh nó ngồi đây. Nó cũng ngồi xuống bên cạnh chỗ cháu ngồi đó rồi biểu: « Ba ạ, ngày mai con đi Tây Bắc ». Rồi nó đưa cho bác một tờ giấy chi đó. Thế là bác ảm ảm lên. Bác mắng nó, chửi nó. Giá lúc ấy nó khóc hoặc xin lỗi bác thì có lẽ bác đã chiều theo ý nó. Đẳng này, nó cứ ngồi yên như tượng rồi đứng dậy đi về buồng của nó. Bác biết suốt đêm nó không ngủ. Sớm hôm sau nó đi, để lại một mảnh giấy xin lỗi ba mẹ loang lổ nước mắt. Bác vội vã phóng xe ra bến Nứa thì xe đã chạy rồi. Thế là không có ai đi tiễn nó hết. Chui cha, nó ích kỷ quá chừng! Cháu

có thân với nó không? Nếu thân thì giúp bác viết thư kêu nó về. Về lúc này cũng chưa muộn. Bác đã thu xếp với bên xây dựng, họ đồng ý rồi. Ở Hà Nội nó muốn gì có đó. Một mình một buồng, có máy nghe nhạc, xe đạp loại tốt nhất... Trời, bác còn lạ gì Tây Bắc. Mùa mưa, mùa nắng đều cực, cực lắm. Con gái như nó ngủ đờng, ngủ rùng chịu sao thấu. Bác đã từng là lính đánh Điện Biên bác biết. Nó tưởng Tây Bắc bốn mùa đều là mùa của hoa ban thơ mộng mà nó vẫn thấy trong phim ảnh...

Tôi như người hươc hụt, đành ngồi ngẩn ra nghe người cha đang kể tội đứa con gái yêu nhất của mình. Tôi vừa buồn, vừa mừng cho Chi. Thế là Chi đã đi đúng con đường mà hơn hai chục năm trước bà cô và biết bao người thuộc thế hệ ông đã đi. Vậy thì cái gì đã khiến người lính già ấy hôm nay ngăn cản bước chân của con gái mình? Tôi muốn nói với ông rằng: Chi không phải là một cô gái nông nổi, rằng rồi đến một lúc nào đấy ông sẽ hiểu Chi và ủng hộ quyết tâm trong sạch của cô..

Lúc đứng dậy chào ông đi về, tôi có nói với ông vài ngày nữa tôi sẽ lên đường đi Tây Bắc và sau đó sẽ đến vùng lòng chảo Điện Biên. Tôi hoàn toàn không ngờ câu nói mang tính chất xã giao ấy đã làm ông xúc động. Khuôn mặt ông chợt đổi khác, bối rối. Ông nắm lấy cánh tay tôi. Bàn tay khô khan của ông hơi run run và cứ đứng như vậy ở ngưỡng cửa, ông say sưa nhắc lại với tôi năm mươi sáu ngày đêm ông và những người đồng đội của ông đã trụ bám, giữ bàn đạp dưới chân đồi A1. Cặp mắt ông lúc đó ngời lên một thứ ánh sáng mà có lẽ còn rất ít thấy ở những người đã có tuổi.

- Chà, vậy mà đã hơn hai chục năm... Cũng có thể con Chi nhà bác... nếu cháu gặp nó... ông ngập ngừng dừng lại rồi khoát tay, khuôn mặt ông lại trở về cái trạng thái bực dọc cũ. Mà thôi, bác biết nó sẽ không chịu về đâu. Bác coi như không có nó...

Tôi hoang mang trở về, nghĩ rằng người cha ấy tự mâu thuẫn biết bao.

Một tuần lễ sau, tôi cầm giấy công lệnh lên đường đi Tây Bắc. Tôi được tòa soạn giao nhiệm vụ viết một loạt bài báo về những thế hệ sau Điện Biên đang sống và làm việc trên vùng địa bàn rộng lớn đó. Tôi hy vọng trong chuyến đi này có thể tìm gặp được Chi. Tôi khao khát gặp Chi giống như mấy tháng trước đây, Chi đã khao khát đến với người chiến sĩ để tìm một chỗ dựa. Xin bạn đọc đừng hiểu lầm ý muốn của tôi. Nhưng cũng thật khó nói cho mình bạch tình cảm của tôi lúc này. Chỉ biết rằng với tôi, Chi là một tiếng gọi. Chắc hẳn Chi đang ở một đoạn đường nào đó trên những con đường dài dặc lên Tây Bắc. Cũng có thể Chi đang ở Điện Biên.

PHÁC VĂN

TỪ ĐƯỜNG ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐẾN
ĐIỆN BIÊN PHỦ

Bất kỳ

Điện Biên Phủ!

Chỉ gọn ghẽ trong ba từ ấy mà lòng tôi nôn nao chờ đợi chuyển đi. Ba chục năm rồi, lần này cái ước ao trở lại với Điện Biên Phủ tôi mới được thực hiện.

Sự chờ đợi càng nôn nao bao nhiêu, thì những kỷ niệm về chiến dịch Điện Biên Phủ càng hiện ra nhiều bấy nhiêu. Chỉ riêng vầng trăng thoáng hiện trên bầu trời Hà Nội, tôi đã có biết bao điều đáng nhớ.

Tôi không thể nào quên vầng trăng trong đêm đầu tiên ở thôn Gia Điền (Phú Thọ) chiếu tỏa cho sư đoàn chúng tôi lên đường. Đêm ấy trăng rất sáng, sáng đến nỗi, cứ mỗi một chặng nghỉ, tôi có thể đem sách, báo ra đọc những tin tức nóng hổi và đầy xúc động của phong trào giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất ở quê nhà, để động viên anh em hành quân. Và, trăng còn sáng đến nỗi chúng tôi kiểm tra được nòng súng có bị han gỉ hay không?

- Các anh lên đường mạnh khỏe nhé!

- Thế thì chưa đủ đâu, các cô ơi!
- Thăng to nhé! Đủ chưa?
- Vẫn chưa đủ.
- Nhớ về Gia Điền nhé!

Những câu đối đáp ấy hình như cũng làm bóng trắng xôn xao trên vòm lá sắn và trên mặt các ao, hồ cạnh đó. Thực lòng mà nói, người lính chúng tôi ai dám quên những lời hò hẹn ấy. Xóm làng thì cứ râm ran khắp các ngã đường khi chúng tôi bắt đầu hành quân đi chiến dịch, ấy vậy mà kẻ thù cứ dinh ninh chúng tôi còp ở lại đó cho đến khi chiến dịch mở màn. Chỉ có vàng trắng là biết cả và cũng chỉ có vàng trắng là che giấu cho chúng tôi lên đường.

Chẳng biết duyên nợ thế nào giữa những đêm kéo pháo của chúng tôi, giữa cái rét buốt và mịt mùng sương muối của vùng rừng núi Tây Bắc, vàng trắng cũng có mặt, khi thì sáng náo nức hồ hởi, khi thì chỉ mờ mờ. Những bàn tay kéo pháo đã tê dại vì buốt cóng, nhức nhối vì xiết chặt các dây cáp, thừng, chèo, lại vẫn có những đêm như đêm ở chân đồi « ông Mậu » dưới bóng trắng bàn tay chúng tôi múa lên rất dẻo, rất duyên dáng và mạnh mẽ.

Cho đến một đêm. Đêm thiêng liêng và đầy hùng khí của giờ phút lịch sử. Giờ phút mở toang cửa Điện Biên. Trận đánh Him Lam bắt đầu! Đêm ấy trăng cũng hiện ra rất sáng. Tuy nhiên, không phải ngay từ phút đầu, tôi đã có thể nhận ra trận đánh diễn biến dưới bóng trắng, mà cho đến lúc sau trận thắng. Lúc ấy, tôi được Ban chỉ huy tiền đoàn 428 phân công ở lại làm nhiệm vụ thu dọn chiến trường và giải quyết công tác thương binh, liệt sĩ. Công việc này, đối với cán bộ chính trị, là một việc hết sức quan trọng. Có

thề sai phạm cái này, cái nợ trong phạm vi quan hệ nội bộ, chứ còn công tác thương binh, liệt sĩ thì hoàn toàn không thể tha thứ nếu ai mắc phải sai sót. Đêm ấy, tôi ở lại cùng một tiểu đội tải thương, trăng sáng lạ lùng, sáng đến nỗi tôi mừng thầm: không có lý do nào để sót anh em nằm lại chiến trường. Cũng vì trăng sáng mà tôi nhận ra thể ngồi bịt lỗ châu mai số 3 của anh Phan Đình Giót. Anh ngồi đó như một bức tranh của Gôganb, người mang đầy vết đạn. Tôi liền báo cáo lại với trung đoàn rồi trực tiếp báo cáo với chính ủy sư đoàn. Sau đó một vài lần đến với anh em thương binh của trận Him Lam để thăm tra lại hành động anh hùng của Phan Đình Giót, tôi đã viết về anh. Tôi còn nhớ, truyện «Phan Đình Giót lấy mình lấp lỗ châu mai» lúc đầu được loan đi trên Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam và truyền đi trong các sư đoàn tham dự chiến dịch. Như một luồng sinh khí mới thổi vào chiến dịch làm rung chuyển các căn cứ của địch. Đến sau này, trước ngày giải phóng thủ đô, truyện anh Giót đã in thành sách song tôi còn rất nhiều truyện về anh Giót. Nhưng thôi, tôi muốn trở về với duyên nợ của ánh trăng.

Cũng lại một đêm trăng sáng, cán bộ chúng tôi được triệu tập đến nghe Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp trực tiếp căn dặn về nhiệm vụ chiến đấu đợt hai chiến dịch. Có đoạn Đại tướng nói: «Chiến đấu cũng có thể ví như đánh cờ... các đồng chí phải hết sức tỉnh táo bình tĩnh, kiên quyết giành lấy thắng lợi cuối cùng». Đêm ấy, vượt rừng, vượt suối về với đơn vị đang chiếm giữ đồi E1, tôi chợt nhận ra ánh trăng xanh lạ lùng, ánh trăng cứ len lỏi, thấp thoáng theo bước chân chúng tôi. Cho đến lúc ngồi quây quần với anh em trong chiến hào, dưới ánh trăng, chúng tôi đã thảo luận về ý đồ của Bộ chỉ huy chiến dịch. Bộ tổng

lư lệnh và trên tất cả là Bộ Chính trị của Đảng. Các đồng chí nhìn thấu suốt diễn biến của chiến dịch, đã nói ra cho chúng tôi đề kịp thời củng cố tổ chức lực lượng chiến đấu. Càng đi sâu vào đợt hai chiến dịch, tôi càng thấu rõ hơn sự sáng suốt ấy. Và cũng chính vào đêm ấy, dưới ánh trăng, tôi không sao ngủ được, mặc dù rất mệt. Tôi lồm cồm bỏ dậy, ánh trăng sáng quắc chiếu chênh chếch miệng hầm, tôi quyết định viết bài «nhát xêng», và gửi về tờ báo đặc biệt phục vụ chiến dịch, tờ Quân Đội Nhân Dân, chỉ mấy ngày sau tôi đã được đọc bài bút ký ấy. Bài báo đã ra đời trong ánh trăng xanh lạ lùng của chiến dịch phục vụ cho chiến thuật tài hoa: «đánh lẩn» lúc bấy giờ.

Ngày 7 tháng 5, Điện Biên Phủ chiến thắng. Trong niềm vui dào dạt trũng chừng cả núi rừng vỡ ra, cán bộ chiến sĩ nhảy múa cả lên ấy, đêm đó tôi nhận ra vầng trăng đang vút hồng trên vòm trời xanh biếc của lòng chảo Điện Biên Phủ. Vầng trăng như cũng cùng chúng tôi bay lên, la đà sung sướng đến chảy nước mắt. Vầng trăng bay trong những đám mây trắng óng ánh và trong những cột khói trắng nhạt từ các cứ điểm bay lên. Đêm ấy, tôi đứng trên nóc hầm Đờ Cát, dưới bóng trăng, và chứng kiến quang cảnh cả Bộ tham mưu của Đờ Cát lốc xốc kéo ra hàng. Một tên trong Bộ tham mưu của Đờ Cát cứ chăm chăm nhìn xuống dòng Nậm Rốm lấp loáng ánh trăng.

— Anh hôi hám quá phải không? Tôi hỏi hấn bằng tiếng Pháp. Hấn e sợ cúi đầu và đáp:

— Vâng! Tôi rất muốn được ông cho phép tôi tắm tấp một lát. Nói đến đây hình như hấn cũng chẳng cần gì đến sự có mặt của cấp trên và đồng đội của hấn. Hấn nói tiếp, nói rất to và giận dữ:

— Thật khốn kiếp! Chúng tôi đã sống bần thủ như những con lợn... Những con lợn! Hấn nhắc lại một cách đay nghiến: « Những con lợn ».

Tôi an ủi hấn:

— Được rồi! Chắc chắn là anh sẽ được tắm rửa thỏa mãn. Nào, hãy đi vào hàng ngũ cho trật tự.

Chừng như hấn có người giận đi và chợt nhận ra rằng hấn đã tách khỏi hàng ngũ khi hấn quát tháo vừa rồi, hấn lặng lẽ bước vào hàng. Nhìn bọn tướng tá Đờ Cát cúi gằm mặt bước đi, những cái mặt đen kịt lại dưới bóng trắng, hấn lên nền trời Điện Biên, tôi chợt nhớ đến những tờ truyền đơn của Đờ Cát. Giọng nói trong tờ truyền đơn đầy kiêu ngạo và thách thức, đại ý hấn mời Đại tướng Tổng Tư lệnh của chúng tôi và các đơn vị quân đội Việt Nam vào Mừng Thanh ăn Tết. Tôi khẽ mỉm cười, lặng lẽ ngắm đám tướng tá thực dân này đang đi dưới bóng trắng.

— Eo ơi! Tày!

— Tày, chúng mày ơi!

Tiếp đó là những tiếng cười giòn giã, những vạt nước tung tóe, mặt sóng con sông Nậm Rốm ở bên đường cứ rung rinh. Tôi hỏi to, hướng vào một đám lau lách ven bờ:

— Các cô dân công phải không?

— Còn ai nữa! Thanh Hóa đây! Cả Phú Thọ nữa đấy.

Lại cười. Lại nói:

— Sao các anh không lột xác chúng nó đi, lại còn dong vói đuôi làm gì?

Rồi tất cả những câu nói, tiếng cười lại chìm đi trong bóng trắng...

Đêm trăng ở sở chỉ huy sư đoàn. Viên tướng bại trận Đờ Cát lặng lẽ cúi đầu, cái cúi đầu hơi nghiêng nghiêng, một con người rất lâu cá, bướng bỉnh và cao ngạo lắm đây, ngay lúc ấy tôi đã có nhận xét như thế về Đờ Cát. Còn đồng chí Chính ủy sư đoàn vui mừng lắm, nhưng vẫn cố giữ một vẻ nghiêm chỉnh, đồng chí hỏi viên tướng bại trận:

— Ông có biết vì sao các ông thua trận không?

Không trả lời ngay, Đờ Cát lại nghiêng nghiêng cái đầu nhìn lên, đúng là cái dáng của sĩ quan Pháp, cái dáng « lính tráng » có trường lớp, sau đó mới chậm rãi nói:

— Chính tôi thua vì một loại vũ khí mới.

Chính ủy sư đoàn bật tiếng cười rõ lớn:

— Cho đến lúc này, ông vẫn chưa nhận ra chân lý.

Dừng lại một lát, chính ủy nói tiếp:

— Ông có nhận ra ai đây không?

Chính ủy vừa nói, vừa trở vào một chiến sĩ, người thanh mảnh. Dưới bóng trăng, tôi vẫn nhận ra cặp mắt linh lợi của Nguyễn Đăng Vinh. Viên tướng bại trận lại một lần nữa nghiêng nghiêng cái đầu để nhìn người chiến sĩ trẻ măng. Đờ Cát nói ngay, tuy nhiên vẫn giữ một vẻ thận trọng:

— Người lính đầu tiên đến căn hầm của tôi.

Vẫn có thói quen, thường hay pha một chút bông đùa trong cả lúc nghiêm chỉnh nhất, chính ủy của chúng tôi cố ý hỏi lại:

— Có đúng là người này không?

— Tôi không nhầm. Đúng, anh ta đó.

— Vậy thì, các ông nên biết rằng các ông đã thất trận vì những người chiến sĩ như thế này.

Câu chuyện còn tiếp diễn. Bóng trăng đêm ấy cũng vẫn rọi sáng trông cánh rừng Điện Biên và còn rọi sáng, lấp lánh mãi trong tôi vẻ đẹp cao khiết và hùng vĩ.

Chỉ có điều tôi không ngờ rằng từ đêm ấy, sau khi bàn giao đám tù binh ấy, cả đơn vị về xuôi nhận nhiệm vụ khác, tôi không còn một dịp nào trở lại với Điện Biên Phủ. Thấm thoát đã ba chục năm rồi!

Trong lúc chờ xe, tôi cứ đi đi lại lại trên hè phố đường Điện Biên Phủ. Đường Điện Biên Phủ bắt đầu từ ngã tư Cửa Nam chạy thẳng đến hội trường Ba Đình và lăng Hồ Chủ tịch. Vậy là lần này, tôi đến với Điện Biên Phủ đã xuất phát từ đường Điện Biên Phủ. Tôi có cảm giác như một tú thơ của nhà thơ lớn Ấn Độ Ta-go. Thật khó phân biệt đâu là thực, đâu là mộng. Và cả hai đều tạo nên một niềm xúc động sâu xa trong tâm khảm tôi.

Đường Điện Biên Phủ! Vẫn những ngọn gió, vẫn những hàng cây bóng rợp, lá cứ xanh ngắt bốn mùa, những cây phượng vĩ đã trút hết lá để chuẩn bị cho một mùa hoa đỏ rực rỡ ra đời và vẫn những cây cọ, cây dừa trong công viên Tây Sơn với những tàu lá nom như những chiếc lược lớn, động gập gió lại dung đưa. Vẫn cột cờ Thăng Long cao ngất như một cánh tay khổng lồ vươn thẳng lên trời. Vẫn cổng gác cửa Bắc với các đồng chí chiến sĩ thân yêu của tôi, quân phục chỉnh tề. Vẫn những ngôi nhà đại sứ các nước xa gần ẩn hiện trong các vườn cây. Vẫn lòng đường rộng và phẳng ào ào người, xe đi lại như mắc cửi. Chỉ có điều về mùa rét thì sặc sỡ đủ các kiểu quần

áo ấm, chống rét. Và trong đám người qua lại ấy, ngày ngày tôi vẫn gặp một cô gái. Hai cặp mắt vẫn thường hay ngó vào nhau, một thoáng mỉm cười, không ra chào cũng không ra thân thiết. Thậm chí tôi cũng không biết rõ cô gái ấy ở đâu, làm gì, gia đình và hoàn cảnh của cô ra sao. Nhưng lại cứ như người thân quen nhau lắm. Cô có mái tóc xanh mượt mà, nước da trắng đẹp như màu hoa hồng bạch, và có chiếc xe đạp hồng mát một bên phanh phía tay trái đã hai, ba tháng vẫn chưa chữa xong. Cứ như là thoáng qua, như trong mộng ấy, thế mà cũng gây cho tôi một niềm xúc cảm nào đó không thể thiếu. Cô gái ấy, sáng nay, vừa đạp xe qua. Có lẽ có công việc gì bận bịu lắm, cô đạp rất nhanh, chiếc xe vẫn hồng chiếc phanh bên trái ấy lao đi... Cuộc sống lại diễn ra cả những mẫu đời như thế tưởng như không quen biết! Vậy mà da diết, gấn bó. Vậy mà... nó tạo ra cuộc sống, thực sự là cuộc sống.

— Xin mời các đồng chí lên xe.

Đồng chí trưởng đoàn chuyển đi này ân cần nói như vậy. Trong lúc tôi đang lúng túng tìm được chỗ ngồi trong chiếc xe ca, thì đồng chí trưởng đoàn lại vẫy tôi:

— Mời anh, mời anh lên xe «tiền trạm» với chúng tôi!

Chiếc xe con vừa đỗ xích ở phía trước được gọi là xe «tiền trạm». Đã lâu lắm tôi mới lại được nghe hai tiếng «tiền trạm». Tiền trạm có nghĩa là đi trước, thu xếp chỗ ăn chỗ ngủ cho anh em đơn vị, như đi chiến dịch ấy, khi anh em đến thì đã đâu vào đó cả rồi. Cũng chỉ có khác với đi chiến dịch, lần này «tiền trạm» chúng tôi đi ban ngày, đi bằng xe con. Tôi nói với đồng chí trưởng đoàn:

— Gì chứ «tiền trạm» thì rất hợp với tôi! Xin sẵn sàng chấp hành mọi mệnh lệnh của trưởng đoàn.

Ngắm lại một lần nữa đường Điện Biên Phủ của thủ đô vào lúc mặt trời vừa lên cao. Ánh nắng chênh chéch của ban mai thực sự gây nên một vẻ đẹp đặc biệt của mọi hình khối trong thành phố. Vả lại đang giữa mùa đông mà có ánh nắng, điều đó thú vị vô cùng. Tôi cứ muốn nhaoi ra khỏi thành xe để đón nắng. Khi chiếc xe chúng tôi tạt vào đường Bạch Mai, qua dãy nhà năm tầng của khu tập thể Kim Liên, rồi qua chùa Bộc để đón một đồng chí cán bộ đại diện Cục công binh thì trời nắng bùng lên! Nắng chan hòa! Cũng từ lúc ấy, chiếc xe «tiền trạm» chúng tôi đi vào con đường chính để vù qua thị xã Hòa Bình, qua công trình thủy điện có điện năng lớn nhất Đông Nam Á đang được các đồng chí Liên Xô tận tình giúp đỡ. Rồi qua nông trường liên hợp Mộc Châu để đến với Điện Biên Phủ. Nắng cứ rạng rỡ dọc đường. Những mảng nắng nhấp nhô theo các sườn núi, sườn đồi chen lẫn vào với những khung tường các ngôi nhà mới dựng, mới quét vôi. Nếu ai có dịp qua lại Châu Mộc vào những năm 1960, những năm chống Mỹ sẽ nhìn ra sự phát triển, mạnh mẽ, tung bùng của khu đất nông trường. Thật khó hình dung nổi những quả đồi heo hút, rậm rì, còn có những vết chân hổ, bây giờ đã dựng lên cả một khu chăn nuôi bò sữa thịnh vượng. Con suối ven đường bạn đã có lần đến tắm táp hoặc giặt giũ bây giờ chẳng để lại cho bạn cái hoang dã như trước. Ở trên đây đã có một hội trường lớn. Một hội trường hiện đại có thể chứa mấy nghìn người. *Đêm Châu Mộc, chúng tôi dừng lại nghỉ ở đây. Được uống sữa tươi. Được nhắm nháp vài bắp ngô nướng. Thú vị hơn cả, tôi còn được thưởng thức một chương trình văn

nghệ ca, múa, nhạc của anh chị em sinh viên trường Đại học Nông nghiệp đến đây thực tập biểu diễn. Nhịp điệu của đêm diễn thật sống động, tươi vui, nhịp điệu của thời đại công nghiệp đang phát triển. Hình ảnh ấy là những giấc mơ của các chiến sĩ Điện Biên Phủ, khi chúng tôi đi qua Mộc Châu. Cũng lại là một đêm trăng sáng. Tôi cố ý đi bộ từ nhà đồng chí phó giám đốc nông trường liên hợp đến hội trường, lúc về cũng thế, tôi đi trong tiếng nói, tiếng cười sỏi sỏi, vô tư của anh, chị em công nhân nông trường.

Đêm trăng cao nguyên lần này có khác trước. Tôi cảm thấy những tia sáng của vầng trăng có dịu bớt đi, mờ mờ, mờ mờ sáng trong mỗi căn nhà của nông trường. Một cháu bé đi bên tôi—khi nghe tôi nói:

— Trăng vào các nhà đẹp quá!

Cháu chữa lại:

— Điện đấy, chú ạ! Chú không biết điện à?

— Tôi cười: — Thế ở đây điện có đủ thấp không?

— Suốt ngày, suốt đêm, cứ liên tục.

— Thích nhỉ?

Tôi lắng sang chuyện khác:

— Cháu học lớp mấy? Lớp bốn hả?

Cháu tròn xoe mắt:

— Sao chú biết?

— Ồ, phải phỏng đoán chứ! Cháu là con bố nào đấy?

— Bố Đức ở xưởng cơ khí.

— Thế thì cho chú gửi lời hỏi thăm bố cháu, mẹ cháu, hỏi thăm cả đại đội công binh ngày xưa ngày xưa. À này, sách học của cháu có đủ không?

— Sách gì cơ ?

— Sách toán, sách sử chẳng hạn.

— Vô thiên lủng, chú ạ! Tha hồ, không thiếu thứ gì.

Niềm vui nho nhỏ từ cháu bé cứ lây lan sang tôi. Quả thật đã lâu lắm tôi mới lại có được một đêm trăng như thế. Thanh thản và dào dạt. Sau này tôi có hỏi anh giám đốc nông trường về thắng lợi to lớn nhất của nông trường là cái gì? Anh giám đốc không chần chừ chút nào. Anh trả lời ngay:

— Thắng lợi to lớn nhất là con người.

— Điều đó có một ý niệm rất rõ, rất thực nhưng cũng rất mờ ảo khó nhận ra, khó xét đoán. Cũng như trong trường hợp của tôi, buổi sáng nay nơi xuất phát đề đến với Điện Biên Phủ không còn là thôn Gia Điền, mà lại là Đường Điện Biên Phủ. Chiến công oanh liệt « chặn động địa cầu » này đã tạo nên đường Điện Biên Phủ giữa Thủ đô Hà Nội của chúng ta hay chính từ trong tâm khảm chúng ta ngay từ buổi cầm giáo mác, đến buổi lên đường vào chiến dịch chúng ta đã đặt niềm hy vọng, bắt đầu từ niềm hy vọng ấy đề tạo nên chiến thắng hùng vĩ Điện Biên Phủ.

Trăng cao nguyên cứ lan tỏa dịu dàng mà đậm thắm.

Rồi đến một đêm. Trên sân bay Điện Biên Phủ, tiểu đoàn công binh không quân mở tiệc liên hoan chào mừng thành tích hoàn thành nhiệm vụ đặt lại đường băng và xây dựng nhà ga sân bay Điện Biên Phủ. Đêm ấy, trăng cũng rất sáng. Lại đúng vào đêm 22 tháng 12 càng làm cho cuộc họp mặt của chúng tôi thêm ý nghĩa. Giữa cuộc vui, trong chén rượu có loáng ánh trăng ấy, một đồng chí đại tá ôm choàng lấy tôi. Đồng chí ấy nhắc bỗng tôi lên:

— Anh không nhận ra em ư?

— Ai vậy ?

— Em đây, thằng em Vũ Minh của anh đây! Thằng em đánh trận Him Lam, nó giữ vai khẩu đội trưởng khẩu đội cối để tròn đây!

Thế rồi Vũ Minh trào nước mắt. Tôi ôm xiết lấy Vũ Minh. Tôi hỏi qua nước mắt của chính mình:

— Bây giờ em làm gì?

— Như người ta giới thiệu đây. Em là Phó giám đốc sân bay Gia Lâm lên đây thực hiện công trình xây dựng sân bay.

Vẫn nhìn qua những giọt nước mắt vui mừng trong bóng trắng đềm ngắm nhìn lại « Minh lòng to » của tôi. Phút chốc cả tiểu đoàn công binh không quân quây quanh lấy chúng tôi.

— Anh hãy phát biểu một vài lời đi, với anh em Vũ Minh vui sướng giục giã tôi. Hai chúng tôi vẫn ôm chặt lấy nhau và cùng hướng về lớp chiến sĩ trẻ măng vây bốn chung quanh. Những gương mặt ngồi ngời, son trẻ dưới bóng trắng đêm nay chờ đợi. Tôi chợt nhớ đến lời phát biểu của đồng chí Giám đốc Nông trường Mộc Châu: « Thằng lợi to lớn nhất là con người! » Biết bao đồng đội của tôi, trên khắp đất nước đang giữ những trọng trách cao cả. Niềm vui cứ dồn dập, tràn ngập tâm hồn tôi. Có thể nói là ngáy ngất nữa.

— Hãy cất tiếng hát lên! Các đồng chí!

Tôi vừa mới dứt lời tất cả chúng tôi đã cùng cất lên tiếng hát, bài hát « Có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng » vút bổng dào dạt trên sân bay Điện Biên Phủ. Đêm ấy, tôi ghi vào sổ tay hai câu thơ:

« Cảnh mai hát với mây trời

« Ta bay hát với núi đồi Điện Biên! »

Những câu thơ này cũng lại được ghi trong ảnh trắng Điện Biên Phủ hôm nay.

Điện Biên Phủ 12-1983

Hà Nội 1-1984

NGUYỄN THỊ NHU TRANG

ĐƯỜNG LÊN ĐIỆN BIÊN

Nhật ký

Hà Nội ngày 3 tháng 11

... Trung đội lên đường từ sớm. Giữa mùa đông rồi. Giờ này đường phố Hà Nội còn vắng, trên mặt đường nhựa bóng ướt sương đêm, thưa thớt dăm ba người đạp xe chậm chậm, mũ trùm kín tai, người to sự trong áo ấm. Những người đi làm ca bình minh đấy. Có lẽ mới khoảng 6 giờ.

Tranh thủ lúc đồng chí lái xe đi nhận thêm xăng, mình đứng gần bên công gác, nhìn lại ven đường rộng có những hàng sấu già nổi bạnh, rễ trời lên đội vồng cả vỉa hè; bên kia đường, cửa sò nhà ai còn sáng đèn? Sau khung kính, thấp thoáng một mái tóc xoa miết mài cúi trên trang sách... Tất cả những hình ảnh rất đời bình thường đó, sớm nay, bỗng làm mình xao xuyến quá trước phút đi xa thành phố quê hương. Bao lâu nữa sẽ gặp lại? Một năm? Hai năm nữa? Cũng có thể phải hết hạn nghĩa vụ quân sự.

Còn đang suy nghĩ miên man, còi trực ban đã thổi toét, giục lên đường. Trung đội mình được lên xe đầu tiên. Lính ta ngồi sắp mặng trên những tấm ghế gỗ ở

thùng xe tải. Quân trang mới lĩnh, vận lẫn dầu, thành thử nhìn ai cũng có nét giống nhau, giống ở cái vẻ ngượng nghịu của những người lính mới, ở sự xúc động của những chàng trai Hà Nội lần đầu đi xa... Và có lẽ, cũng còn ở cả sự luyến tiếc cái quá khứ vừa sôi nổi táo tợn, vừa bình lặng tế nhạt sắp lùi lại ở phía sau mình. Ngồi cạnh mình là Châu, bạn cùng học lớp 10 Đ Phan Đình Phùng, hõn danh là «châu chấu» (gọi thế để khỏi lẫn với «Châu... kền» và cũng còn vì cái lẽ dong nhan «Châu chấu» xương xẩu, đầu gối củ lạc dài quá tai, khác xa với vóc dáng «Châu kền» vạm vỡ như đô vật). Cậu ta lúc này có lẽ cũng đang xúc động, nên «cây pháo tếp» của lớp 10Đ ngồi im như thóc, mặt ngậy thuôn ra trông thật kỳ khôi.

Chiếc zin nổi một hồi còi rồi từ từ chuyển bánh. Mình ngồi bên thùng xe nhìn xuống, đứng đứng. Tạm biệt nhé, Hà Nội thân yêu! Chào những bậc thang mòn lõm của ngôi trường thân thiết! Chợt nhớ đến Thanh Thanh. Chà, cô bạn gái «nứt giới rơi xuống», rất chi là ngang ngạnh ấy có sao lúc này nghĩ đến, mình bỗng dưng phát hiện ra một tình cảm là lạ, vẫn vương đến kỳ. Chà điệu này mà cô nàng rõ nguồn cơn mới thậm nguy đây. Hay có lẽ mình đã là «Hùng hãm»? Đã «giở chứng chết», như cô nàng từng đã lăm phen làm mình sôi máu mà đành nuốt cục uất hận đánh ục vào «dạ dày» và tự an ủi: «chấp chi cái thói... đàn bà». Phải chăng chính vì nét bướng ấy mà mình đâm nhớ Thanh Thanh nhiều hơn so với đám bạn gái ở cùng lớp? Sự gây ấn tượng mà.

Xe đã sắp qua khu «Cao xà lá». Ngoại thành rồi đây. Bỗng nhìn thấy ở bên đường, một phiến lưng thon bó trong tấm áo len đỏ. Nhìn cô gái với chiếc xe đạp đứng nép vào gốc cây xà cừ tránh bụi, lính ta xông xáo. Nhiều tiếng nói chõ xuống, tếu đến khiếp:

— Tạm biệt nhé, người thương ơi!

— Anh đi đây, mẹ chẳng cu đừng buồn đấy.

Châu chấu cũng ngoái cổ, hét văng lên:

— Nhớ biên thư ngay, em nhé.

Chiếc nón trắng được gỡ ra. Phiến lưng thon quay lại, cô gái ngàng lên, cười, vẫy tay theo. Minh chợt sững người, thối chết, cô Sương, chủ nhiệm dạy Nga Văn đấy chứ ai! Xe vụt qua mau. Minh chỉ còn có thể thì thầm gửi lời trong gió: Em đây. Hùng đây cô ạ. Em chào cô, và xin cô chuyển hộ em lời chào cô bạn Thanh Thanh. Xin tạm biệt và sẽ gặp lại. Có ai vừa cẩu vào vai mình. Minh quay lại. Châu chấu cũng vừa kịp giấu mặt sau lưng mình, tai cu cậu đỏ dừ lên đến tận chân tóc. Đáng kiếp chưa?

Cao nguyên Châu Mộc, tối ngày 4.

Mặc dầu hướng hành quân được cấp trên giữ bí mật, không phổ biến trước, song, khi mũi xe cứ thẳng đường quốc lộ, theo hướng Hòa Bình, rồi dốc Cùn, đi mãi, bỏ lại phía sau công trình thủy điện Sông Đà, với con đập khổng lồ đã đang đến lưng chừng núi Chúa, thì con đường tiến quân lại càng được các nhà « tham mưu tập sự » có dịp trở tài phán đoán.

— Điều này, có thể bọn mình sẽ là quân bổ sung cho đơn vị tình nguyện ở bắc Lào đây.

Một cậu gạt phắt:

— Vớ vẩn, tình nguyện quái gì, theo tớ, chúng mình sẽ thuộc về quân khu Tây bắc, đó là điều chắc chắn.

Người khác vặn lại:

— Căn cứ vào đâu cậu dám khẳng định như thế?

— Căn cứ hả? Thế ra các cậu là một lũ dốt đặc cán hương. Nay nhé, các cậu hãy giở sổ ra mà ghi rõ những địa danh này: nhất định chiều tối nay chúng mình sẽ nghỉ ở huyện đội Mộc Châu. Và ngày mai, có thể là Sơn La hoặc Tuần Giáo. E hèm, dịp này rồi các cậu sẽ được biết thế nào là: «dốc Pha Đin ngập trong sương trắng...» và «đèo Lũng Lô chị hát anh hò...»

Mọi người reo lên, những con mắt náo nức đổ dồn về phía anh chàng vốn là dân địa chất, nên rất thông thạo địa hình:

— Vậy là bọn mình sẽ được qua con đường lên chiến trường Điện Biên Phủ năm xưa?

— Chính thế.

A, Điện Biên! Điện Biên Phủ! Mấy tiếng quen thuộc ấy bỗng có sức cuốn hút kỳ lạ. Những cái sóc này người và sự ngứa ngáy của bụi bặm dọc đường không còn làm mọi người khó chịu nữa. Trận thắng lịch sử ấy qua đi đã gần chẵn ba chục năm tròn. Cái ngày con đường làm bụi này rậm rạp bước chân trần, nút nẻ của những người vệ quốc quân vận áo trấn thủ vai mang súng «mát» nòng dài, và những đoàn xe thô cồng lụng trong ánh đuốc, kìm kẹp quang gánh tải lương cho mặt trận Điện Biên, thì hầu hết bọn chúng mình còn chưa ra đời. Chiến thắng lịch sử lẫy lừng đó, sau này bọn mình được biết qua những bài học ở trường, trên sách báo, những lời hát, câu thơ... Nào ngờ hôm nay lại được đi theo con đường ra trận năm nào, những Mường Phăng, Hát Lót, những dốc voi gầm...

Sự xúc động cũng có sức truyền cảm rất nhanh. Những vẻ mặt nhọc biển mặt. Từ đâu đó, ở phía trước, bỗng bật lên một giọng hát, không thể gọi là

hay, nhưng đầy cảm hứng, những lời ca rất phổ biến trong chiến dịch năm xưa: «*Qua miền Tây bắc núi đút ngàn trùng xa. Suối sâu đèo cao, bao khó khăn vượt qua, bộ đội ta vâng lệnh cha già...*» lời bài hát giản dị, mộc mạc biết bao! Cũng dễ hiểu thôi. Ngày ấy, nghe nói, trong hàng ngũ quân đội ta có nhiều người mới thoát nạn mù chữ. Văn nghệ không thể thoát ly thực tế vậy. Những giai điệu trầm hùng và những câu hát mộc mạc «*dâu có giặc là ta cứ đi*» và «*giải phóng Điện Biên, bộ đội ta tiến quân trở về...*» đã thực sự trở thành niềm cổ vũ, động viên mạnh mẽ cho bộ đội và nhân dân mình trong một thời kỳ lịch sử huy hoàng đó.

Bài hành khúc đã trở thành bản đồng ca từ lúc nào. Riêng mình không tham gia vào hội vui, vì chợt nhớ đến cậu Hoài em ruột mẹ. Ngày ấy, cậu đi chiến đấu và hy sinh ở mặt trận Điện Biên. Mình chỉ biết mặt cậu qua tấm ảnh chụp từ ngày cậu còn rất trẻ. Bà ngoại vẫn làm giỗ cậu vào ngày 7 tháng 5, ngày kỷ niệm chiến thắng. Vậy là mình cũng có một người ruột thịt góp phần xương máu vào chiến trường lịch sử. Cậu Hoài ơi, con đường nào cậu đã qua, khúc suối nào cậu đã bơi sang trong đêm Tây Bắc sương muối giá buốt? Ngọn đồi nào cậu đã ngã xuống? Cậu có biết, hôm nay, một đứa cháu cậu chưa từng biết mặt đang nghĩ tới cậu với lòng yêu kính thiết tha về lớp cha anh đi trước?

Mộc Châu, sáng sớm ngày 5.

Một đêm rất khó ngủ. Đêm cao nguyên lạnh buốt. Nghe nói ở đây, có những buổi sáng, nước đọng trong thùng trở thành một khối băng cứng ngắc. Phải dùng búa đập ra thành từng mảng, đem đun lên mới có

ước rửa mặt. Không ngờ mới xa Hà Nội gần hai
răm cây số, thời tiết đã có sự khác biệt nhiều đến
hết. Và cảnh sắc, con người..

Gần tối qua bọn mình mới đến nông trường Mộc
Châu. Những chàng trai Hà Nội lần đầu tiên được
hấy những bản làng đột ngột hiện ra sau những khúc
đường quanh không khỏi thốt lên lời thán phục. « Cây
pháo tếp » cứ luôn miệng: « thật là ngoạn mục ! » Và
quả đẹp thực. Năng hanh vàng rải khắp trên những
nương lúa lưng đồi, dòng thác tuôn nước trắng xóa
trên sườn núi. Và dưới thung lũng, những nhà sàn
mái tranh vút nhọn, mơ màng và bình lặng đậu im
bên kia dòng suối. Từ đâu đó, có tiếng ngựa hí vang,
mọi người ngoảnh lại. Kia, một « pi noong » hay một
« bà mế » nhỉ? Chịu, không thể nhìn đằng sau mà
đoán chắc được. Đàn bà Thái người nào cũng óng ả,
với tấm áo có hàng cúc bạc bó sát lưng ong, tấm khăn
piêu vắt hờ hững mà rất chi duyên dáng, chỉ ngũ sắc
thêu nên những hoa văn chằng bao giờ giống nhau,
và dáng đi mềm mại.. Đột ngột hiện ra rồi mờ xa
dần như trong một giấc mơ. Còn chưa được tỏ dung
nhân, « sơn nữ » đã rẽ lối mòn lượn theo chân đồi.
Chỉ còn vẳng lại tiếng vó ngựa xa dần và những bông
lau xám phất phơ trong gió nhẹ. « Hú... u ». Tiếng
vọng từ các lên đả vang xa. Về mặt « Châu châu »
ngần ngợ, và cậu ta lại thốt lên câu muôn thuở « thật
là ngoạn mục ».

Người xưa nói : « đi một ngày đàng, học một sàng khôn ».
Sàng khôn là một hình dung từ không cụ thể. Không
rõ ngày qua mình đã khôn lớn hơn chút nào? Nhưng
quả là một ngày mới mẻ, đầy hào hứng đối với mình.

Nông trường Mộc Châu không chỉ là nơi nuôi bò
sữa như mình nghĩ. Cái nông trường nhỏ bé do bộ đội

quản lý trước đây, giờ đã trở thành một Liên hợp xí nghiệp lớn, gồm sáu cơ sở sản xuất gộp lại.

Khi xe bọn mình đi qua, xí nghiệp sản xuất chè Thảo Nguyên đang trong giờ thu nhận nguyên liệu. Những sọt búp chè từ trên những xe tải đang được tíu tít chuyển xuống. Và những cô gái hái chè, chân sỏ ngáp trong ủng cao-su, áo xanh bảo hộ, tóc búi gọn trong tấm khăn bịt đầu, nom khỏe khoắn và rất vui vẻ buông lời đùa bỡn:

— Này các chú lính ơi, nom mặng sữa thè kia, liệu có sợ vắt rừng Tây Bắc không đấy?

Lập tức lính ta đối đáp ráo riết:

— Cứ yên tâm em ơi, hết nghĩa vụ anh lại về đan sọt cho em đi hái chè.

— Và cùng hát « Tình ca Tây Bắc » nữa chứ!

— Vậy thì, cứ « yên tâm vững bước mà đi... » Coi như đã có lời ước hẹn rồi đấy nhé.

Xe bọn mình vụt qua trong tiếng cười giòn giã

Cao nguyên thật đẹp! Nói rõ hơn, cảnh đẹp này một phần cũng do bàn tay con người góp sức dựng lên. Gần bên đường quốc lộ, những đồi chè xanh màu lục già bạc ngàn, vun vồng lên như những mâm xôi đầy ắp. Xa hơn chút nữa, đàn bò mới được lai tạo giống, đồ sộ, béo múp, với những bầu sữa mọng căng, đang thủng thỉnh kiếm ăn trên những thửa đất trồng loại cỏ dành riêng cho chúng. Màu cỏ non xanh nhạt, mỡ màng với những « thím » bò lang mọng căng bầu vú, và tiếng cười những cô công nhân hái chè... Tất cả đều gọi lên một không khí lao động quy củ, nghiêm ngặt và đầy hào hứng.

Cuối khu vực nông trường là xưởng chế biến sữa. Mùi sữa ngọt từ những chảo nấu lớn đang bốc khói, tỏa trong không gian một mùi thơm đến là quyến rũ, càng kích thích cơn đói sôi réo lên trong những cái dạ dày đã lép của lính ta.

Gần tối, bọn mình ăn chiều và nghỉ đêm tại cơ quan huyện đội.

Thị xã Sơn La, ngày 6.

Hôm nay, chỉ phải vượt một chặng đường hơn trăm cây số. Bọn mình đến Sơn La vào lúc quá trưa.

Qua Yên Châu quãng chín giờ. Chợ Yên Châu chỉ sẵn chuối, và rất chuối tây. Bánh chuối, kẹo chuối, chuối khô đóng trong bao ny lông, chuối ương từng buồng xếp đầy một góc chợ...

Xe dừng lại bên đường. Minh và «Châu chấu» cùng đi đến gần một em bé gái. Trước mặt em đặt hai buồng chuối chín vàng, có đôi quả đã bị chim khoét. Minh hỏi:

— Chuối của cô bé hả?

— Của mình đấy, bộ đội muốn mua không?

«Châu chấu» hỏi ngần ngừ:

— Em bán bao nhiêu một quả?

— Mười lăm đồng.

Châu ta bầm nhẹ cánh tay mình: «Đắt quá, rút thôi, mà, tiền đâu». Bọn mình quay đi. Cô bé gọi giật lạt:

— Bộ đội ơi, nếu có tiền mới, mình bán cho mười đồng một buồng thôi. Mình không bán đắt cho bộ đội đâu mà.

« Châu chấu » mắt mở chữ o tưởng đến đứt kễ, lặng đứng. Mãi đến lúc hai thằng khệ nệ khiêng, quăng hai buồng chuối lên xe, sau khi trả cô bé hai tờ giấy mười đồng còn thơm mùi mực, hai đứa mới dám tin vào một sự thật như huyền thoại. Chuối chín cây ngọt lịm. Cả trung đội ăn rả rích mãi mới hết. Châu ta bóc một quả, ngấm mãi, rồi há to miệng cắn một miếng, hết nửa quả, tít mắt cười, và lại thốt lên cái câu muôn thuở : « Thật là ngoạn mục ! »

« Sơn La âm u, núi khuất trong sương mù. Lá rơi, xuống suối, gió đưa vù. Đoàn tù tha hương... » Câu hát cũ gợi nên một cảnh tượng rừng rợn của chốn ma thiêng nước độc, nơi đoàn người yêu nước bị đày ải. Nghe trong giai điệu thê thảm, như có cả tiếng xiềng kéo lê trên đường dốc quanh co... Nhưng hôm nay, Sơn La hiện ra trước mắt bọn mình trong một buổi chiều nắng vàng rực trên những tràn ruộng bậc thang lúa đã đổ đuôi, trong mắt cười em gái Thái khoác túi đi học bên lề đường... Và thị xã đông vui trong lòng thung lũng, bốn bề núi vây quanh. Những căn nhà dựa vào sườn núi, dọc hai bên đại lộ Tô Hiệu rộng và thẳng. Về đêm, thung lũng sáng ánh đèn. Những ngọn điện từ các ô cửa sổ trên sườn núi chiếu xuống mặt đường, dưới con mắt người Hà Nội lần đầu tiên xa nhà hiện lên một vẻ đẹp đến ngỡ ngàng. Ở các cửa hàng mậu dịch, người bán hàng tóc búi gọn trên đỉnh đầu. Cô gái Thái chưa chõng mời khách niềm nở :

— Bộ đội ơi, mua khăn piêu kỷ niệm Tây Bắc nhé.

Ừ, giá gặp ai về Hà Nội nhỉ, gửi tặng cô bạn học chút quà miền ngược cũng hay chứ ?

Vì còn sớm, có đi tiếp cũng lỡ độ đường, ban chỉ huy có sáng kiến liên hệ với tỉnh đội, cho bọn mình đi thăm nhà tù cũ, bây giờ đã trở thành nhà bảo tàng.

Khu nhà tù rộng, có tường đá dày, kiên cố, bọn Pháp xây trên đỉnh đồi cao. Từ nơi này, những con người ưu tú của cách mạng Việt Nam đều đã tôi luyện trong sự dày ải dã man, các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Trân, Hoàng Quốc Việt... và người cộng sản kiên cường nhất, đồng chí Tô Hiệu còn để lại bút tích ở bảo tàng — những tài liệu bí mật đồng chí viết trong tù, trong xà lim cấm cố nồng nặc mùi cứt đá, trong lúc vi trùng bệnh lao ngày càng đục ruỗng hai buồng phổi con người đấu tranh không biết mệt mỏi đó.

Những năm chiến tranh phá hoại, máy bay Mỹ đã ném nhiều bom có sức công phá lớn xuống khu nhà tù, định xóa sạch những di tích tội ác của bè lũ chúng nó. Nhà tù cũ gần như bị san phẳng. Nhưng kỳ diệu làm sao, cây đào Tô Hiệu được người tử tù ấy gieo hạt từ 43 năm trước, trong một tổ mối ở góc sàn giam cấm cố, như có phép màu, vẫn sống sót qua bao trận đạn bom tàn phá.

Bọn mình đứng dưới những cành đào sum suê, lác đác đã có những nụ hoa nở sớm, màu phớt hồng xen trong những búp lá mỡ màng. Tất cả đều lặng đi, xúc động đến gai người. Giọng đồng chí cán bộ bảo tàng như khắc vào tâm khảm mỗi người:

« Một hôm thẳng giám đốc trại tù Cút-xô nhìn thấy đồng chí Tô Hiệu đang triu mển vuốt ve những nhánh đào mỏng manh mới nhú lên trong kẽ đá nhà tù. Nó cười khẩy:

— Ông Tô Hiệu, ông nghĩ rằng ông sẽ còn sống được bao lâu để chăm sóc cây đào đó?

Đồng chí Tô Hiệu nén ho, trả lời rần rỏi:

— Tôi có thể sắp chết, nhưng cây đào này cũng như phong trào cách mạng Việt Nam, sẽ lớn mạnh không ngừng.

Thằng giám đốc trại tù nổi câu:

— Tao sẽ lập tức ra lệnh nhổ phăng cây đào này đi.

Người tử tù mỉm cười:

— Tôi không nghi ngờ gì điều đó. Ông đã từng làm những việc còn tàn ác hơn gấp vạn lần. Nhưng, mất cây đào này, các đồng chí của tôi sẽ lại trồng những cây đào khác. Các ông không thể chặt hết giống đào mọc trên đất này đâu.

Và rồi đã xảy ra một cuộc tuyệt thực của tất cả anh em tù, để phản đối việc trồng Cút-xô định chặt cây đào mọc từ buồng giam cấm cố.

Bây giờ, từ cây đào cổ thụ này, các bạn thanh niên Sơn La đã nhân giống lên những vườn đào, những rừng đào, không kể xiết.

Dưới chân nhà tù, trường cấp ba Tô Hiệu của tỉnh Sơn La, ngoài khoảnh sân rộng cũng xanh ngắt màu lá đào.

Tham quan xong khu nhà tù, bọn mình quay vào nhà bảo tàng. Tất cả những di vật tội ác của bọn thực dân còn được gìn giữ tại đây khá nhiều: những cánh cửa sắt kiên cố, chiếc chìa khóa trại giam đồ sộ, những chiếc cùm, và cây roi của bọn cai ngục... Ở đây cũng còn tấm ảnh chụp nguyên bản bức công văn có chữ ký và dấu ấn của tên thực dân khát máu Cút-xô. Y yêu cầu bọn quan trên cứ tiếp tục gửi những tù cộng sản về nhà tù do y cai quản. Y cam đoan rằng, chỉ trong 6 tháng, bệnh sốt rét ngã nước và chế độ nhà tù khắc nghiệt sẽ đánh gục ý chí gan buồng nhất của những người tù chính trị.

Ngày còn đi học, đã có lần mình đọc cuốn « Ba lần vượt ngục » của đồng chí Trần Đăng Ninh. Và từ ngày ấy, mình đã nghĩ rất nhiều về việc làm mạo hiểm, đầy tinh thần yêu nước của người thanh niên Thái Lò Văn Giá. Vì thế, hôm nay, đứng trước bức chân dung trẻ măng của con người đã vì cách mạng, lặng thầm ngã xuống lúc chưa tròn tuổi hai mươi, lòng mình dạt dào xúc động.

Đỉnh Pha Đin, trưa ngày 7.

Té ra anh bạn vốn nghề địa chất đã nói đúng. Sáng sớm nay bọn mình rời Sơn La, và bây giờ, gần 2 giờ chiều, bọn mình vừa dừng xe, nghỉ chân giữa đỉnh dốc Pha Đin. Đèo Pha Đin cheo leo, quanh co, với những cua rất ngặt, dài 32km. Tiếng Thái, Pha Đin là núi đất, còn tiếng Mường, Pha Đin là cổng trời. Chiếc Zin của bọn mình leo lên cổng trời quả là vất vả. Có những đoạn dốc dài, kết nước bốc khói như sắp sôi lên. Xe rú máy liên tục, và đồng chí lái xe, vốn ở binh đoàn Trường Sơn cũ, đã bao lần đưa xe vượt trọng điềm Lùm Bùm, vậy mà những lúc lượn xe trên những khúc đường ngoặt trên nền đất mượn, có những vết nứt rất rõ, có lẽ do những trận mưa dai dẳng vừa qua, cũng có thể vì ở đây đã rất gần với trung tâm trận động đất mới đây, đôi mắt anh mở to, chân mày nhíu lại, mắt nhìn như muốn xuyên thủng màn sương buông dầy trước mũi xe. Nhìn về mặt anh căng thẳng, mồ hôi chảy dòng xuống hai gò má nhô cao, mặc dù trời khá rét, bọn mình, ngay những cậu thường ngày lảm lòi nhất giờ cũng im thin.

Và bây giờ, chiếc Zin vừa dừng lại. Đồng chí lái xe đẩy cửa buồng lái, bước xuống, đưa ngang cánh tay quét mồ hôi, trút ra một hơi thở nhẹ nhõm. Bọn mình

xúm lại. Một cậu nhanh nhẩu chìa cho anh bi đồng nước đường bồi dưỡng. Đồng chí lái xe ngựa cồ nốc một ngụm rồi chìa ngón tay vê vê, ra hiệu xin thuốc lào.

Tại sao biên giới của mỗi tỉnh thường phân chia ở những đỉnh đèo cao nhất? Cũng giống như giữa đèo Ngang là đường biên địa giữa Nghệ Tĩnh và Quảng Bình, ngay trước mũi xe bọn mình, có tấm biển ngăn ranh giới giữa Sơn La—Lai Châu. Từ đỉnh dốc nhìn xuống, dưới kia, phần quốc lộ thuộc về tỉnh Lai Châu, những chiếc xe lu rải đường đang nặng nề lăn bánh, cạnh đấy, có phuy nhựa đường đang sôi sùng sục. Một cô gái vạm vỡ, chân đi ủng cao su ngập đầu gối, tay sờ găng vải bạt, khăn vuông đen bịt mặt chỉ còn chừa đôi mắt, đang cầm chiếc gàu có cán dài, đứng trên một khúc gỗ cao, cô nàng nom tròn quay và hề thế chẳng kém gì khúc gỗ. Rất nhẹ nhàng, người còn gái múc từng gàu nhựa đường đang sôi sùng sục, hắt đều trên phần đường chiếc xe lu vừa lăn qua. Nhìn động tác thành thục của cô gái làm đường, bỗng nhiên mình chợt nhớ đến câu thơ ưa thích :

*Có lẽ nào anh lại mê em
Một cô gái chưa nhìn rõ mặt...*

Chợt, một cùi tay ai đó huých nhẹ vào mạng sườn mình, «Này, mê vừa vừa thôi ông bạn, kéo rời nàng xúc động quá, lại tặng luôn cho một gàu nhựa đường sôi sục kia thì ôi thôi, mỗi tỉnh ra than mất!» Minh bật cười. Chẳng cần quay lại cũng biết, «cây pháo tếp» vừa châm ngòi chứ ai vào đấy.

Bên kia chân đèo Pha Đin đã là huyện lỵ Tuần Giáo. Từ Tuần Giáo đến lòng chảo Điện Biên chỉ còn trên 80 cây số. Hồi ký của những người chỉ huy các cánh quân hồi đó viết rằng, con đường tiến vào mặt

trận có những quãng đường mòn vốn chỉ được dùng cho ngựa thồ. Và những người lính công binh khi đó sau một cơn lũ rừng đột ngột, có lệnh khẩn, bầy mọi cách phải bắc cầu cho bộ binh vượt suối, các anh đã chẳng quản dòng nước đang chảy hung hãn, lấy thân mình làm trụ cầu, dùng vai nâng bổng những mảng bê kết bằng thân cây chuối rừng cho đồng đội giữ vững nhịp độ hành quân. Ngày ấy... ngày ấy.... những người pháo thủ khiêng những khẩu đại bác ra trận bằng những khúc cây hằn trên đôi vai trần tứa máu, ống quần xắn tới gối, tay chống gậy... cứ thế vượt hàng trăm cây số dốc đèo...

Cậu ơi, ngày ấy, ngã đường nào cậu đã kéo pháo bằng đôi tay phồng rộp? Khúc hào nào cậu và đồng đội đã đào mồ mả dưới ánh đèn dù? Ai là người đã chứng kiến phút giây cậu ngã xuống? Và liệu đã có một người con gái nào khiến cậu tưởng nhớ đến trong phút giây chờ đợi trước giờ nổ súng? Ôi, sao cháu muốn biết tất cả những điều đó quá!

Điện Biên, ngày 8

Sự thật là đây mà cứ tưởng đâu như đang còn trong chiêm bao. Bọn mình đang đứng trong lòng chảo Điện Biên rồi!

Trung tâm Điện Biên, thị trấn còn ngồn ngàng gạch ngói và những công trình đang xây dựng dở dang: Nhà khách huyện ủy, khách sạn trên đồi cao, sân vận động cho hàng vạn chỗ ngồi có mái che trên khán đài, nhà bảo tàng lịch sử... Và nhà ga sân bay nối liền Hà Nội với mảnh đất Tây Bắc xa xôi... Nghe nói, tất cả khối lượng công việc khổng lồ đó sẽ phải hoàn thành trong năm tới — năm kỷ niệm ba mươi năm ngày giải phóng Điện Biên. Để có thể hoàn tất một khối lượng

công việc bề bộn đó, tỉnh Lai Châu đã và đang nhận được sự đóng góp nhiệt tình cả về tinh thần và vật chất của nhân dân cả nước: Thành phố Hồ Chí Minh tặng Điện Biên một bệnh viện hai trăm giường; tỉnh Thái Bình sẽ đưa thợ xây lên, dựng các trường cấp II, cấp III không lấy công; tỉnh Sơn La giúp toàn bộ đồ gỗ để trang bị nhà khách; Hà Nội tặng một phòng khám đa khoa với diện tích 400m², và mười hai triệu học sinh toàn quốc cũng sẽ góp phần tái thiết Điện Biên với món quà nhỏ xinh là mỗi cháu một đồng...

Minh chỉ chép vào đây dăm ba con số (không thể kể hết) để ghi nhớ sự sôi nổi đóng góp — một biểu hiện thiết thực của tấm lòng của cả đất nước đối với mảnh đất thiêng liêng này.

Theo yêu cầu thiết tha của bọn mình, ban chỉ huy đồng ý cho tất cả nghỉ một ngày. Sớm mai, bọn mình sẽ được đi thăm lại chiến trường cũ. Và bây giờ, còn sớm, sau khi đã phân công người ở lại canh gác, thổi nấu, tất cả kéo nhau ra thăm chợ Điện Biên.

Phiên chợ vùng cao! Một dải đất vuông vắn ngay trước cửa hàng bách hóa. Lần đầu tiên những đứa con trai Hà Nội bọn mình được nhìn tận mắt những cô gái H'mông, Thái trắng, Khơ mú, Thái đen, con gái Puộc... không phải trên sân khấu. Người ta xuống chợ, áo quần diện như đi dự hội. Từ chiều hôm trước, những người ở xa đã về chợ, trải nylon nằm đây ngoài hiên cửa hàng bách hóa. Những con ngựa bụng thon, vó nhỏ, nhưng leo dốc rất khỏe, đã được cởi bỏ những bao hàng nặng trĩu trên lưng xuống, đang cúi đầu thong thả nhai thóc trong những chiếc túi đeo dưới cổ. Những người đi chợ chất từng đống hàng trước hiên cửa hàng bách hóa. Măng khô, mộc nhĩ, gạo nếp, rau cải và chanh, cam... Cứ đề đấy, của người

nào người ấy khắc đến lấy thoi, rồi rủ nhau vào những quán hàng ăn phở, uống rượu với bánh rán, bánh da nướng. No say rồi, tụ tập từng nhóm hát lượn, thổi khèn. Tiếng khèn và tiếng hát có khi kéo dài đến sáng, say mê và tinh tứ, cũng có phần giống như những phường hát quan họ ngày hội Lim ở đất kinh bắc xa xôi. Qua những lời hát đối đáp thăm dò, người con trai Thái tận Cò Nòi đã biết đường lặn lội đến tận Bản Kéo, cách một ngày đường lội qua mười hai khúc suối, chập tối hôm sau, có mặt bên dưới gian buồng có cô nàng đang nằm thao thức chờ tiếng «gậy chọc sàn»..

Người ta đi chợ cốt lấy vui, nhân tiện đem bán ít sản vật thừa dùng: dăm bát đồ răng ngựa, vài túm củ đậu, nửa túi nếp hương, ít bó rau cải...

Hàng bán xong rồi, những cô gái Thái rủ nhau vào mậu dịch tìm mua chỉ thêu và vải láng đen về thêu khăn piêu và may váy...

Minh đi quanh một vòng, thấy nhiều người xúm xít quanh một chiếc bàn kê ngay ngoài cổng chợ. Cũng cố chen nhìn vào, thì ra là chỗ mậu dịch bán bánh rán. Hai thúng bánh đầy có ngọn. Người mua đếm tiền sẵn nắm trong tay. Một đồng một chiếc bánh rán tầm mặt, có nhân đỗ tử tế. Mấy năm nay huyện Điện Biên được mùa lớn, có hợp tác xã thu hoạch 8,9 tấn/héc-ta. Đồng bào Thái Bình lên đây đi xây dựng kinh tế mới, thóc thu về chất đầy nhà. Có nơi, người phải trải chiếu nằm trên đồng thóc. Gạo nếp ở chợ Điện Biên ngang giá gạo tẻ, mười sáu đồng một cân. Tấm bánh rán một đồng mậu dịch bán ra nom đã ngon mắt lắm.

Cũng giống ở Yên Châu, đất Điện Biên rất sẵn chuối, nhưng lại toàn chuối tiêu. Trước đây mấy năm, người

ở đây gánh chuối ra chợ, không ai mua, đành mang về nuôi lợn. Nhưng cây chuối tiêu cũng mới xuất hiện ở đất này từ khi các chiến sĩ sư đoàn 316 — một trong những đơn vị chủ lực đã tham gia chiến dịch Trần Đình năm xưa — được lệnh trở lại Điện Biên với nhiệm vụ xây dựng lại mảnh đất chiến trường cũ. Hành quân từ Phú Thọ lên Tây Bắc, mỗi anh bộ đội, ngoài quân trang súng đạn, từng người đều còn thêm một mầm chuối trên lưng. Ngày ấy, cũng không một ai thử tính, bao nhiêu mầm chuối đã được các chiến sĩ sư đoàn 316 công qua quãng đường dài hàng mấy trăm cây số! Chỉ biết đến bây giờ, chuối tiêu ở đây mọc tốt thành rừng. Những khóm chuối béo mầm, mập mạp, buồng chuối dài cả sải tay không hết. Và ở đây, người Điện Biên còn gọi chuối tiêu bằng một cái tên triu mến, một kỷ niệm khó quên: chuối 316.

Thủng thảng đi qua hết các dãy hàng. Cũng đã đến lúc phải trở về nơi trú quân, mình ra công chợ, thấy « Châu chấu » và ba bốn cậu ở tiểu đội một đang sán bên một cô gái H' mông bán lạc luộc. Lạy trời, mình chẳng dám nói ngoa đâu, « sơn nữ » có đôi mắt một mí, hơi xếch, đen như chì than, sắc còn hơn dao cau, và đôi má hồng rực dưới trời nắng hanh.

Lính ta đứng quanh cô hàng với tải lạc còn nóng, buông lời ỡm ờ:

- Này cô ơi, quả này gọi là quả gì nhỉ?
- Là củ lạc đấy.
- Củ lạc hả, để làm gì?
- Ăn thôi, bộ đội à?
- Có ngon không?
- Biết có, biết không.

— O, con gái H' mông không muốn bán hàng cho bộ đội rồi.

— Không phải thế. Khắc ăn khắc biết thôi.

— Làm thế nào mà ăn được, cô em?

— Cứ bóc cái vỏ là ăn được thôi.

«Cây pháo tếp» giơ tay nói liễn thoảng:

— VẬY mà ở dưới xuôi, chỗ quê mình ấy, người ta cho quả lạc này, cả vỏ, vào nồi ninh như vói thịt gà. Nhưng rồi chỉ húp được nước thôi. Ăn cái quả lạc này vào bụng là chết người ngay đấy. Không cứu được đâu.

Cô gái H' mông che miệng cười nghiêng ngả. Đôi mắt một mí nhỏ tí đi như một sợi chỉ đèn thấm nước:

— Cái miệng này nói lão lắm. Mình không tin được đâu.

Tất cả cười ồ.

Mình đưa mười đồng. Cô ta đong cho ba bát lạc đầy có ngọn. Phải có quả đem về cho mấy cậu đang phiên gác ở nhà chứ,

Điện Biên, ngày 9

Hôm nay, được dành hẳn một ngày đi thăm lại chiến trường cũ. Ai cũng náo nức. Riêng mình còn có một tâm sự, muốn được tận mắt nhìn thấy nơi người thân đã chiến đấu và hy sinh.

Bọn mình quyết định đến đồi Him Lam trước tiên— một trong những cứ điểm kiên cố nhất, án ngữ cửa ngõ phía bắc con đường vào lòng chảo Mường Thanh. Him Lam là một trong số hai vị trí quan trọng bị quân ta tiêu diệt ngay từ trận mở màn chiến dịch Trần Đình.

Xe dậu dưới đường. Bọn mình theo lối mòn leo ngược lên đỉnh đồi. Trước đây, nghe nói, bốn phía sườn đồi đều bị bọn Pháp phát quang nhẵn nhụi. Bây giờ, lau lách tốt ngợp, cao lút đầu người. Cỏ lau và cây dương xỉ từ lâu đã phủ kín những lòng hào, trước đây, đã từng nhiều phen bị giành đi giặt lại, đã từng thấm máu trong những trận đánh xáp lá cà giữa bộ đội ta và bọn lính lê dương hung hãn, điên cuồng vì tuyệt vọng.

Đồng chí cán bộ ban văn hóa huyện đi trước. Anh luôn nhắc bọn mình không được bước ra khỏi lối mòn. Mới cách đây dăm ngày, hai người dân đi tĩa bắp đã vướng phải mìn. Một đụn khói đột ngột tung lên. Cả hai đều bị thương, phải đưa ngay vào bệnh viện.

Vậy là chiến trường dẫu đã sạch bóng thù, nhưng vật giết người vẫn còn lẫn quất bên ta!

Trên đỉnh đồi Him Lam, vẫn còn dấu vết chiếc lò cốt ngậm với cái lỗ châu mai quái ác, nơi anh hùng Phan Đình Giót đã bịt họng khẩu đại liên có tia hồng ngoại - ngày ấy, đó là một thứ vũ khí mới, bí mật, bọn Mỹ mới viện trợ cho lính Pháp dùng thử nghiệm ở chiến trường Điện Biên - bằng cả khuôn ngực vạm vỡ, đầy sức thanh xuân của mình.

Ngày ấy, anh Giót đi bộ đội mới được đồng đội bắt đầu dạy những chữ i tờ. Hẳn anh không biết, cũng chưa từng nghe kể về một người lính hồng quân ở tận Liên bang xô viết xa xôi, trước anh, đã hy sinh gan dạ giống như anh ngày ấy, anh chưa biết đến tên tuổi và sự tích anh hùng Matorôsốp, nhưng ở bất kỳ nơi nào, một khi đất nước đứng trước hiểm họa xâm lăng, những người thanh niên yêu nước trong quân đội

cách mạng đều không ngần ngại lấy máu mình giữ vẹn toàn đất đai yêu quý như thế đó.

Đứng trên đỉnh đồi Him Lam, nhìn qua bên kia quốc lộ 12, vị trí đồi Độc Lập với dải tường niêm màu trắng nổi bật trong nắng sớm mùa đông. Xế dưới chân đồi Độc Lập là vị trí Bản Kéo, từ lâu, dấu tích nơi đóng đồn của quân đội chiếm đóng đã được nông trường Điện Biên xóa sạch bằng những « mùa lạc » đầu tiên, rồi đến những vụ hoa cà phê thay nhau nở trắng cảnh. Và bây giờ, hàng trăm hécta mía đang vào vụ thu hoạch...

Từ trên đỉnh cao này nhìn xuống, có thể thấy rõ bốn mươi chín vị trí trong lập đoàn cứ điểm « bất khả xâm phạm » của tên bại tướng Đờ Cát. Nhưng còn gần hai trăm cây số đường hào, ngày ấy, quân ta đã từ trong những dãy núi xung quanh lòng chảo đồ xuống, lăm lăm và gan dạ, kiên trì và khéo léo, đã dũi dần, lẩn dần, trong phương châm « đánh chắc tiến chắc », xẻ những đường hào đến tận bên trong hàng rào dây thép gai vây quanh đồn giặc, để cho những tổ bắn tỉa phục kích suốt những đêm ngày, khiến có những tên lê dương đã phát điên lên vì kinh hoàng, khiếp đảm. Đọc « Vài hồi ức về Điện Biên Phủ » mình rất khoái một chi tiết này: Cũng vì quá khiếp sợ những tổ bắn tỉa, có một vị trí địch đóng ngay bên bờ Nậm Rốm mà bọn chúng không dám ra sông lấy nước, mặc dù trong đồn, từ lâu, đã cạn kiệt đến giọt nước cuối cùng. Bọn lính Pháp bèn nghĩ ra một « sáng kiến », chúng buộc dây vào những thùng đồ hộp, đứng từ sau các ụ cát làm công sự, chúng quăng thùng xuống sông. Đợi cho đến lúc chúng nó hí hửng kéo những thùng nước dầy lên khỏi mặt nước, các tổ bắn tỉa mới nổ súng, mà chỉ nhằm bắn vào những thùng đựng nước

thời. Khi lính Pháp hí hục kéo được hết sợi dây dài, thì ôi thôi, những chiếc thùng thiếc đã bị thùng lỗ chỗ, còn nước thì tất nhiên, đã... chảy hết mất rồi!!! Ất hẳn ngày ấy, trong số những xạ thủ bắn giỏi cũng có những anh thích đùa tếu và láu lỉnh như «Châu chấu» bây giờ.

Những đường hào chằng chịt ngày ấy, bây giờ khó lòng nhận ra trong màu lúa vàng rực, dưới sắc xanh rậm rì của những bãi ngô và những thửa ruộng lạc trải dài khắp hai bờ sông Nậm Rốm. Đất Điện Biên tốt quá! Cầm hòn đất màu đỏ sậm lên, khẽ bóp, đất vụn rơi ra, mát mịn trong lòng tay. Cảnh đồng Mường Thanh rộng trên bốn ngàn ha, sau này, có thể mở rộng diện tích lên gần gấp đôi, với năng suất từ 7 đến 10 tấn/ha một năm, một tổng sản lượng quan trọng của toàn tỉnh Lai Châu. Ngày nay, mười tám dân tộc trong 29 xã ở quanh vùng lòng chảo rộng lớn này, đã thực sự có một đời sống kinh tế, văn hóa như mơ ước thiết tha của lớp lớp những người trai trẻ, gần ba chục năm trước, đã ngã xuống, để [cho «Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam, hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng...» Hơn thế nữa, Điện Biên bây giờ còn có thủy điện thấp sáng các bản làng, có hồ nuôi cá nhân tạo trên núi cao. Và sắp tới, để kỷ niệm 30 năm ngày chiến thắng lịch sử, Điện Biên sẽ phấn đấu để đạt được con số 41.600 tấn thóc, gấp năm lần sản lượng của mùa lúa ba năm sau ngày giải phóng.

Mình còn đang suy nghĩ miên man thế, đồng chí cán bộ văn hóa huyện đã giục xuống núi. Còn có nhiều địa điểm cần đến trong buổi sáng nay.

Khoảng nửa giờ sau, bọn mình đã đứng cạnh chiếc xe tăng bị đạn badôka quân ta xuyên thủng khoang chứa nguyên liệu và những mảnh lựu đạn còn để lại

vết tích trên vỏ thép dày. Chiếc tăng 18 tấn do bọn Mỹ viện trợ cho quân của Đờ Cát, từ gần một phần ba thế kỷ nay, vẫn đậu im trên đỉnh đồi A1, gần hầm ngầm cổ thủ bọn chúng xây dưới lòng đồi. Tên lính lái tăng đã chết cháy trong lòng chiếc quan tài thép, mãi gần đây, người ta còn tìm thấy những khúc xương và chiếc sọ rỗng của tên lính viễn chinh xấu số ấy trong khoang lái.

Đọc lịch sử trận thắng Điện Biên, mình đã biết, trận tiêu diệt A1 là một trận đánh gay go nhất, dai dẳng và ác liệt nhất của chiến dịch Trần Đình.

Chiếc hầm ngầm kiên cố trên đỉnh đồi hầu như vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng hôm nay, chân giẫm lên những bậc thang lạnh ngắt dần sâu xuống năm mồ công cộng của hai tiểu đoàn lính lê dương đã chết vì sức ép của khối nổ một ngàn cân bọc phá, do những người lính công binh mười lăm ngày đêm ròng rã, bền bỉ bằng một sức chịu đựng dẻo dai khôn lường, đã moi ruột đồi A1 làm nên một tiếng nổ rung chuyển cả nước Pháp, góp phần kết thúc số phận trên mười bảy ngàn tên lính tinh nhuệ nhất trong những đơn vị viễn chinh Pháp trên chiến trường Đông Dương. Đứng trong lòng hầm rộng tối mờ và lạnh lẽo, mình như còn cảm thấy đồng thầy chết nằm ngồn ngang đủ kiểu, chông đồng lên nhau, lẫn lộn giữa những kẻ đã chết và những tên còn ngắc ngoải, lẫn lộn những tên thực dân da trắng kiêu căng hống hách, bên cạnh những người da màu với kiếp lính đánh thuê vốn sinh ra ở tận miền đất mặt trời nóng bỏng, đã bỏ thầy ở nơi xa lạ trong một ngày mưa dầm dề, lạnh buốt xương da...

Từ đồi A1 sang khu hầm Đờ Cát, bọn mình phải qua sông Nậm Rốm bằng cây cầu sắt dài khoảng vài ba chục mét. Chiếc cầu tuy ngắn nhưng khá chắc, đủ sức

chịu đựng cho những chiếc tăng từ Mường Thanh đi giải nguy cho những vị trí phía đông và phía bắc lòng chảo, mỗi khi những vị trí này bị quân ta uy hiếp mạnh. Sát bên kia cầu, cách một đôi ngàn là căn hầm của tên đại tá Pi-rốt, phó tư lệnh tập đoàn cứ Jiềm Điện Biên, đặc trách lực lượng pháo binh. Ngày ấy, Pi-rốt có trong tay gần 50 khẩu pháo các loại, từ cỡ 150 đến 120 ly. Với số lượng đại bác nhiều gấp bội các loại sơn pháo của ta dùng trong chiến dịch Điện Biên ngày ấy, với một địa hình quen thuộc đã được vạch sẵn trong đồ bản, trên từng mét vuông, lại được các loại máy bay do thám giúp sức phát hiện mục tiêu, tên đại tá pháo binh vốn được đào luyện từ một trường quân sự chính quy của một quân đội nhà nghề, đã từng tuyên bố như đinh đóng cột: « Nếu như Việt Minh có pháo binh sử dụng ở đây, chỉ cần biết trước vài tiếng đồng hồ, tôi sẽ bắt chúng phải cầm họng ». Có thể chính vì những lời tuyên bố huênh hoang đó, nên tăng Pi-rốt đành ôm lựu đạn tự sát hồi 12 giờ 15 phút ngày 15 tháng 3, sau khi các vị trí Him Lam và đồi Độc Lập thất thủ. Đây cũng là lần đầu tiên, các loại đạn pháo của ta xuất hiện ở chiến trường Điện Biên trước sự kinh ngạc, bất lực và thất vọng đến cùng cực của tên phó tư lệnh chỉ huy pháo binh địch.

Hầm Đờ Cát cách hầm Pi-rốt chừng mười thửa ruộng lúa chín. Nhìn thấy bọn mình đang xúm quanh khu hầm xây kiên cố nghiêng ngó. Một tốp chừng năm bảy cô gái Thái đi qua, mắt đen bờ ngõ dưới vạt khăn piêu, bấm nhau cười khúc khích.

Ngày còn học ở trường, đã có lần mình đến thăm nhà bảo tàng quân đội, từng có dịp đứng ngắm tấm ảnh viên tướng Đờ Cát, mũ ca lô đội lệch ngang tàng, vạm vỡ, lẫm lẫm oai phong. Một viên võ quan đã từng

đoạt giải trong một cuộc thi thể thao của nước Pháp, và chính y cũng rất tự hào về điều đó. Không biết khi phải giơ cao hai tay trước người chiến sĩ Việt Nam bé nhỏ, chân đất, áo quần rách tướp vì đã hàng tháng ròng ngâm mình trong bùn đất chiến hào, y đã nghĩ gì?

Điện Biên, chiều ngày 9

Khu nghĩa trang chính của Điện Biên chiếm một khoảng đất rộng lớn ngay dưới chân đồi A1. Xung quanh tường gạch xây cao. Phía cuối nghĩa trang, bên đài tưởng niệm màu đá xám, cây hoa đại vươn lên những phiến lá màu lục già, và những nụ hoa trắng phẳng phất một mùi thơm thanh khiết. Không khí đượm một vẻ vừa thâm nghiêm, vừa cổ kính.

Bọn mình gắng bước nhẹ lên trên mặt cỏ, như sợ làm kinh động giấc ngủ thiêng liêng của những người đang nằm trong lòng đất. Ngay cả những cậu thường ngày lém lỉnh nhất, giờ cũng giữ một vẻ mặt trang nghiêm, đứng đắn.

Ngay dưới chân đài tưởng niệm, cạnh lối đi, bốn năm mộ được xây cao, to hơn kích thước bình thường. Những tấm bia đá trước từng phần mộ ghi rõ lên tuổi, ngày sinh và ngày mất của những con người đã trở thành bất tử trong những trang sách giáo khoa, trong những lời thơ, trong câu hát... Đó là những người anh hùng đã ngã xuống cho chiến trường Điện Biên mãi mãi là những trang sử vẻ vang của dân tộc: Tô Vĩnh Diện, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Trần Can.

Ngoài bốn ngôi mộ trên, phía sau là hàng ngàn những nấm mồ các chiến sĩ vô danh được gìn giữ trân trọng. Phần mộ nào là nơi gửi gắm phần xương thịt của cậu,

cậu Hoài yêu kính? Cháu không nhận được và cũng không thể nhận ra điều đó. Mong cậu hiểu cho. Nhưng, việc đó cũng không quan trọng, phải không cậu? một khi những người chết còn sống mãi vì một ý nghĩa to lớn, đã được ghi khắc vào ký ức sâu thẳm của thời gian bất tận.

Bọn mình dành một phút mặc niệm trước đài tưởng niệm. Phút im lặng sâu xa tự đáy lòng những con người hôm nay đang xúc động trước vong linh những người đã bỏ mình vì đất nước, trong đó, có những người trẻ tuổi đang có mặt ở nơi đây, giờ này.

Trong hoàng hôn đã âm hơi sương, nghĩa trang miên mông, vắng lặng. Nghe rõ cả tiếng một con chim bông lau nhảy chuyền trên hàng cây long não đang đứng im lìm bên lối đi như những người lính đang hồng súng đứng nghiêm. Và từ đâu đó, phía sườn đồi bên kia, trong sân ngôi trường cấp III, có lẽ đã đến giờ tan học, có những tiếng cười trong trẻo, tiếng nói riu riu của đám học trò nghe vắng đến tận nơi này.

Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh Lai Châu, ngày 11.

Thế là đã rõ, bọn mình sẽ bổ sung về một đơn vị biên phòng. Trong ba năm tới, mình sẽ là một anh bộ đội canh giữ biên ải vùng đông nam Điện Biên, giáp giới Việt Lào. Ba năm. Ba mùa xuân. Khi hết nghĩa vụ, mình đã là một chàng trai 22 tuổi. Hẳn rằng cuộc đời bộ đội sẽ làm cho mình mau chóng lớn khôn về mọi mặt. Còn Thanh Thanh, chắc sẽ đạt ước vọng thi vào được khoa. Mình tin điều đó, vì Thanh Thanh vốn là học sinh giỏi toán diện của lớp. Cứ yên tâm học tập cho tiến bộ, cô bạn thân mến ạ. Mình không bao giờ có chút ganh tị với Thanh Thanh đâu. Đất nước chưa yên bình, nếu mình lần tránh nghĩa vụ, chắc chắn

Thanh Thanh sẽ là người khinh ghét mình đầu tiên. Và mình cũng chẳng thể nào dám nhìn thẳng vào mắt bạn. Còn bây giờ... mình sẽ viết thư luôn. Và mình hy vọng...

Trước lúc từ giả Điện Biên, mình đã đến thăm nghĩa trang một lần nữa. Cậu ơi, xin cậu hãy yên lòng an nghỉ. Ngay ngày mai cháu sẽ viết thư về cho bà ngoại, cháu sẽ nói với bà rằng, cháu đã tìm thấy mộ cậu. Và cháu đã thấp những nén hương bà gửi theo, dành cho người con trai út yêu quý nhất của bà. Cháu thiết tưởng, đối với bà cần có sự động viên ấy để bà vui lòng. Còn cháu, cậu ơi, cháu xin hứa, dù trường hợp nào cũng không là một thằng con trai hèn nhát. Cậu hãy tin cháu.

Cậu ơi, cháu đi nhé!

Ngày 12.

Ngày đầu tiên hành quân bộ. May, trong tiêu đội hồ sung về đồn Mường Luông có cả «Cây pháo tếp». Lúc đầu bọn mình đi hăng hái lắm, «Châu chấu» ta lại còn hát nữa chứ. Đồng chí trung úy đồn phó Mường Luông đi nhận quân, mỉm cười hiền lành: «Đi từ từ thôi, phải giữ sức, còn phải lội suối, leo dốc cao, gần tối mới đến đồn cơ đấy».

Quả nhiên, chỉ sau khi vượt qua một cái đèo không cao lắm, bọn mình mồm mũi đã tranh nhau thở, ba lô như nặng thêm, mồ hôi toát ra ướt lưng áo rồi. Tốc độ hành quân đã chậm hẳn lại. Có cậu đau chân nhăn nhó. Đồng chí đồn phó (tên là Sương) tìm được một căn lều lợp lá chuối rừng, nơi nghỉ tạm của những người làm nghề xẻ gỗ, cho lính dừng chân, nấu bữa trưa.

Trong lúc bọn mình vừa quăng đồ đạc ngồi thở dốc, thì anh Sương đã lặng lẽ lôi từ trong chiếc ba lô của mình ra nào rau cải, một gói muối, dăm cây hành, củ... hai ký thịt trâu tươi rói và một cái nồi. Chà chà, linh ta khoái quá reo lên, phục thủ trưởng ra mặt. Thì ra từ lúc bọn mình còn ngủ, anh Sương đã xuống bếp, thuyết phục anh nuôi nhượng cho các thứ này, mang theo.

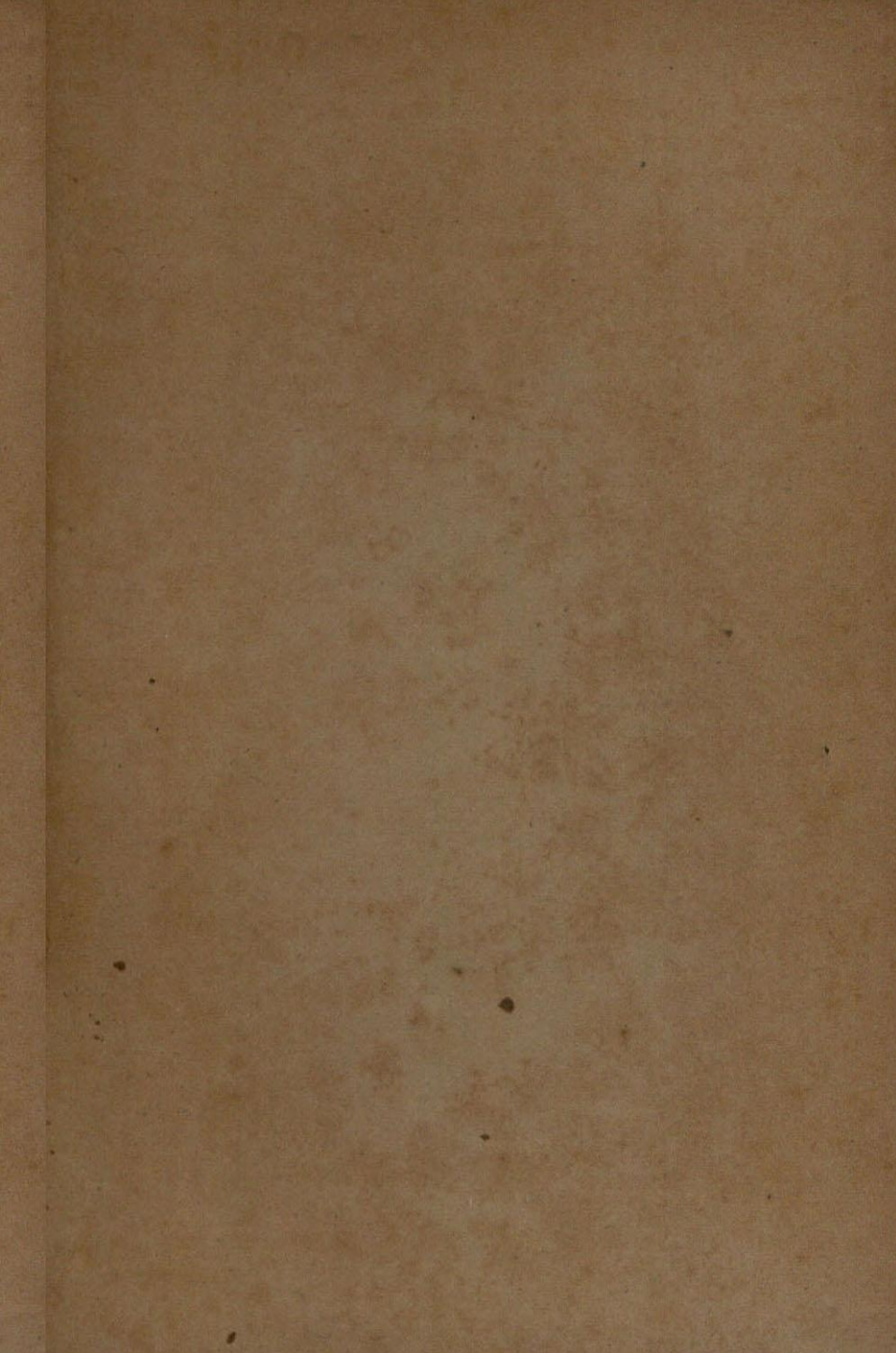
Ai nấy như khỏe hẳn lại. Loáng cái, bữa ăn đã chuẩn bị xong. Thịt trâu xào rau cải. Bọn mình đánh chén một bữa căng rốn. Anh Sương vừa ăn vừa kể: « Đồn biên phòng Mường Luông quản lý 5 xã, cả người Thái, người Khơ mú, người Mông, gồm gần một trăm cây số dọc biên giới. Về tình hình chính trị, dân quân các xã Na Sao và Nà Luông trước đây đã tham gia cùng các chiến sĩ đồn biên phòng bắt gọn hai tổp biệt kích hồi cuối năm 71. Các gia đình người dân tộc ở cả ba xã không còn tình trạng thiếu ăn, lại có thóc dư bán nghĩa vụ.

Mình hỏi:

– Vậy trong khu vực biên giới đồn ta phụ trách, liệu có điều gì cần chú ý.

Anh Sương trầm ngâm:

– Qua biên giới chỉ có một con đường quốc lộ, nhưng có trăm ngàn nẻo bọn xấu cắt rừng đi tắt được. Nếu chúng ta lơ là tuần tra, bọn tay sai bành trướng có thể vượt biên, tuyên truyền gây rối, phá hoại sản xuất, buôn hàng lậu, bạc trắng và giết hại trâu bò...



TÌM ĐỌC:



DVN.001607

**SÁCH XUẤT BẢN NHÂN DỊP KỶ NIỆM
LẦN THỨ 30 CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ**



1. ĐIỆN BIÊN PHỦ TUỔI TRẺ VÀ CHIẾN CÔNG

(kỷ sự lịch sử)

HỘI ĐỒNG SỬ ĐOÀN - ĐỘI

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN

2. SẮM DẬY TRƯA HÈ

(truyện ca)

TẠ HỮU YÊN

3. ĐIỆN BIÊN PHỦ HÔM NAY

(truyện và ký)

NHIỀU TÁC GIẢ

4. KỸ VẬT ĐIỆN BIÊN

NHIỀU TÁC GIẢ

5. ĐIỆN BIÊN PHỦ THỜI GIAN VÀ KHÔNG GIAN

(in lần Thứ hai)

HỮU MAI

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

Giá 6,450